Meliasoft®
ERP của người Việt

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

- Quản trị kế hoạch
- Quản lý điều hành
- Kế toán quản trị
- Quản trị dòng tiền
- Quản trị theo quy trình
- Quản trị nguồn nhân lực

MELIASOFT 2018

NỘI DUNG CHÍNH

Lời mở đầu	4
Lợi ích giải pháp	6
Mô hình quản trị ERP của Meliasoft	9
Quản trị kế hoạch	10
Quản lý điều hành, tác nghiệp	11
Quản lý theo quy trình (Workflow)	12
Cân đối nguồn lực	13
Quy trình mua hàng	15
Quy trình quản lý kho	18
Quy trình sản xuất và tính giá thành sản phẩm	21
Quy trình bán hàng	26
Quy trình bán lẻ	31
Quy trình quản lý lô đơn hàng	33
Quản lý thông tin khách hàng	34
Quản lý hợp đồng	35
Quản lý nhân sự - tiền lương	38

NỘI DUNG CHÍNH

Quản lý tài liệu	44
Kế toán tài chính	46
Kế toán vốn bằng tiền	47
Kế toán mua hàng - phải trả	49
Kế toán bán hàng - phải thu	51
Kế toán hàng tồn kho	53
Kế toán chi phí giá thành	55
Kế toán tài sản, công cụ	58
Kế toán thuế	60
Kế toán tổng hợp	61
Kế toán hợp nhất	63
Quản trị hệ thống	64
Một số tính năng khác biệt	65
Quy trình triển khai	84
Dịch vụ	86
Liên hệ	87

LỜI MỞ ĐẦU

Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp phát triển phải trải qua các giai đoạn, mỗi giai đoạn Doanh nghiệp có mục tiêu phát triển, gặp khó khăn khác nhau.

Nếu như ở giai đoạn đầu tài chính gặp nhiều khó khăn dẫn đến khó khăn trong việc tuyển dụng người giỏi phải trả lương cao. Chi phí sản xuất cao cũng sẽ là gánh nặng đối với những doanh nghiệp sản xuất, sản phẩm đưa ra thị trường đòi hỏi không chỉ chất lượng cao mà còn giá cạnh tranh mà muốn có giá cạnh tranh thì phải có quy mô sản xuất đủ lớn. Ở giai đoạn này một người có thể đồng thời gánh vác nhiều vai trò khác nhau, doanh nghiệp vẫn chưa có được một lưu trình cố định, đồng thời các chủ doanh nghiệp hoặc các đối tác khi đó do nhu cầu về mặt nguồn vốn hoặc quy trình thao tác còn đơn giản.

Tuy nhiên đã qua giai đoạn khó khăn, Khi đã bắt đầu "ăn nên làm ra", doanh nghiệp thường có sự gia tăng về quy mô nhân sự, mở rộng thị trường Doanh nghiệp sẽ gặp phải khó khăn trong quản lý. Về mặt quản lý tài chính, với sự gia tăng về khối lượng kinh doanh, việc định khoản các tài khoản kế toán ngày càng nhiều và phức tạp, và việc sử dụng chứng từ kế toán viết tay dễ gây ra tình trạng thiếu sót, hoặc quá trình đối chiếu kiểm tra thủ công sẽ bị kéo dài, từ đó dẫn đến việc trì hoãn ngày kết sổ.

LỜI MỞ ĐẦU

Doanh nghiệp thường sẽ áp dụng hệ thống quản lý tích hợp ERP trong giai đoạn này để có thể quản trị ở quy mô lớn. Việc áp dụng hệ thống quản lý mới đòi hỏi người tham gia phải có những năng lực quản trị mới. Và một hệ thống ERP tốt (hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) sẽ giúp các doanh nghiệp thực hiện việc kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, là công cụ quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý.

Để giúp các doanh nghiệp có được phần mềm quản trị phù hợp với mô hình của mình, dần làm quen với những mô hình chuẩn, các chuyên gia của Meliasoft, một công ty chuyên tư vấn quản trị doanh nghiệp – kế toán, xây dựng và thiết kế triển khai phần mềm đã cho ra đời sản phẩm với tên gọi Meliasoft 2018.

Meliasoft®
ERP của người Việt

Meliasoft2018 là phần mềm quản lý tổng thể doanh nghiệp, cho phép doanh nghiệp tự kiểm soát được trạng thái nguồn lực của chính mình. Từ những yếu tố đó, doanh nghiệp có thể lên kế hoạch khai thác các nguồn tài nguyên này hợp lý nhờ vào các quy trình nghiệp vụ thiết lập trong hệ thống. Ngoài ra, Meliasoft còn cung cấp cho các doanh nghiệp một hệ thống quản lý với quy trình hiện đại theo chuẩn quốc tế, nhằm nâng cao khả năng quản lý điều hành doanh nghiệp cho lãnh đạo cũng như tác nghiệp của các nhân viên.

LỢI ÍCH CỦA GIẢI PHÁP

DỮ LIỆU TẬP TRUNG

01

- √ Dữ liệu được cập nhật tức thời trên 01 hệ thống chung
- √ Tác nghiệp thông suốt giữa các phòng ban và các cơ sở trên toàn quốc
- √ Báo cáo tức thời tại từng thời điểm

ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

02

- √ Khác biệt so với các giải pháp khác là các ứng dụng đơn lẻ. Giải pháp do Meliasoft cung cấp là giải pháp tổng thể, toàn diện và có thể triển khai từng phần có tính kế thừa tương lai, giúp Lãnh đạo DN có thể chủ động đầu tư ở giai đoạn phù hợp.
- √ Định hướng phát triển trợ lý ảo bằng giọng nói, số hóa. Lúc đó hệ thống như một con người, nó sẽ đoán tư duy người dùng.

CHUẨN HÓA CÁC QUY TRÌNH

03

Meliasoft tập hợp các quy trình tiên tiến, kết hợp với kinh nghiệm triển khai hàng nghìn khách hàng. Vì vậy Meliasoft rất phù hợp với DN Việt, dễ sử dụng

LỢI ÍCH CỦA GIẢI PHÁP

CHỨC NĂNG PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ

04

Hệ thống báo cáo đồng bộ, phong phú, tức thời và phân tích theo nhiều chiều thông tin có thể giúp Lãnh đạo Công ty có cái nhìn toàn cảnh, cũng như phân tích đánh giá hiệu quả

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH

05

Hệ thống quản lý thống nhất, đồng bộ, tức thời và tối ưu về thao tác, tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý, nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

THÔNG TIN CẬP NHẬT CHÍNH XÁC

06

Với hệ thống phần mềm đồng bộ, giúp cho việc cập nhật thông tin quản lý liên tục, kịp thời, chính xác

LẬP & THEO DÕI KẾ HOẠCH

07

Meliasoft2018 hỗ trợ việc lập kế hoạch xuyên suốt các bộ phận và tổng hợp kế hoạch về Ban giám đốc, đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện

LỢI ÍCH CỦA GIẢI PHÁP

HỆ THỐNG TÁC NGHIỆP

08

- √ Hệ thống các quy trình tác nghiệp theo luồng công việc liên kết với các phòng ban giúp cho việc tác nghiệp giữa các phòng ban phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả.
- √ Nguyên tắc kế thừa thông tin giúp tránh trùng lặp công việc, tiết kiệm thời gian, tăng hiệu quả làm việc, giảm chi phí.
- √ Khả năng tổng hợp nhiều nguồn thông tin từ các bộ phận.

HỆ THỐNG CẢNH BÁO

09

Giải pháp cung cấp hệ thống cảnh báo tình trạng theo luồng công việc, Sự kiện và giao việc từ cấp quản lý cho nhân viên, giúp người quản lý nắm bắt tình trạng công việc

NÂNG CAO NĂNG LỰC & NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NHÂN VIÊN

10

- √ Nhân viên tham gia hệ thống sẽ được tham gia các khóa đào tạo hiệu quả giúp tăng năng lực.
- √ Hệ thống thay đổi thói quen, thống kê, đánh giá phân tích từ đó giúp năng suất được tăng lên.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ ERP CỦA MELIASOFT

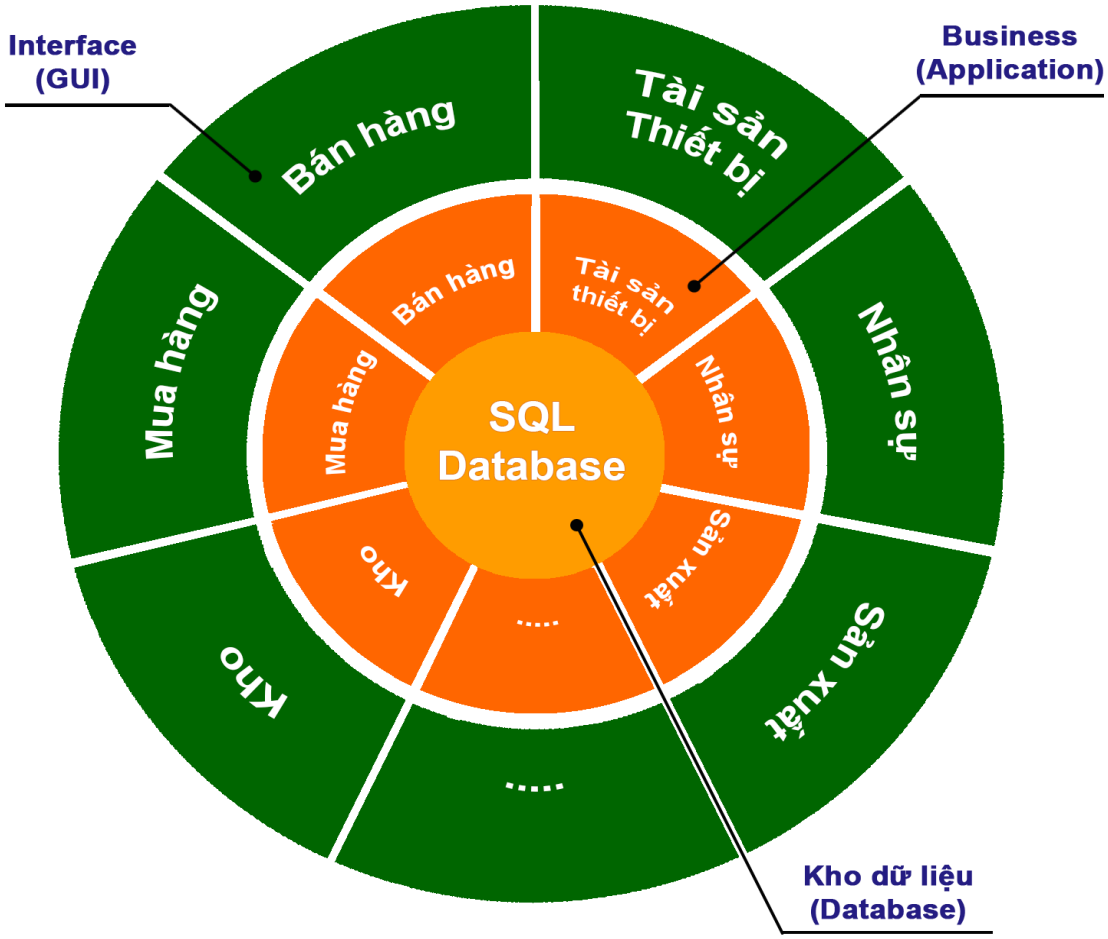

QUẢN TRỊ KẾ HOẠCH

Tổng quan:

Lập kế hoạch là khâu rất quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh; nó giúp các nhà quản lý định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp. Sử dụng phần mềm quản lý kế hoạch sẽ hỗ trợ người quản lý lập ra những kế hoạch hoạt động phù hợp với khả năng và nhu cầu của doanh nghiệp. Đồng thời giúp họ có thể so sánh hoạt động thực tế với kế hoạch đưa ra nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

Bao gồm kế hoạch mục tiêu (hàng năm, dài hạn) và kế hoạch thực hiện (hàng kỳ):

- Kế hoạch tổng quan: Doanh thu, chi phí
- Kế hoạch bán hàng - phải thu
- Kế hoạch mua hàng - phải trả
- Kế hoạch vốn bằng tiền
- Kế hoạch hàng tồn kho
- Kế hoạch chi phí giá thành
- Kế hoạch nhân sự, tiền lương

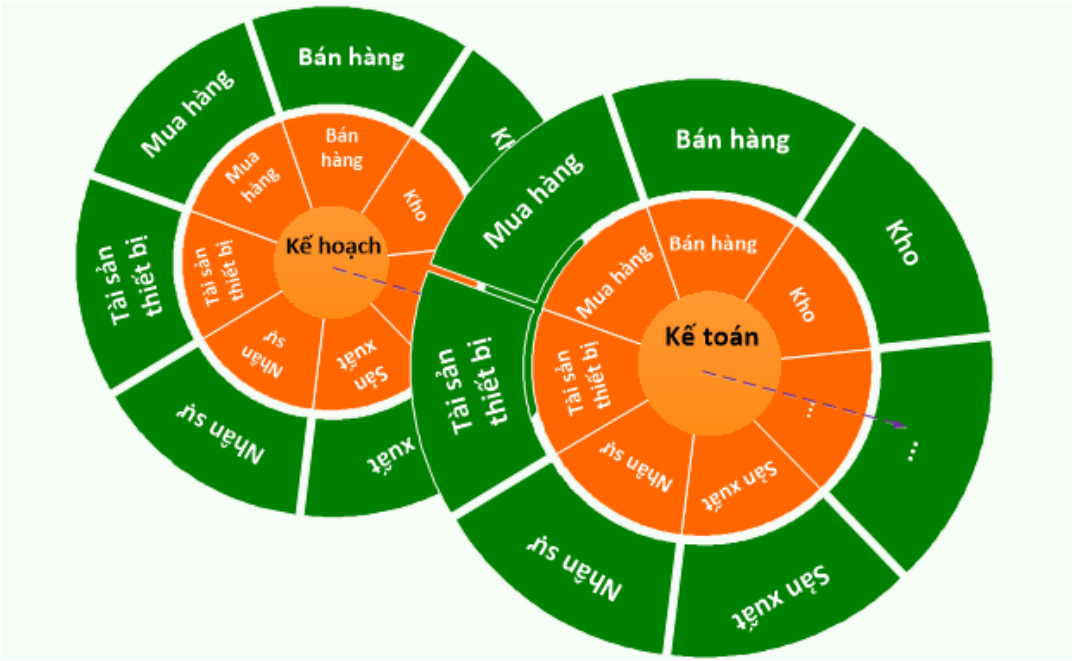

QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH, TÁC NGHIỆP

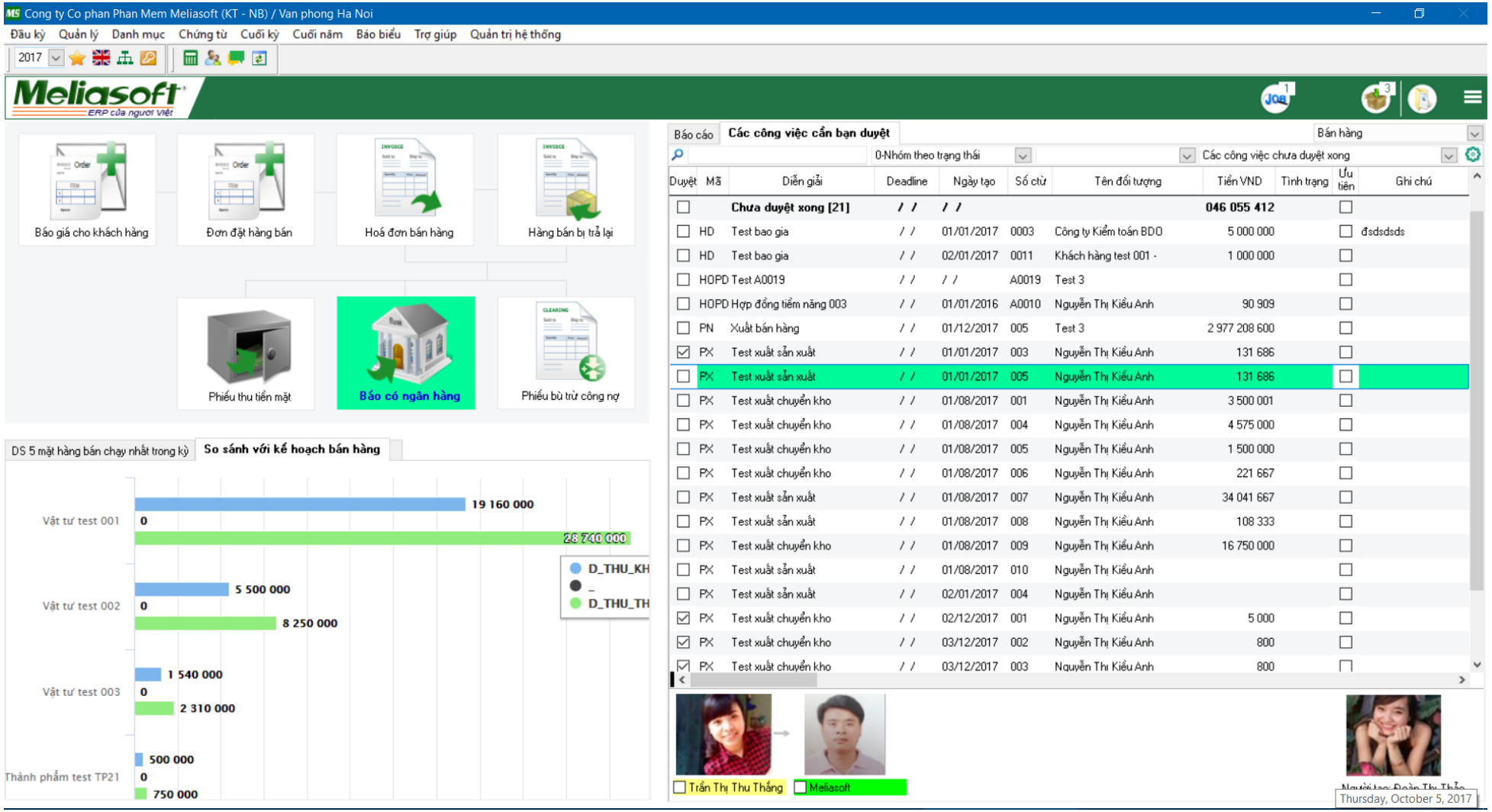

QUẢN LÝ THEO QUY TRÌNH (WORKFLOW)

Tổng quan:

Quản lý điều hành là việc căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định trong kinh doanh. Việc sử dụng phần mềm cho quản lý điều hành là dựa vào các báo cáo đưa ra trong phần mềm nhằm phục vụ cho việc ra quyết định và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh nhất định.

Quản lý tiến trình sản xuất kinh doanh:

- Quản lý thông tin khách hàng - Quản lý hợp đồng
- Cân đối nguồn lực
- Quản lý mua hàng
- Quản lý hàng tồn kho
- Quản lý sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- Quản lý bán hàng

Các phân hệ quản lý khác:

- Quản lý nhân sự tiền lương
- Quản lý tài liệu

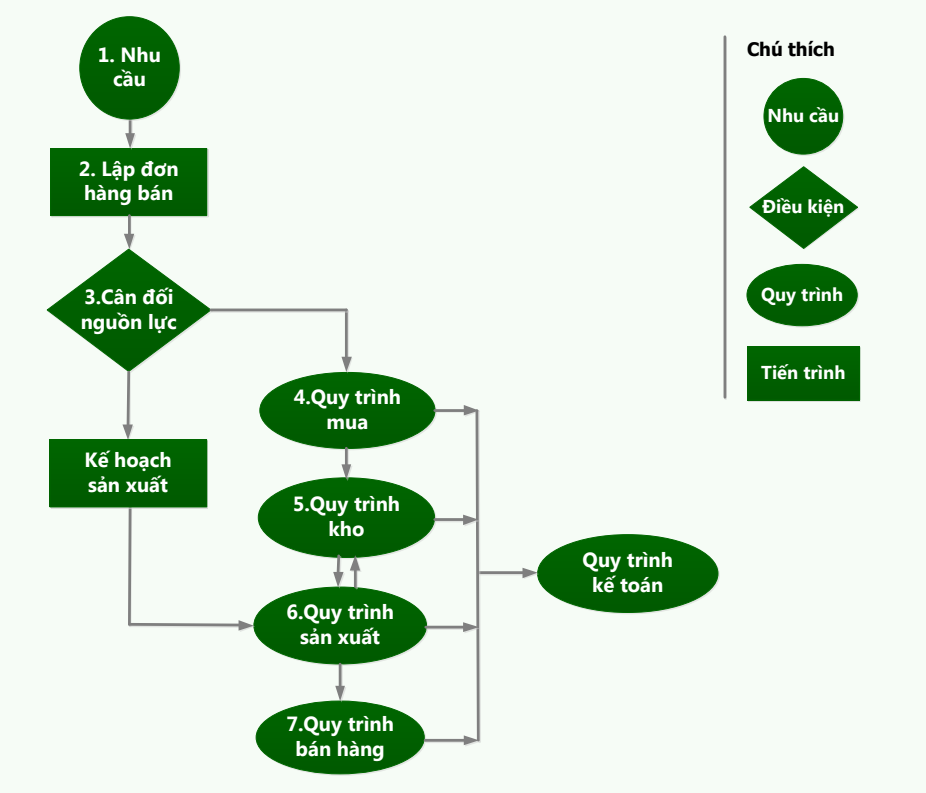

CÂN ĐỐI NGUỒN LỰC

Tổng quan:

Để đáp ứng nhu cầu đơn hàng dựa trên thông tin về năng lực và nguồn lực hiện có của doanh nghiệp (lượng hàng tồn, định mức, máy móc thiết bị, nhân công cùng một số yếu tố khác…), chương trình sẽ hoạch định ra nguồn lực tối ưu nhất cho sản xuất. BOM (Bill of material) cung cấp thông tin hữu ích kịp thời, giúp tận dụng tốt các nguồn lực, đảm bảo tối ưu hóa các hoạt động trong chuỗi cung ứng (Supply change).

Những điểm chính:

- ***Đầu vào của BOM dựa trên thông tin về năng lực và nguồn lực hiện có của doanh nghiệp:***
  - Lập đơn hàng đặt ra nhu cầu: mặt hàng, số lượng, thời gian giao hàng
  - Khai báo định mức vật tư, nguyên vật liệu và các yếu tố sản xuất khác (nhân công, sản xuất chung) trong kết cấu sản phẩm của từng công đoạn sản xuất cùng tỷ lệ hao hụt (nếu có).
  - Thời gian chờ mua, chờ sản xuất cho từng sản phẩm, công đoạn (list time); đây là cơ sở tính toán tổng thời gian sản xuất so với ngày dự kiến giao hàng.
  - Dựa trên khả năng đáp ứng của kho đến thời điểm sản xuất: tồn kho thực tế của thành phẩm, bán thành phẩm, nguyên vật liệu; tính toán đến các lệnh sản xuất đang thực hiện và kế hoạch đã được xác nhận.
  - Dựa trên năng lực sản xuất thực tế (nhân lực, máy móc thiết bị…) cùng các yếu tố khác (văn hóa vùng miền, thời tiết…)

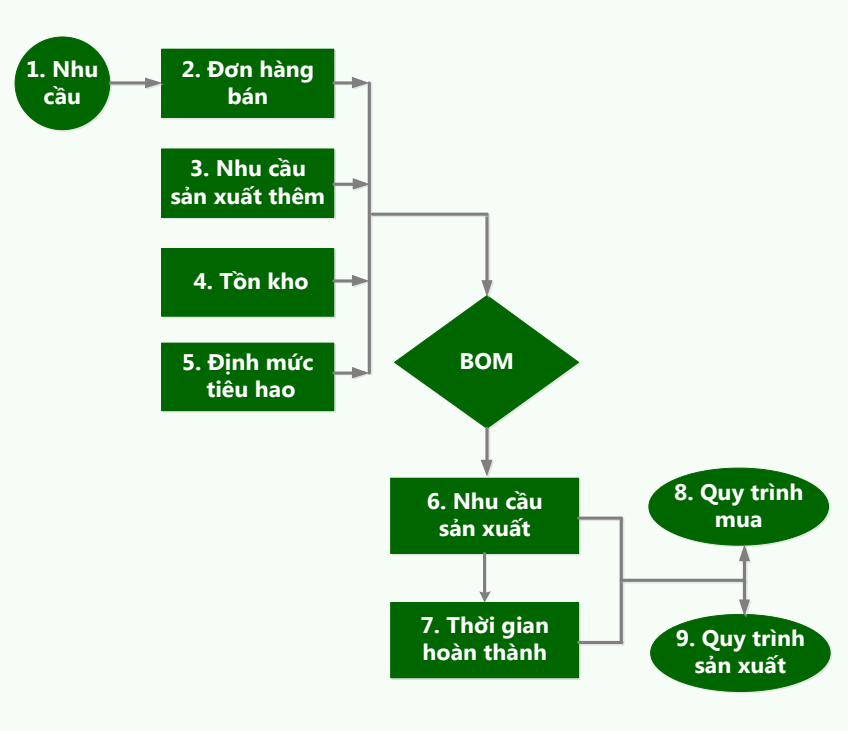

CÂN ĐỐI NGUỒN LỰC

- ***Chương trình sẽ hoạch định ra nguồn lực tối ưu nhất cho sản xuất thông qua trả lời các câu hỏi:***
  - Doanh nghiệp có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu đơn hàng không?
  - Nguyên vật liệu cần cho sản xuất là bao nhiêu ? Cần mua thêm bao nhiêu và khi nào cần mua ?
  - Các yếu tố nhân lực, máy móc thiết bị và các yếu tố khác ?

  → Từ đó làm cơ sở cho việc thiết lập nhu cầu mua hàng và lập kế hoạch sản xuất theo tổ, đội, phân xưởng …

- ***Ngoài ra chương trình có khả năng xử lý linh hoạt các vấn đề khác liên quan:***
  - Huỷ đơn hàng
  - Khách hàng đặt thêm hàng
  - Sản xuất theo lô, mẻ
  - Sản xuất đáp ứng nhu cầu tối thiểu của kho
  - …

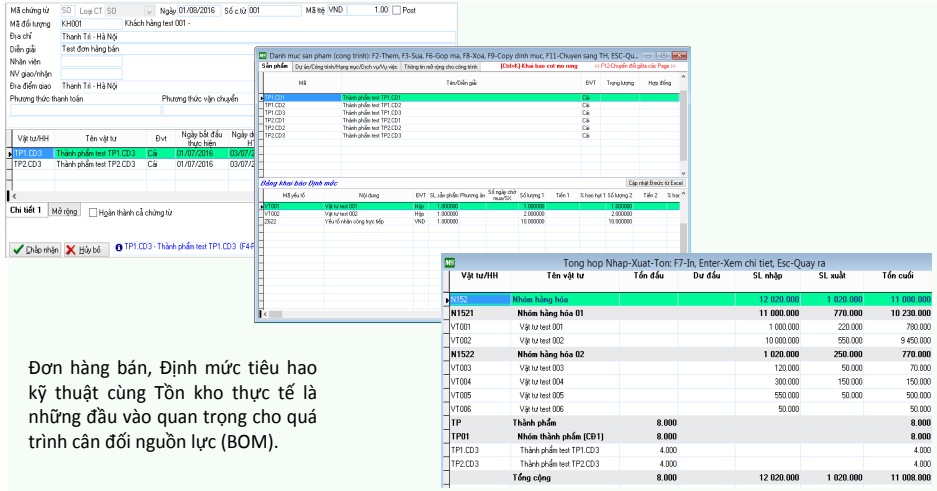

Đơn hàng bán, Định mức tiêu hao kỹ thuật cùng Tồn kho thực tế là những đầu vào quan trọng cho quá trình cân đối nguồn lực (BOM).

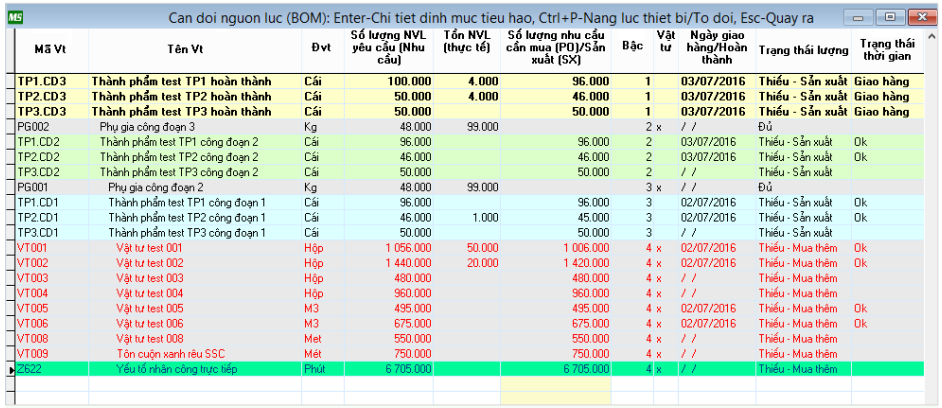

Mã Vt	Tên Vt	Đvt	Số lượng NVL yêu cầu (Nhu cầu)	Tồn NVL (thực tế)	Số lượng nhu cầu cần mua (PO)/Sản xuất (SX)	Bậc	Vật tư	Ngày giao hàng/Hoàn thành	Trạng thái lượng	Trạng thái thời gian
TP1.CD3	Thành phẩm test TP1 hoàn thành	Cái	100.000	4.000	96.000	1		03/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Giao hàng
TP2.CD3	Thành phẩm test TP2 hoàn thành	Cái	50.000	4.000	46.000	1		03/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Giao hàng
TP3.CD3	Thành phẩm test TP3 hoàn thành	Cái	50.000		50.000	1		03/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Giao hàng
PG002	Phụ gia công đoạn 3	Kg	48.000	99.000		2	x	/ /	Đủ	
TP1.CD2	Thành phẩm test TP1 công đoạn 2	Cái	96.000		96.000	2		03/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Ok
TP2.CD2	Thành phẩm test TP2 công đoạn 2	Cái	46.000		46.000	2		03/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Ok
TP3.CD2	Thành phẩm test TP3 công đoạn 2	Cái	50.000		50.000	2		/ /	Thiếu - Sản xuất	
PG001	Phụ gia công đoạn 2	Kg	48.000	99.000		3	x	/ /	Đủ	
TP1.CD1	Thành phẩm test TP1 công đoạn 1	Cái	96.000		96.000	3		02/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Ok
TP2.CD1	Thành phẩm test TP2 công đoạn 1	Cái	46.000	1.000	45.000	3		02/07/2016	Thiếu - Sản xuất	Ok
TP3.CD1	Thành phẩm test TP3 công đoạn 1	Cái	50.000		50.000	3		/ /	Thiếu - Sản xuất	
VT001	Vật tư test 001	Hộp	1 056.000	50.000	1 006.000	4	x	02/07/2016	Thiếu - Mua thêm	Ok
VT002	Vật tư test 002	Hộp	1 440.000	20.000	1 420.000	4	x	02/07/2016	Thiếu - Mua thêm	Ok
VT003	Vật tư test 003	Hộp	480.000		480.000	4	x	/ /	Thiếu - Mua thêm	
VT004	Vật tư test 004	Hộp	960.000		960.000	4	x	/ /	Thiếu - Mua thêm	
VT005	Vật tư test 005	M3	495.000		495.000	4	x	02/07/2016	Thiếu - Mua thêm	Ok
VT006	Vật tư test 006	M3	675.000		675.000	4	x	02/07/2016	Thiếu - Mua thêm	Ok
VT008	Vật tư test 008	Met	550.000		550.000	4	x	/ /	Thiếu - Mua thêm	
VT009	Tôn cuộn xanh rêu SSC	Mét	750.000		750.000	4	x	/ /	Thiếu - Mua thêm	
Z622	Yếu tố nhân công trực tiếp	Phút	6 705.000		6 705.000	4	x	/ /	Thiếu - Mua thêm	

Dựa trên thông tin về năng lực và nguồn lực hiện có của Doanh nghiệp, BOM sẽ hoạch định ra nguồn lực tối ưu nhất cho quá trình sản xuất.

QUY TRÌNH MUA HÀNG

Tổng quan:

Phân hệ quản lý mua hàng giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quy trình mua hàng bắt đầu từ nhu cầu mua hàng đến lập kế hoạch, cập nhật báo giá, lựa chọn nhà cung cấp, lập đơn đặt hàng mua, phiếu nhập mua đồng thời quản lý công nợ chi tiết cho từng nhà cung cấp, từng hợp đồng, đơn hàng mua một cách đầy đủ và chính xác.

Những điểm chính:

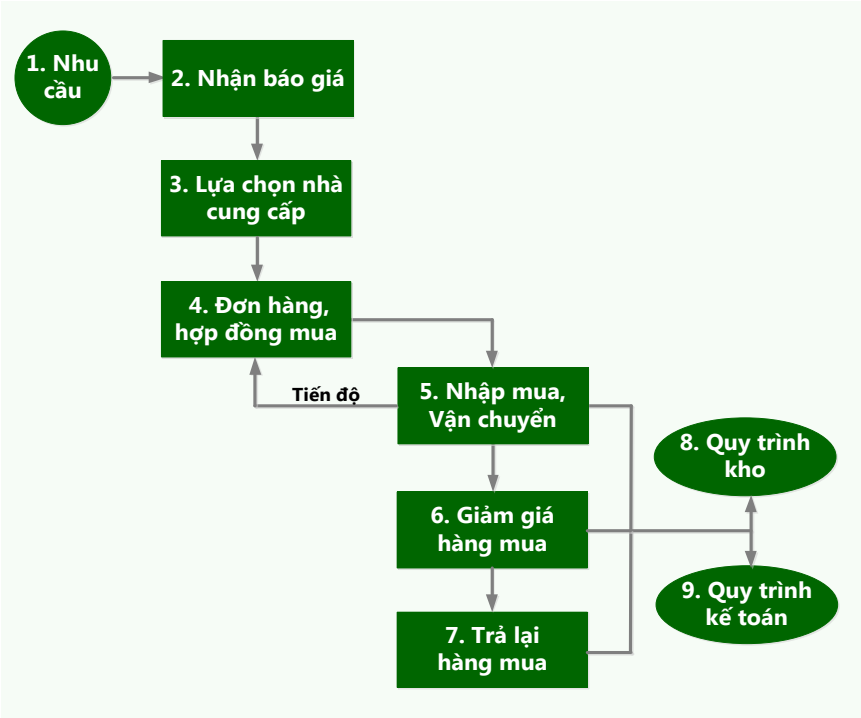

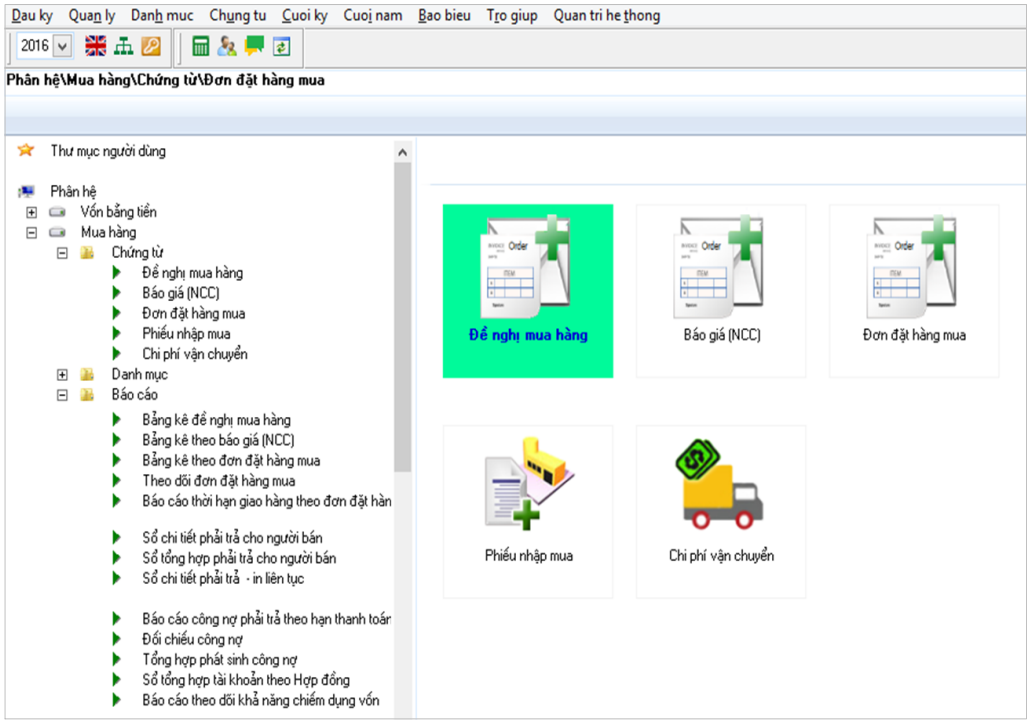

QUY TRÌNH MUA HÀNG

Những điểm chính:

- Lập và in đề nghị mua hàng, đơn hàng mua, phiếu nhập mua, chi phí vận chuyển - dịch vụ, phiếu chi trả nhà cung cấp, phiếu bù trừ công nợ theo quy trình.
- Phân bổ chi phí mua, chi phí vận chuyển, thuế nhập khẩu cho các mặt hàng (theo giá trị / số lượng).
- Theo dõi, hạch toán tự động tính thuế GTGT, thuế tiêu thụ, thuế nhập khẩu theo tờ khai hải quan.
- Giám sát công nợ phải trả nhà cung cấp theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, nhà cung cấp, hợp đồng, đơn hàng, nhân viên, …)
- Bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, sản phẩm, hợp đồng…
- In báo cáo: Báo cáo lựa chọn nhà cung cấp, Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, Tổng hợp nhập kho, Tổng hợp vận chuyển bốc dỡ lắp đặt hàng mua, Theo dõi đơn hàng mua, Báo cáo thời hạn giao hàng theo đơn hàng mua…

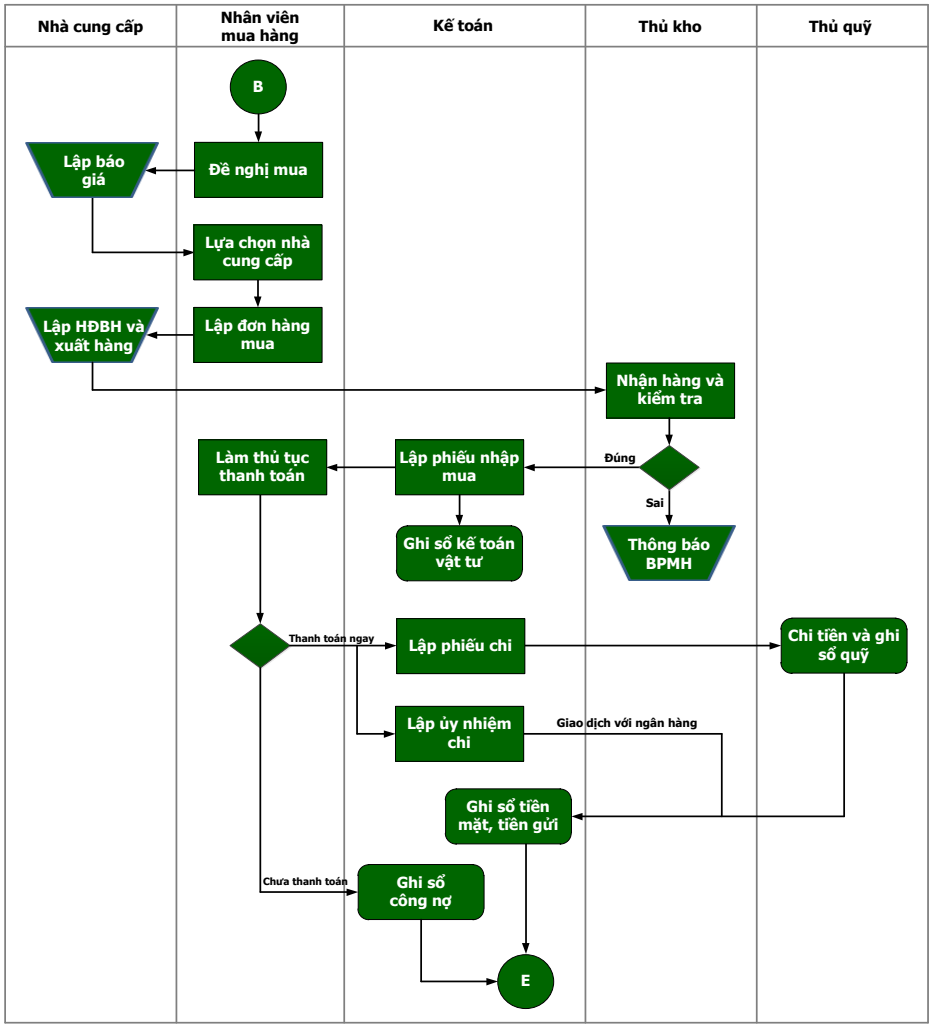

Hình 1. Quy trình nghiệp vụ mua hàng

QUY TRÌNH MUA HÀNG

Những điểm nổi bật:

- Phân tích mua hàng theo nhiều tiêu chí (nhà cung cấp, nhân viên mua, lô hàng, bộ phận, hình thức mua, mặt hàng, đơn hàng…)
- So sánh các chỉ tiêu phân tích mua hàng giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.
- Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng, hợp đồng mua (giao hàng đúng lượng, đúng hạn).
- Phân tích tuổi nợ. Tự động theo dõi hạn thanh toán hoặc do người dùng định nghĩa, tính toán tuổi nợ trong hạn, quá hạn, khó đòi; khai báo và tính toán lãi trước hạn, lãi quá hạn cho từng kỳ hạn nợ.
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác …
- Lưu các thông tin khác trên chứng từ thông qua việc attach, download các file tài liệu đính kèm.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

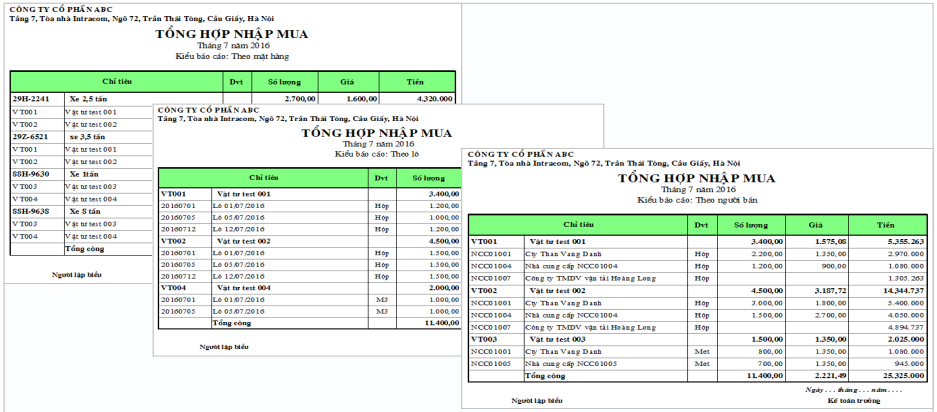

Báo cáo của chương trình phân tích số liệu mua hàng theo nhiều tiêu chí như nhà cung cấp, bộ phận, nhân viên, vật tư, lô hàng..

Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng mua trên từng vật tư cả về mặt lượng và thời hạn giao hàng.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

Tổng quan:

Phân hệ quản lý hàng tồn kho cung cấp một bức tranh toàn cảnh về tình hình nhập xuất tồn kho tại công ty, hỗ trợ tối đa mục tiêu kiểm soát và giảm thiểu tiền chết tại kho thông qua việc thống kê chính xác, tối ưu về hạn mức kho cũng như thời gian lưu kho.

Những điểm chính:

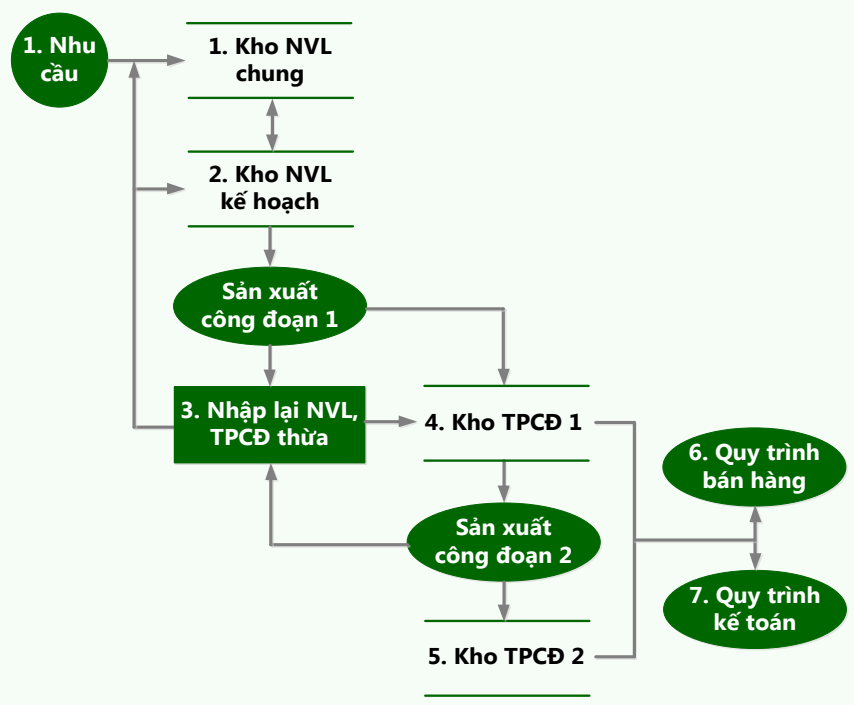

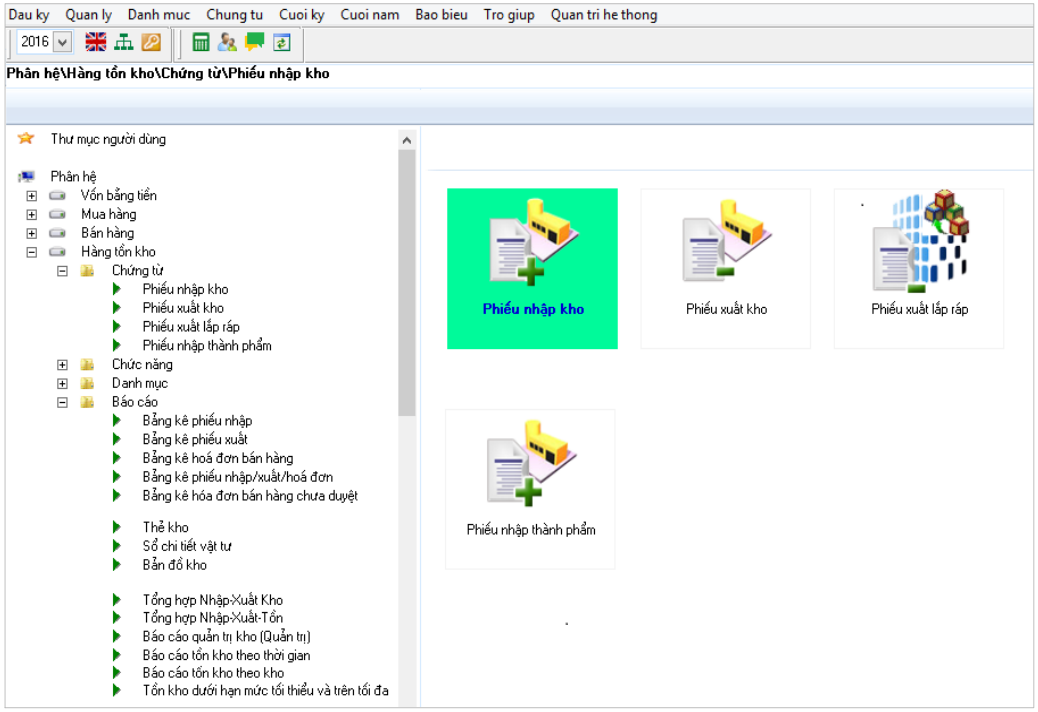

QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

Những điểm chính:

- Lập và in Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất lắp ráp và Phiếu nhập thành phẩm trực tiếp trên phần mềm.
- Quản lý vật tư theo nhiều đơn vị tính, bao gồm các đơn vị tính quy đổi (Thùng-Chai, Hộp – Viên - Kg...) và đơn vị tính không quy đổi (tấm gỗ – m3..), lưu hệ số quy đổi theo hai cách từ đơn vị gốc về quy đổi hoặc từ quy đổi về đơn vị gốc.
- Quản lý việc cho phép/không cho phép xuất hàng âm; cảnh báo xuất âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu.
- Tự động tính giá vốn của hàng xuất theo nhiều phương pháp khác nhau: Đích danh, giá trung bình tháng, trung bình thời điểm, nhập trước xuất trước; theo từng kho hoặc không theo kho. Xử lý bài toán làm tròn 10/3 khi tính giá vốn trong trường hợp lượng hết, tiền còn.
- Xử lý các trường hợp tính giá vốn quay vòng, áp giá vốn tự động khi xuất lắp ráp, xuất điều chuyển kho, xuất chuyển đơn vị chi nhánh khác…
- Các báo cáo thống kê: Bảng kê phiếu nhập/phiếu xuất/hóa đơn.., Thẻ kho, Bản đồ kho, In mã vạch, In Palet, Tổng hợp nhập xuất tồn, Báo cáo quản trị kho, Báo cáo tồn kho theo kho, Tồn kho theo thời gian, Báo cáo so sánh vật tư xuất thực tế so với định mức…

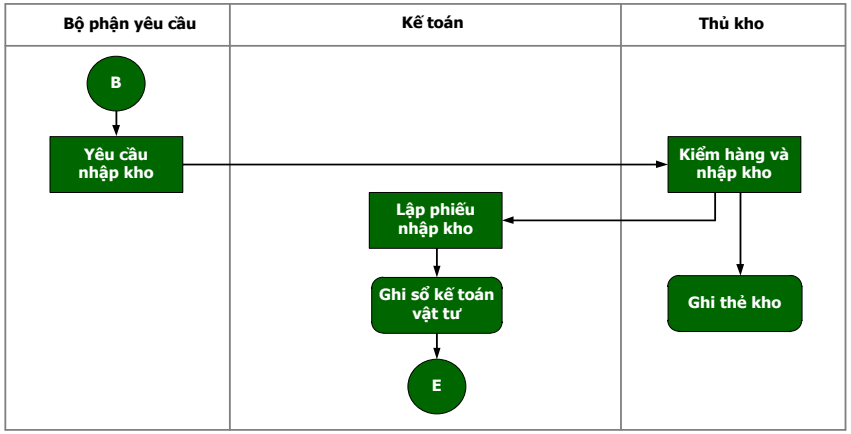

Hình 2. Quy trình nhập kho

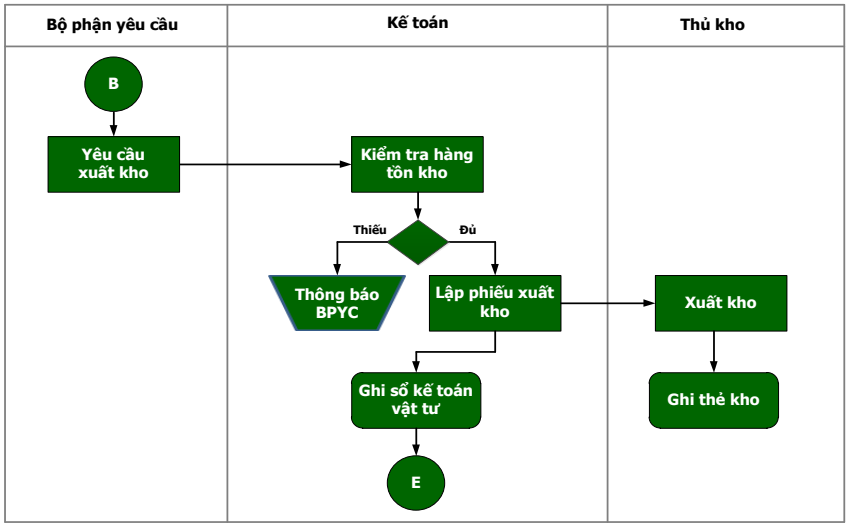

Hình 3. Quy trình xuất kho

QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

Những điểm nổi bật:

- Thống kê số liệu nhập xuất tồn theo nhiều chiều quản lý như: kho, vị trí trong bản đồ kho, palet, lô, ngành hàng, mặt hàng, chi tiết mã hàng, mã hàng đại diện cũng như các đối tượng quản lý khác.
- Phân tích tuổi kho: Căn cứ vào các phiếu nhập xuất, chương trình xử lý và tính toán tuổi kho theo phương pháp FIFO cho từng vật tư. Mức tuổi kho do người dùng tự định nghĩa (< 30 ngày, 30-60 ngày, 60-90 ngày, > 90 ngày…)
- So sánh các chỉ tiêu phân tích kho giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.

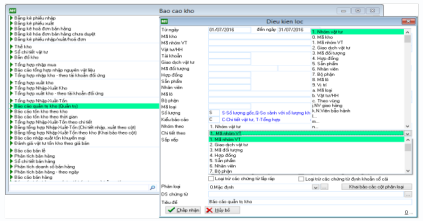

Thống kê kho theo nhiều chiều quản lý với các chỉ tiêu nhóm và chi tiết

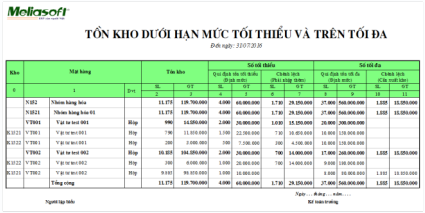

Quản lý hạn mức kho theo tồn tối thiểu, tồn tối đa trên từng vật tư/kho/lô/bộ phận…

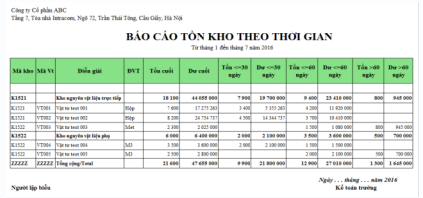

Phân tích tuổi kho cho từng vật tư với các mức tuổi kho do người dùng tự định nghĩa

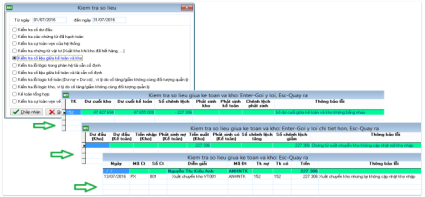

Kiểm tra và cảnh báo lỗi logic giữa kho và kế toán. Đưa ra gợi ý đến tận chứng từ gốc có lỗi phát sinh.

Ứng dụng mã vạch trong nhập xuất kho

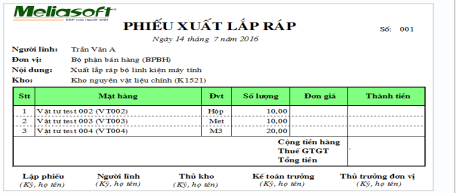

Phiếu xuất lắp ráp được ứng dụng nhiều trong các ngành công nghiệp lắp ráp như linh kiện, máy tính…

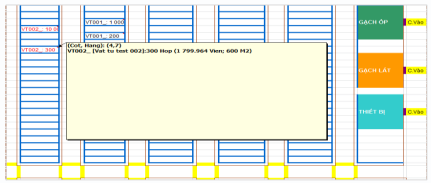

Bản đồ kho giúp quản lý kho hàng một cách tối ưu, đặc biệt với các đơn bị có kho hàng rộng lớn.

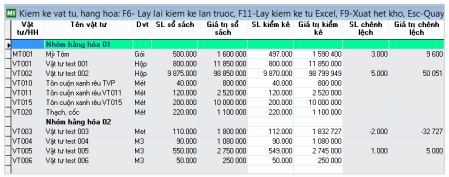

Tự động cập nhật kết quả kiểm kê cuối kỳ từ các file excel, dữ liệu của máy kiểm kê mã vạch…

- Cập nhật kiểm kê định kỳ, tự động tạo các phiếu xuất khi có giá trị kiểm kê.
- Phát hiện và cảnh báo các lỗi logic lệch số liệu giữa kho và kế toán, lỗi logic kho vì lý do tăng/giảm không cùng đối tượng quản lý…
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác…
- Lưu các thông tin khác trên chứng từ thông qua việc attach, download các file tài liệu đính kèm.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tổng quan:

Quản lý đầy đủ các khâu trong quy trình sản xuất từ Lập đơn hàng sản xuất (Lệnh sản xuất, Hướng dẫn sản xuất) → Xuất/Nhập kho nguyên vật liệu → Nhập thành phẩm hoàn thành → Tính giá thành sản phẩm. Công tác kiểm soát chặt chẽ, thống kê tức thời và việc tính chính xác giá thành sản phẩm sẽ giúp nhà quản trị chủ động điều hành và ra quyết định sản xuất kinh doanh.

Những điểm chính:

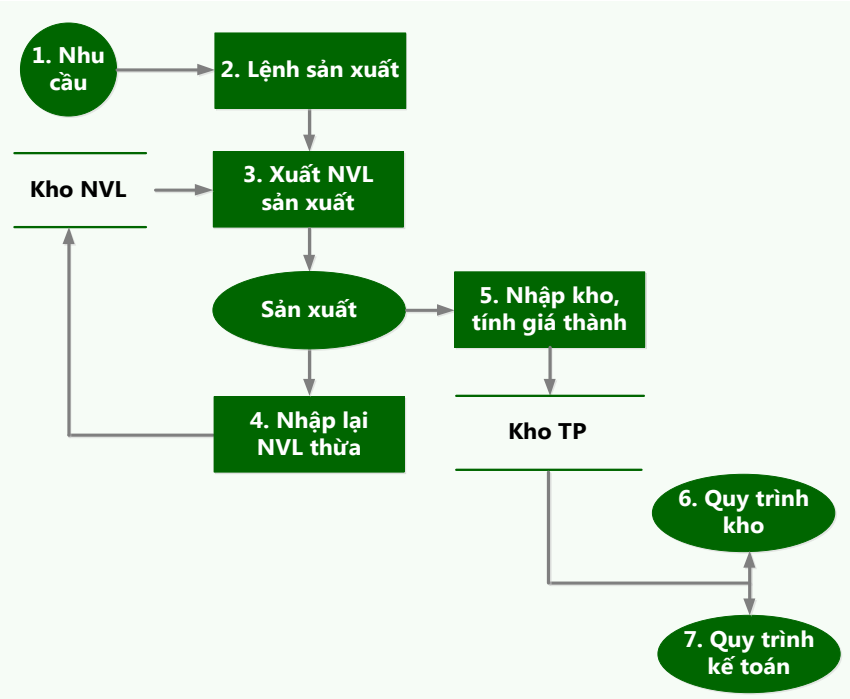

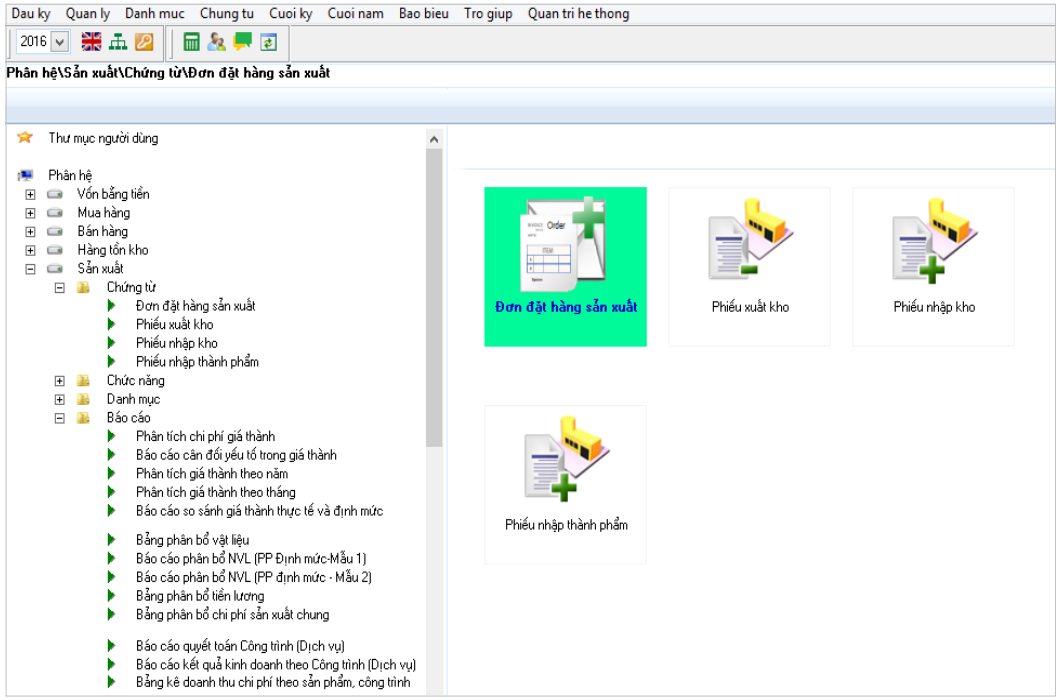

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Những điểm chính:

♦ ***Quy trình sản xuất***

- Lập và in Đơn hàng sản xuất, Phiếu xuất kho nguyên vật liệu, Phiếu nhập kho nguyên vật liệu thừa, Phiếu nhập thành phẩm theo quy trình.
- Quản lý thông tin sản xuất chi tiết từng ngày, từng ca làm việc, từng công đoạn sản xuất…
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác…
- Theo dõi và đánh giá tỷ lệ hỏng, hủy, hao hụt trong quá trình thống kê sản xuất.
- Theo dõi tiến độ nhập thành phẩm so với đơn hàng sản xuất (hoàn thành đúng sản lượng, đúng thời hạn).
- So sánh các chỉ tiêu phân tích sản xuất giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.
- In báo cáo: Báo cáo nhu cầu vật tư, Tổng hợp nhập – xuất kho, Báo cáo so sánh vật tư xuất thực tế và định mức, Bảng kê theo đơn hàng sản xuất, Báo cáo thời hạn giao hàng theo đơn hàng…

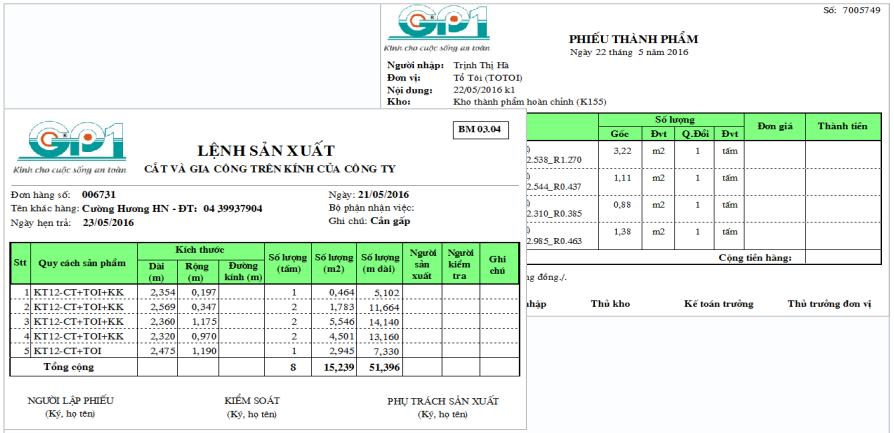

Số: 7005749

PHIẾU THÀNH PHẨM
Ngày 22 tháng 5 năm 2016

Người nhập: Trịnh Thị Hà
Đơn vị: Tổ Tôi (TOTOI)
Nội dung: 22/05/2016 k1
Kho: Kho thành phẩm hoàn chỉnh (K155)

	Số lượng Gốc	Đvt	Q.Đổi	Đvt	Đơn giá	Thành tiền
2.538_R1.270	3,22	m2	1	tấm		
2.544_R0.437	1,11	m2	1	tấm		
2.310_R0.385	0,88	m2	1	tấm		
2.985_R0.463	1,38	m2	1	tấm		
				Cộng tiền hàng:		

ng đồng./.

nhập | Thủ kho | Kế toán trưởng | Thủ trưởng đơn vị

BM 03.04

LỆNH SẢN XUẤT
CẮT VÀ GIA CÔNG TRÊN KÍNH CỦA CÔNG TY

Đơn hàng số: 006731
Tên khác hàng: Cường Hương HN - ĐT: 04 39937904
Ngày hẹn trả: 23/05/2016
Ngày: 21/05/2016
Bộ phận nhận việc:
Ghi chú: Cần gấp

Stt	Quy cách sản phẩm	Kích thước Dài (m)	Rộng (m)	Đường kính (m)	Số lượng (tấm)	Số lượng (m2)	Số lượng (m dài)	Người sản xuất	Người kiểm tra	Ghi chú
1	KT12-CT+TOI+KK	2,354	0,197		1	0,464	5,102			
2	KT12-CT+TOI+KK	2,569	0,347		2	1,783	11,664			
3	KT12-CT+TOI+KK	2,360	1,175		2	5,546	14,140			
4	KT12-CT+TOI+KK	2,320	0,970		2	4,501	13,160			
5	KT12-CT+TOI	2,475	1,190		1	2,945	7,330			
	Tổng cộng				8	15,239	51,396			

NGƯỜI LẬP PHIẾU (Ký, họ tên) | KIỂM SOÁT (Ký, họ tên) | PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT (Ký, họ tên)

Chứng từ trong quy trình được lập và in trên phần mềm. Người dùng cũng có thể tùy chỉnh thêm trước khi in thông qua các tham số mở rộng đã được chương trình khai báo sẵn.

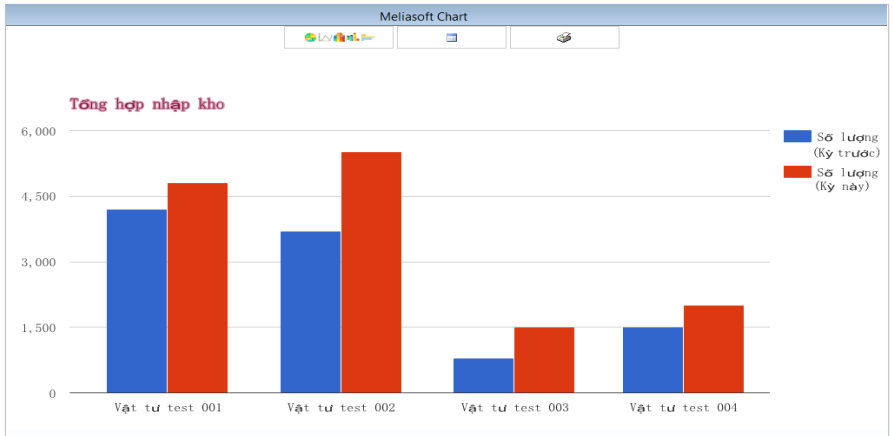

Các dạng biểu đồ của Google thích hợp với báo cáo so sánh chỉ tiêu phân tích sản lượng nhập kho giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này kỳ trước, cùng kỳ năm trước...

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

♦ ***Tính giá thành sản phẩm***

∗ Đối với doanh nghiệp áp dụng bài toán giá thành sản xuất, chương trình cho phép tính giá thành theo cả 2 phương pháp truyền thống và kế hoạch:

- Tính giá thành theo phương pháp truyền thống:

- Thực hiện lần lượt qua các bước từ tập hợp và phân bổ chi phí đến đánh giá dở dang cuối kỳ và tính giá thành.
- Tập hợp và phân bổ chi phí: Chi phí được tập hợp tự động từ các phân hệ kế toán khác, trên cơ sở phát sinh trực tiếp cho từng sản phẩm, công đoạn hoặc phân bổ chi phí chung cho các sản phẩm, công đoạn theo nhiều tiêu thức (định mức, hệ số, tỷ lệ, doanh thu, giá bán, số lượng sản phẩm hoàn thành...)
- Giá trị dở dang cuối kỳ được xác định theo nhiều phương pháp: Chi phí nguyên vật liệu phát sinh, Số lượng sản phẩm dở dang quy tương đương, Dở dang trên dây chuyền…
- Giá thành được tính trên từng sản phẩm, từng công đoạn, từng yếu tố; ngoài ra có thể trên từng bộ phận, lô sản xuất… Từ đó giá thành đơn vị được tính và cập nhật cho các phiếu nhập thành phẩm, phiếu xuất bán và xuất kho thành phẩm công đoạn.

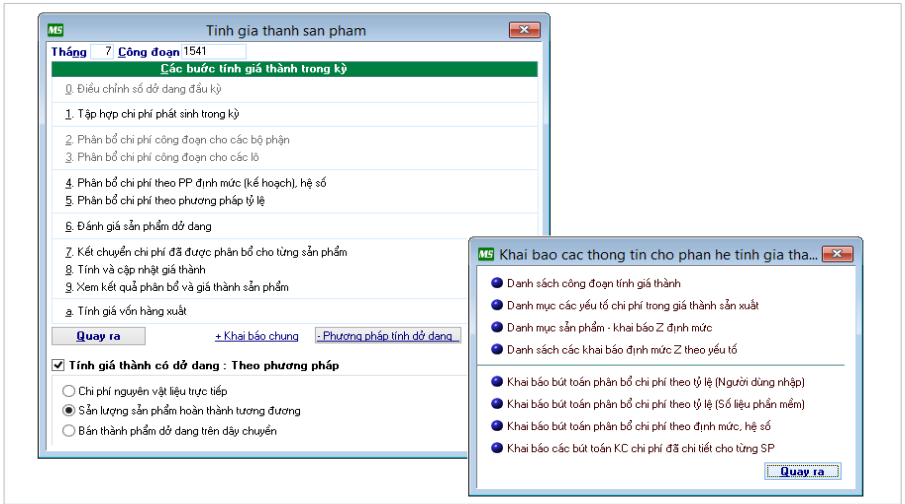

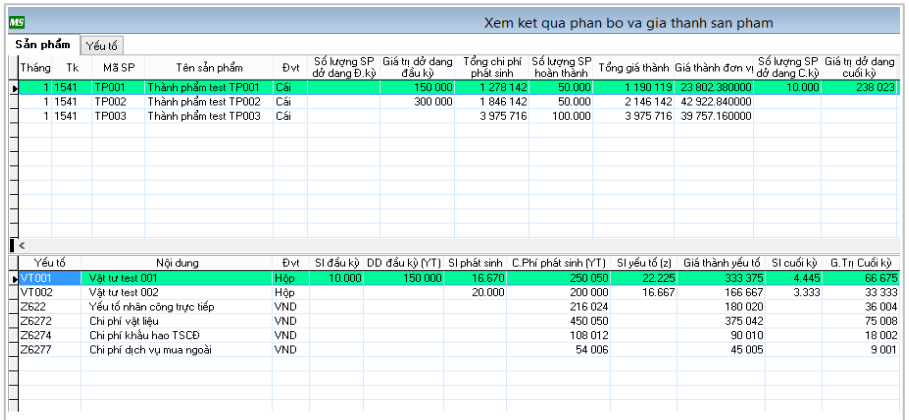

Tháng	Tk	Mã SP	Tên sản phẩm	Đvt	Số lượng SP dở dang Đ.kỳ	Giá trị dở dang đầu kỳ	Tổng chi phí phát sinh	Số lượng SP hoàn thành	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị	Số lượng SP dở dang C.kỳ	Giá trị dở dang cuối kỳ
1	1541	TP001	Thành phẩm test TP001	Cái		150 000	1 278 142	50.000	1 190 119	23 802.380000	10.000	238 023
1	1541	TP002	Thành phẩm test TP002	Cái		300 000	1 846 142	50.000	2 146 142	42 922.840000		
1	1541	TP003	Thành phẩm test TP003	Cái			3 975 716	100.000	3 975 716	39 757.160000		

Yếu tố	Nội dung	Đvt	SI đầu kỳ	DD đầu kỳ (YT)	SI phát sinh	C.Phí phát sinh (YT)	SI yếu tố (z)	Giá thành yếu tố	SI cuối kỳ	G.Trị Cuối kỳ
VT001	Vật tư test 001	Hộp	10.000	150 000	16.670	250 050	22.225	333 375	4.445	66 675
VT002	Vật tư test 002	Hộp			20.000	200 000	16.667	166 667	3.333	33 333
Z622	Yếu tố nhân công trực tiếp	VND				216 024		180 020		36 004
Z6272	Chi phí vật liệu	VND				450 050		375 042		75 008
Z6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	VND				108 012		90 010		18 002
Z6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND				54 006		45 005		9 001

Giá thành được tính trên từng sản phẩm, công đoạn, yếu tố trên cơ sở chi phí dở dang đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dở dang cuối kỳ

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- *Tính giá thành theo phương pháp kế hoạch:*

  - Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí và sản lượng theo kế hoạch. Kế hoạch chi phí và sản lượng được xây dựng trước khi bước vào sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và dự toán chi phí kỳ kế hoạch.

  - Các bước thực hiện tính toán tương tự như phương pháp giá thành truyền thống. Tuy nhiên giá thành kết chuyển vào các sản phẩm chỉ lấy theo chi phí trong kế hoạch đặt ra. Phần chi phí vượt hạn mức theo kế hoạch được kết chuyển thẳng sang tài khoản giá vốn (6322).

- *Trong thực tế:* Khi áp dụng giá thành sản xuất doanh nghiệp có thể phát sinh các bài toán khác như: thăng cấp, hạ cấp, sản phẩm hỏng, không có sản phẩm hoàn thành trong kỳ, dở dang đầu kỳ trên từng yếu tố sản xuất khác nhau… Chương trình sẽ có phương án xử lý hiệu quả cho những bài toán thực tế trên.

- *Các báo cáo:* Phân tích giá thành, Báo cáo cân đối các yếu tố trong giá thành, Phân tích giá thành theo năm, Phân tích giá thành theo tháng, Báo cáo chi phí dở dang, Báo cáo hiệu quả sử dụng nguồn lực, Báo cáo so sánh giá thành thực tế và định mức…

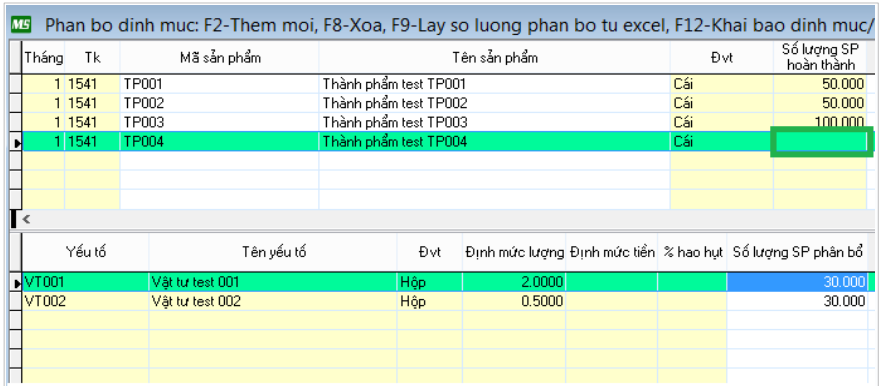

Tháng	Tk	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Số lượng SP hoàn thành
1	1541	TP001	Thành phẩm test TP001	Cái	50.000
1	1541	TP002	Thành phẩm test TP002	Cái	50.000
1	1541	TP003	Thành phẩm test TP003	Cái	100.000
1	1541	TP004	Thành phẩm test TP004	Cái	

Yếu tố	Tên yếu tố	Đvt	Định mức lượng	Định mức tiền	% hao hụt	Số lượng SP phân bổ
VT001	Vật tư test 001	Hộp	2.0000			30.000
VT002	Vật tư test 002	Hộp	0.5000			30.000

Chương trình cho phép điều chỉnh số lượng SP phân bổ thay cho số lượng SP hoàn thành để xử lý trường hợp trong kỳ có chi phí phát sinh nhưng không có SP hoàn thành

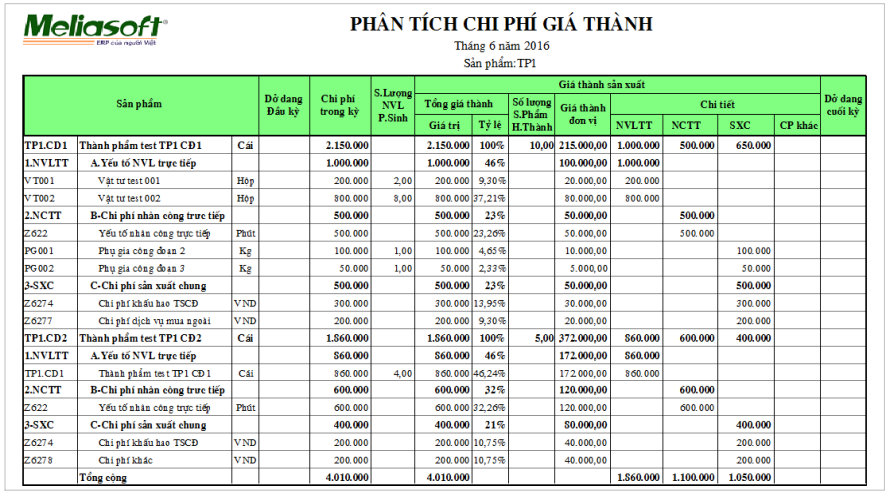

Meliasoft

PHÂN TÍCH CHI PHÍ GIÁ THÀNH

Tháng 6 năm 2016

Sản phẩm: TP1

Sản phẩm			Dở dang Đầu kỳ	Chi phí trong kỳ	S.Lượng NVL P.Sinh	Giá thành sản xuất								Dở dang cuối kỳ
						Tổng giá thành		Số lượng S.Phẩm H.Thành	Giá thành đơn vị	Chi tiết				
						Giá trị	Tỷ lệ			NVLTT	NCTT	SXC	CP khác	
TP1.CD1	**Thành phẩm test TP1 CD1**	**Cái**		**2.150.000**		**2.150.000**	**100%**	**10,00**	**215.000,00**	**1.000.000**	**500.000**	**650.000**		
1.NVLTT	**A.Yếu tố NVL trực tiếp**			**1.000.000**		**1.000.000**	**46%**		**100.000,00**	**1.000.000**				
VT001	Vật tư test 001	Hộp		200.000	2,00	200.000	9,30%		20.000,00	200.000				
VT002	Vật tư test 002	Hộp		800.000	8,00	800.000	37,21%		80.000,00	800.000				
2.NCTT	**B-Chi phí nhân công trực tiếp**			**500.000**		**500.000**	**23%**		**50.000,00**		**500.000**			
Z622	Yếu tố nhân công trực tiếp	Phút		500.000		500.000	23,26%		50.000,00		500.000			
PG001	Phụ gia công đoạn 2	Kg		100.000	1,00	100.000	4,65%		10.000,00			100.000		
PG002	Phụ gia công đoạn 3	Kg		50.000	1,00	50.000	2,33%		5.000,00			50.000		
3-SXC	**C-Chi phí sản xuất chung**			**500.000**		**500.000**	**23%**		**50.000,00**			**500.000**		
Z6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	VND		300.000		300.000	13,95%		30.000,00			300.000		
Z6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND		200.000		200.000	9,30%		20.000,00			200.000		
TP1.CD2	**Thành phẩm test TP1 CD2**	**Cái**		**1.860.000**		**1.860.000**	**100%**	**5,00**	**372.000,00**	**860.000**	**600.000**	**400.000**		
1.NVLTT	**A.Yếu tố NVL trực tiếp**			**860.000**		**860.000**	**46%**		**172.000,00**	**860.000**				
TP1.CD1	Thành phẩm test TP1 CD1	Cái		860.000	4,00	860.000	46,24%		172.000,00	860.000				
2.NCTT	**B-Chi phí nhân công trực tiếp**			**600.000**		**600.000**	**32%**		**120.000,00**		**600.000**			
Z622	Yếu tố nhân công trực tiếp	Phút		600.000		600.000	32,26%		120.000,00		600.000			
3-SXC	**C-Chi phí sản xuất chung**			**400.000**		**400.000**	**21%**		**80.000,00**			**400.000**		
Z6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	VND		200.000		200.000	10,75%		40.000,00			200.000		
Z6278	Chi phí khác	VND		200.000		200.000	10,75%		40.000,00			200.000		
	Tổng cộng			**4.010.000**		**4.010.000**				**1.860.000**	**1.100.000**	**1.050.000**		

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

* Đối với doanh nghiệp áp dụng bài toán giá thành dịch vụ, sản phẩm là dự án/công trình/dịch vụ.

  - Chi phí phát sinh được tập hợp tự động từ các phân hệ kế toán khác bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.
  - Chi phí được tập hợp trực tiếp cho từng dự án/công trình hoặc tập hợp chung rồi phân bổ cho các dự án/công trình theo nhiều tiêu thức (tỷ lệ, hệ số...)
  - Kết chuyển giá vốn cuối kỳ: Chương trình sẽ tự động kết chuyển giá vốn cho những công trình/dịch vụ/vụ việc có doanh thu. Người dùng có thể chỉ định việc có/không kết chuyển, hoặc kết chuyển một phần theo phần trăm lợi nhuận, chi phí; Ngoài ra chương trình cho phép thay đổi tỷ lệ kết chuyển khác nhau trên từng khoản mục phí thuộc mỗi công trình để phản ánh đúng nghiệp vụ thực tế của doanh nghiệp.
  - In báo cáo: Báo cáo quyết toán công trình, Bảng kê chứng từ theo sản phẩm công trình, Bảng cân đối sản phẩm công trình, Bảng tổng hợp chi phí dự án và nhu cầu sử dụng vốn của dự án, Báo cáo kết quả kinh doanh theo công trình (dịch vụ)…

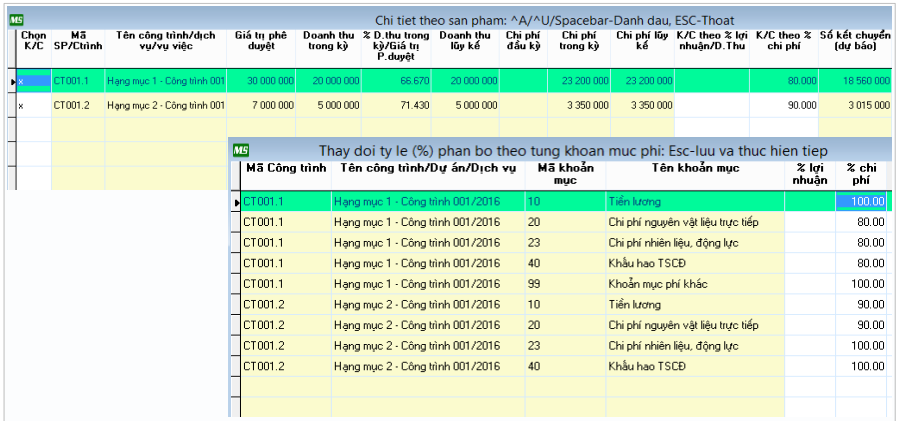

Chi tiet theo san pham: ^A/^U/Spacebar-Danh dau, ESC-Thoat

Chọn K/C	Mã SP/Ctrình	Tên công trình/dịch vụ/vụ việc	Giá trị phê duyệt	Doanh thu trong kỳ	% D.thu trong kỳ/Giá trị P.duyệt	Doanh thu lũy kế	Chi phí đầu kỳ	Chi phí trong kỳ	Chi phí lũy kế	K/C theo % lợi nhuận/D.Thu	K/C theo % chi phí	Số kết chuyển (dự báo)
x	CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001	30 000 000	20 000 000	66.670	20 000 000		23 200 000	23 200 000		80.000	18 560 000
x	CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001	7 000 000	5 000 000	71.430	5 000 000		3 350 000	3 350 000		90.000	3 015 000

Thay doi ty le (%) phan bo theo tung khoan muc phi: Esc-luu va thuc hien tiep

Mã Công trình	Tên công trình/Dự án/Dịch vụ	Mã khoản mục	Tên khoản mục	% lợi nhuận	% chi phí
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	10	Tiền lương		100.00
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		80.00
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	23	Chi phí nhiên liệu, động lực		80.00
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	40	Khấu hao TSCĐ		80.00
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	99	Khoản mục phí khác		100.00
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	10	Tiền lương		90.00
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		90.00
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	23	Chi phí nhiên liệu, động lực		100.00
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	40	Khấu hao TSCĐ		100.00

Chương trình cho phép lựa chọn kết chuyển 1 phần chi phí dự án/công trình theo tỷ lệ doanh thu, chi phí. Tỷ lệ này có thể khác nhau theo từng khoản mục phí để phản ánh đúng thực tế của doanh nghiệp.

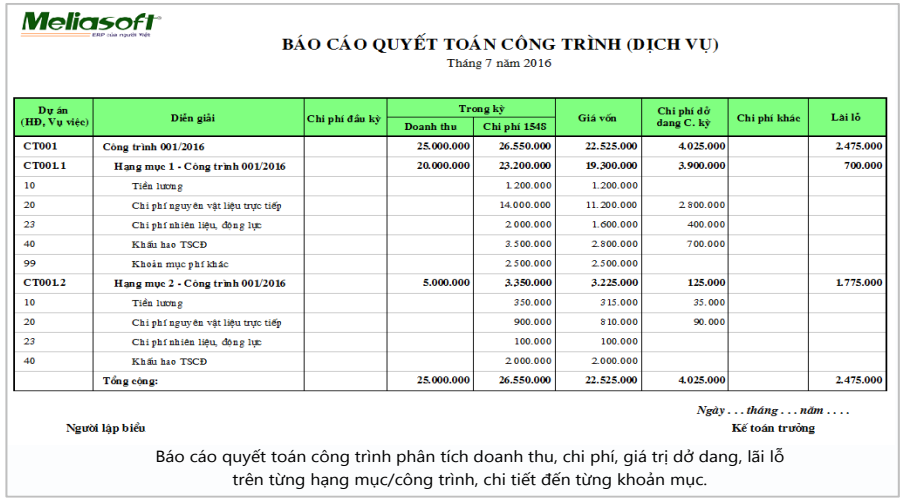

Meliasoft

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH (DỊCH VỤ)

Tháng 7 năm 2016

Dự án (HĐ, Vụ việc)	Diễn giải	Chi phí đầu kỳ	Trong kỳ		Giá vốn	Chi phí dở dang C. kỳ	Chi phí khác	Lãi lỗ
			Doanh thu	Chi phí 154S				
CT001	**Công trình 001/2016**		**25.000.000**	**26.550.000**	**22.525.000**	**4.025.000**		**2.475.000**
CT001.1	**Hạng mục 1 - Công trình 001/2016**		**20.000.000**	**23.200.000**	**19.300.000**	**3.900.000**		**700.000**
10	Tiền lương			1.200.000	1.200.000			
20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			14.000.000	11.200.000	2.800.000		
23	Chi phí nhiên liệu, động lực			2.000.000	1.600.000	400.000		
40	Khấu hao TSCĐ			3.500.000	2.800.000	700.000		
99	Khoản mục phí khác			2.500.000	2.500.000			
CT001.2	**Hạng mục 2 - Công trình 001/2016**		**5.000.000**	**3.350.000**	**3.225.000**	**125.000**		**1.775.000**
10	Tiền lương			350.000	315.000	35.000		
20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			900.000	810.000	90.000		
23	Chi phí nhiên liệu, động lực			100.000	100.000			
40	Khấu hao TSCĐ			2.000.000	2.000.000			
	Tổng cộng:		**25.000.000**	**26.550.000**	**22.525.000**	**4.025.000**		**2.475.000**

Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Báo cáo quyết toán công trình phân tích doanh thu, chi phí, giá trị dở dang, lãi lỗ trên từng hạng mục/công trình, chi tiết đến từng khoản mục.

QUY TRÌNH BÁN HÀNG

Tổng quan:

Quản lý đầy đủ các khâu trong quy trình bán hàng từ Báo giá → Đơn hàng → Xuất hàng → Hóa đơn → Thanh toán. Trợ giúp cho bộ phận kinh doanh - bán hàng, bộ phận kế toán theo dõi quản lý doanh thu và các khoản nợ một cách kịp thời, chính xác. Cung cấp nhiều tiêu chí phân tích bán hàng giúp nhà quản trị có cái nhìn đa chiều về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Những điểm chính:

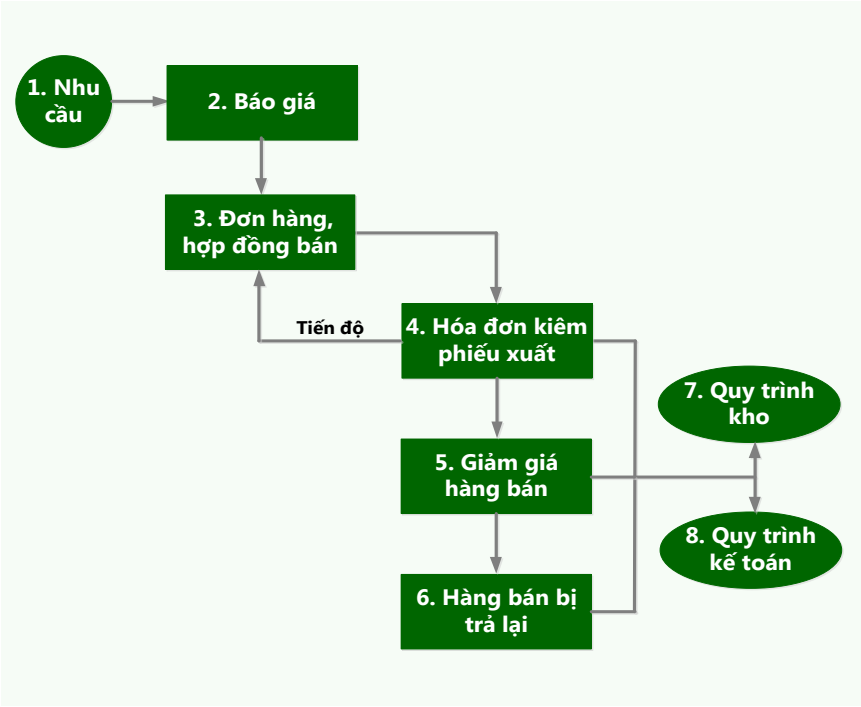

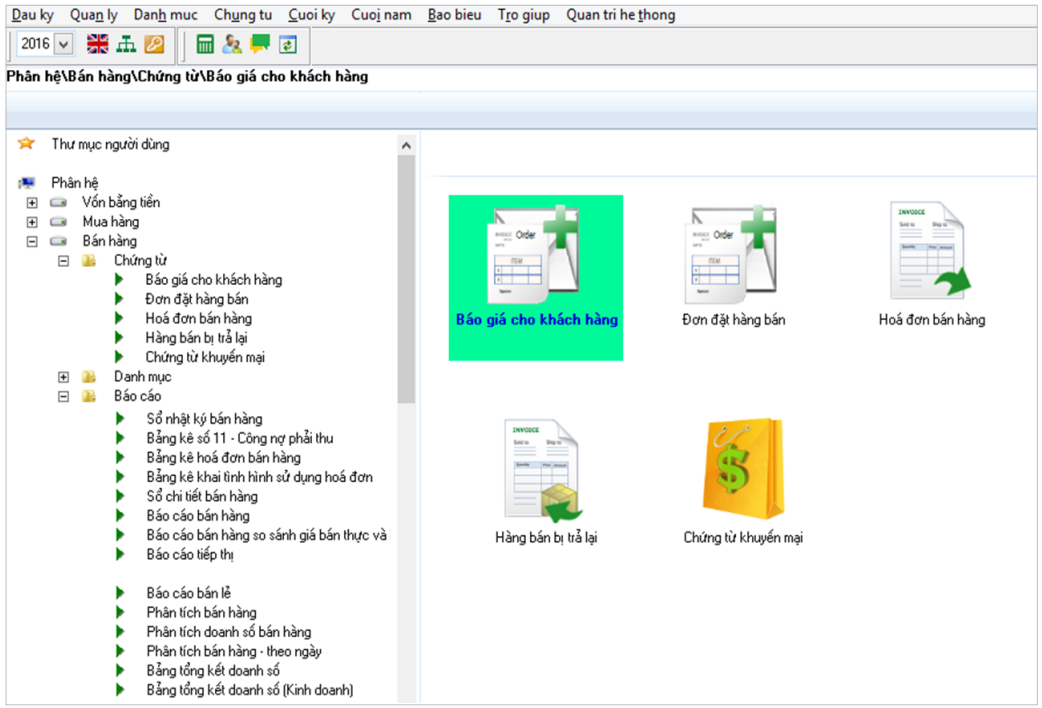

QUY TRÌNH BÁN HÀNG

Những điểm chính:

- Lập và in báo giá, đơn hàng, hóa đơn, phiếu hàng bán bị trả lại, phiếu thu tiền hàng theo quy trình.
- Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng, hợp đồng bán (giao hàng đúng lượng, đúng hạn).
- Khai báo tự động tính và định khoản thuế GTGT đầu ra, thuế TTĐB và tự động tính toán tiền chiết khấu bán hàng, giảm giá.
- Thiết lập và quản lý chính sách bán lẻ: chiết khấu, chương trình khuyến mại, quà tặng,… chi tiết tới từng vùng địa bàn, khách hàng, mặt hàng…
- Xây dựng phương án giá bán linh hoạt theo: mặt hàng, khách hàng, vùng/địa bàn, hình thức bán buôn/bán lẻ... Cho phép khai báo biên độ của giá bán, so sánh phân tích giá bán thực với giá bán niêm yết.
- Giám sát công nợ phải thu của khách hàng theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, khách hàng, hợp đồng, nhân viên,…). Bù trừ công nợ giữa các khách hàng cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, sản phẩm, hợp đồng…
- In báo cáo: Phân tích bán hàng, Sổ chi tiết bán hàng, Báo cáo so sánh giá thực với bảng giá, Theo dõi đơn hàng bán, Báo cáo thời hạn giao hàng theo đơn hàng bán…

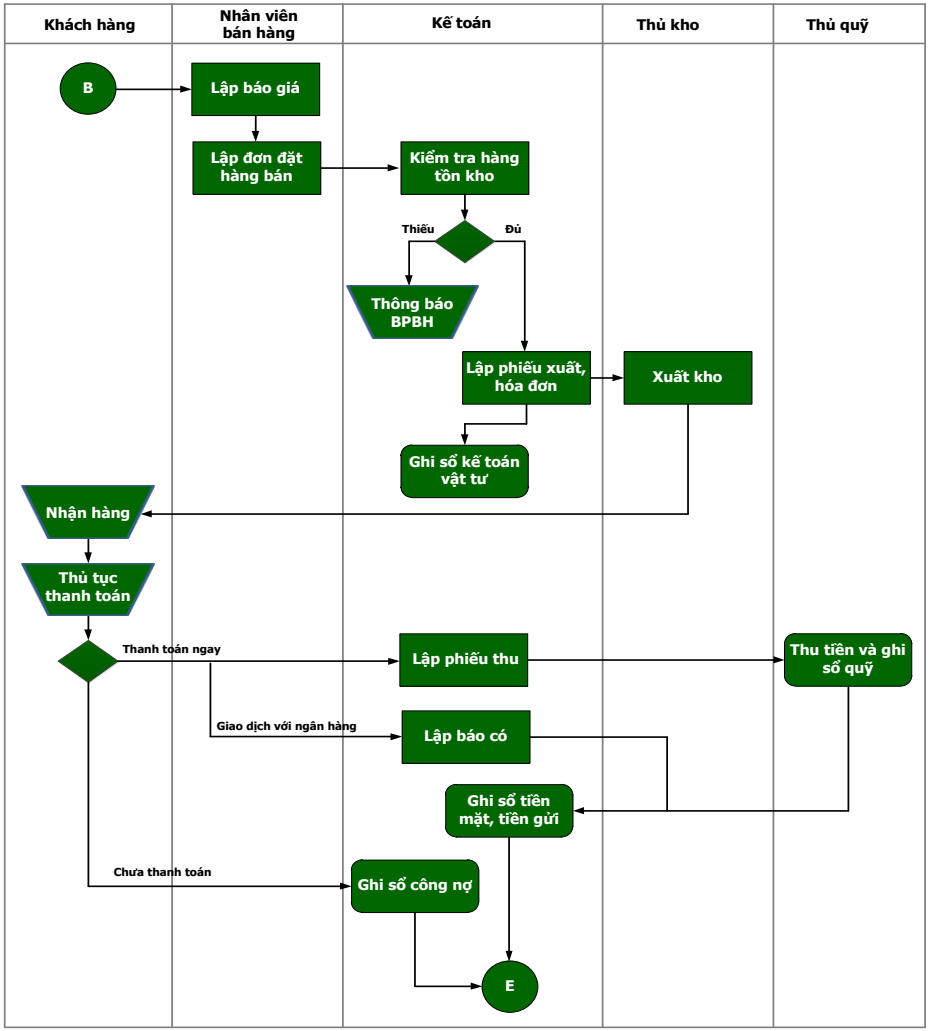

Hình 4. Quy trình nghiệp vụ bán hàng

QUY TRÌNH BÁN HÀNG

Những điểm nổi bật:

- Quản lý việc cho phép/không cho phép xuất hàng âm; cảnh báo xuất âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu.
- Tự động tính giá vốn của hàng xuất theo nhiều phương pháp khác nhau: đích danh, giá trung bình tháng, trung bình thời điểm, nhập trước xuất trước; theo từng kho hoặc không theo kho. Xử lý bài toán làm tròn 10/3 khi tính giá vốn trong trường hợp lượng hết, tiền còn.
- Xử lý các trường hợp tính giá vốn quay vòng, áp giá vốn tự động khi xuất lắp ráp, xuất điều chuyển kho, xuất chuyển cho đơn vị chi nhánh khác…

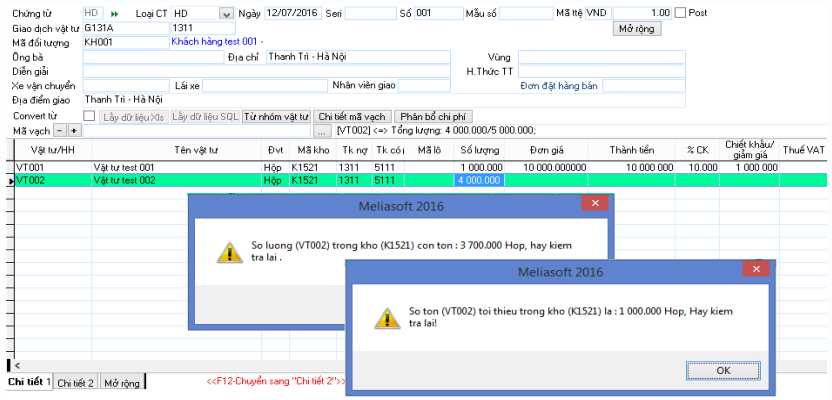

Cảnh báo xuất hàng âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu ngay khi nhập liệu hóa đơn bán hàng.

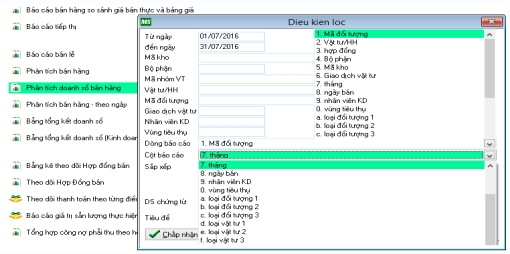

Người dùng có thể tự định nghĩa cột, dòng báo cáo theo các tiêu chí quản lý như khách hàng, bộ phận, nhân viên, vùng miền, giờ, ngày, tháng...

Nhân viên bán hàng có thể tra cứu nhanh các thông tin: Còn hàng không ? Tồn từng kho bao nhiêu? Nếu hết có những mặt hàng thay thế nào ? Nếu chưa cập nhật bảng giá thì giá bán ước tính là bao nhiêu ? ...

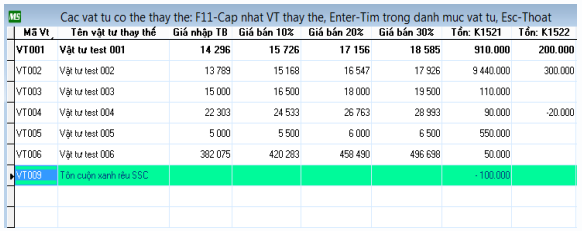

Mã Vt	Tên vật tư thay thế	Giá nhập TB	Giá bán 10%	Giá bán 20%	Giá bán 30%	Tồn: K1521	Tồn: K1522
VT001	Vật tư test 001	14 296	15 726	17 156	18 585	910.000	200.000
VT002	Vật tư test 002	13 789	15 168	16 547	17 926	9 440.000	300.000
VT003	Vật tư test 003	15 000	16 500	18 000	19 500	110.000	
VT004	Vật tư test 004	22 303	24 533	26 763	28 993	90.000	-20.000
VT005	Vật tư test 005	5 000	5 500	6 000	6 500	550.000	
VT006	Vật tư test 006	382 075	420 283	458 490	496 698	50.000	
VT008	Tôn cuộn xanh rêu SSC					-100.000	

- Phân tích doanh số bán hàng theo mô hình cột, dòng với các tiêu chí lựa chọn đa dạng: Vùng miền, bộ phận, nhân viên, mặt hàng, giờ, ngày, tháng… cũng như các tiêu thức quản lý mở rộng khác.
- Tối ưu hóa hiệu quả trong công tác bán hàng, hỗ trợ nhân viên bán hàng có thể vừa nghe điện thoại của khách vừa kiểm tra được thông tin từ hệ thống thông qua các tiện ích: xem tồn kho tức thời của mặt hàng, tìm kiếm mặt hàng thay thế, ước tính giá bán dựa trên giá nhập đầu vào...

QUY TRÌNH BÁN HÀNG

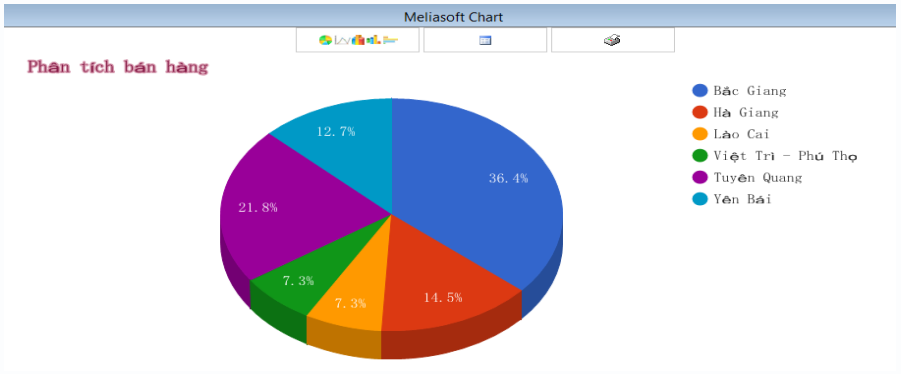

Ứng dụng biểu đồ Google giúp việc phân tích, so sánh số liệu trên các báo cáo một cách trực quan.

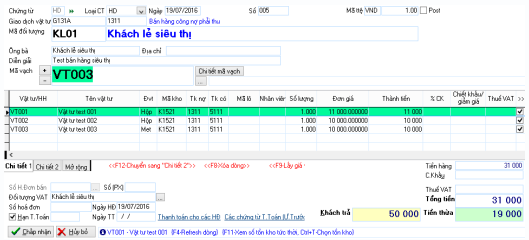

Quản lý bán lẻ áp dụng cho các siêu thị, cửa hàng bán lẻ với giao diện đơn giản và thao tác nhanh.

Quản lý các chương trình chiết khấu, khuyến mại với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

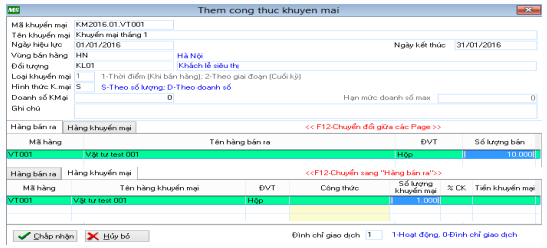

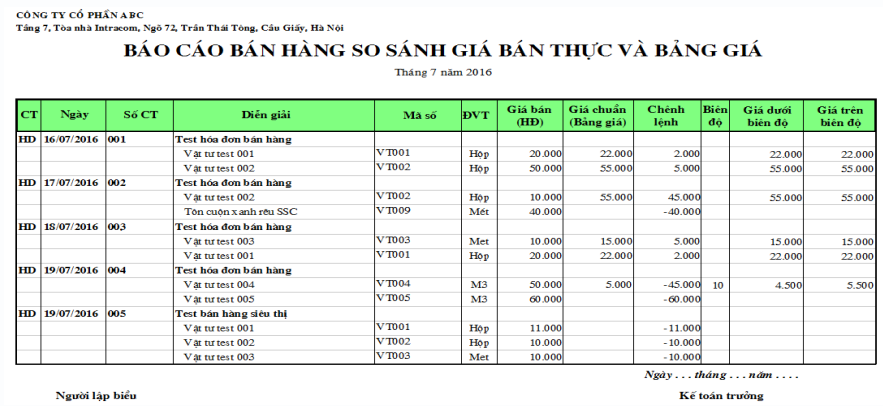

CÔNG TY CỔ PHẦN ABC
Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 72, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO BÁN HÀNG SO SÁNH GIÁ BÁN THỰC VÀ BẢNG GIÁ

Tháng 7 năm 2016

CT	Ngày	Số CT	Diễn giải	Mã số	ĐVT	Giá bán (HĐ)	Giá chuẩn (Bảng giá)	Chênh lệnh	Biên độ	Giá dưới biên độ	Giá trên biên độ
HD	16/07/2016	001	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 001	VT001	Hộp	20.000	22.000	2.000		22.000	22.000
			Vật tư test 002	VT002	Hộp	50.000	55.000	5.000		55.000	55.000
HD	17/07/2016	002	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 002	VT002	Hộp	10.000	55.000	45.000		55.000	55.000
			Tôn cuộn xanh rêu SSC	VT009	Mét	40.000		-40.000			
HD	18/07/2016	003	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 003	VT003	Met	10.000	15.000	5.000		15.000	15.000
			Vật tư test 001	VT001	Hộp	20.000	22.000	2.000		22.000	22.000
HD	19/07/2016	004	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 004	VT004	M3	50.000	5.000	-45.000	10	4.500	5.500
			Vật tư test 005	VT005	M3	60.000		-60.000			
HD	19/07/2016	005	Test bán hàng siêu thị								
			Vật tư test 001	VT001	Hộp	11.000		-11.000			
			Vật tư test 002	VT002	Hộp	10.000		-10.000			
			Vật tư test 003	VT003	Met	10.000		-10.000			

Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Người lập biểu — Kế toán trưởng

Báo cáo bán hàng so sánh giá bán thực với bảng giá niêm yết áp dụng cho từng mặt hàng, khách hàng, hình thức bán buôn/bán lẻ, vùng/địa bàn...

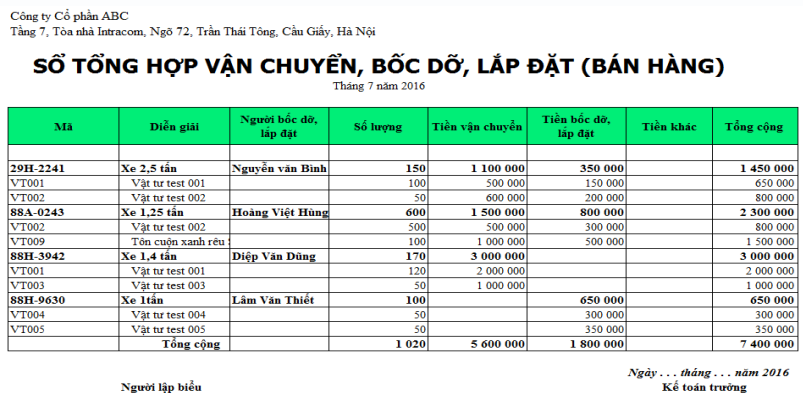

Công ty Cổ phần ABC
Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 72, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội

SỔ TỔNG HỢP VẬN CHUYỂN, BỐC DỠ, LẮP ĐẶT (BÁN HÀNG)

Tháng 7 năm 2016

Mã	Diễn giải	Người bốc dỡ, lắp đặt	Số lượng	Tiền vận chuyển	Tiền bốc dỡ, lắp đặt	Tiền khác	Tổng cộng
29H-2241	**Xe 2,5 tấn**	**Nguyễn văn Bình**	**150**	**1 100 000**	**350 000**		**1 450 000**
VT001	Vật tư test 001		100	500 000	150 000		650 000
VT002	Vật tư test 002		50	600 000	200 000		800 000
88A-0243	**Xe 1,25 tấn**	**Hoàng Việt Hùng**	**600**	**1 500 000**	**800 000**		**2 300 000**
VT002	Vật tư test 002		500	500 000	300 000		800 000
VT009	Tôn cuộn xanh rêu		100	1 000 000	500 000		1 500 000
88H-3942	**Xe 1,4 tấn**	**Diệp Văn Dũng**	**170**	**3 000 000**			**3 000 000**
VT001	Vật tư test 001		120	2 000 000			2 000 000
VT003	Vật tư test 003		50	1 000 000			1 000 000
88H-9630	**Xe 1tấn**	**Lâm Văn Thiết**	**100**		**650 000**		**650 000**
VT004	Vật tư test 004		50		300 000		300 000
VT005	Vật tư test 005		50		350 000		350 000
	Tổng cộng		**1 020**	**5 600 000**	**1 800 000**		**7 400 000**

Ngày . . . tháng . . . năm 2016

Người lập biểu — Kế toán trưởng

Quản lý vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt được tích hợp ngay trong phân hệ bán hàng.

QUY TRÌNH BÁN HÀNG

Những điểm nổi bật:

- Phân tích lãi lỗ bán hàng chi tiết đến từng mặt hàng, bao gồm lãi gộp và lãi cuối cùng sau khi tính toán phân bổ doanh thu, chi phí khác.
- So sánh các chỉ tiêu phân tích bán hàng giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.
- Tính toán khả năng chiếm dụng vốn của khách hàng với đơn vị. Cảnh báo số nợ vượt hạn mức tín dụng cho phép.
- Phân tích tuổi nợ. Tự động theo dõi hạn thanh toán hoặc người dùng định nghĩa, tính toán tuổi nợ trong hạn, quá hạn, khó đòi; Cho phép khai báo và tính toán lãi trước hạn, lãi quá hạn cho từng kỳ hạn nợ.
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác …
- Lưu các thông tin khác trên chứng từ thông qua việc attach, download các file tài liệu đính kèm.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

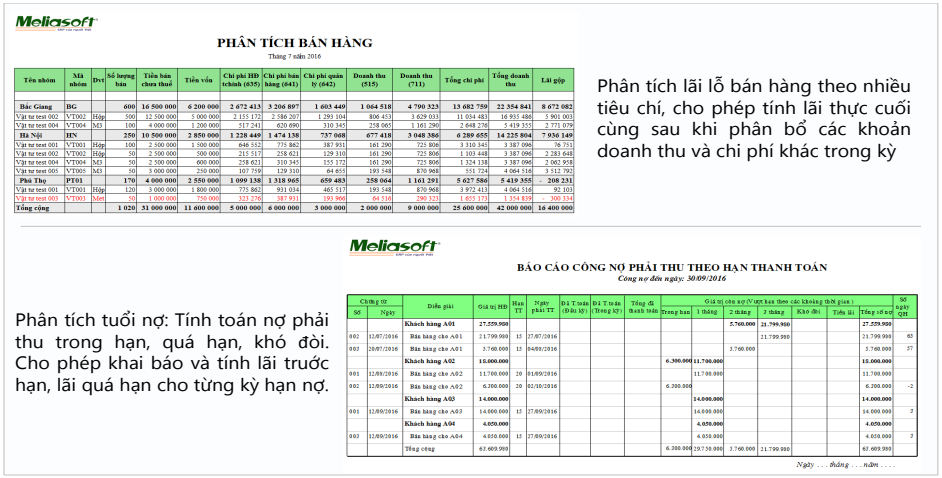

Meliasoft

PHÂN TÍCH BÁN HÀNG

Tháng 7 năm 2016

Tên nhóm	Mã nhóm	Đvt	Số lượng bán	Tiền bán chưa thuế	Tiền vốn	Chi phí HĐ tchính (635)	Chi phí bán hàng (641)	Chi phí quản lý (642)	Doanh thu (515)	Doanh thu (711)	Tổng chi phí	Tổng doanh thu	Lãi gộp
Bắc Giang	**BG**		**600**	**16 500 000**	**6 200 000**	**2 672 413**	**3 206 897**	**1 603 449**	**1 064 518**	**4 790 323**	**13 682 759**	**22 354 841**	**8 672 082**
Vật tư test 002	VT002	Hộp	500	12 500 000	5 000 000	2 155 172	2 586 207	1 293 104	806 453	3 629 033	11 034 483	16 955 488	5 901 003
Vật tư test 004	VT004	M3	100	4 000 000	1 200 000	517 241	620 690	310 345	258 065	1 161 290	2 648 276	5 419 355	2 771 079
Hà Nội	**HN**		**250**	**10 500 000**	**2 850 000**	**1 228 449**	**1 474 138**	**737 068**	**677 418**	**3 048 386**	**6 289 655**	**14 225 804**	**7 936 149**
Vật tư test 001	VT001	Hộp	100	2 500 000	1 500 000	648 552	775 862	387 931	161 290	725 806	3 310 345	3 387 096	76 751
Vật tư test 002	VT002	Hộp	50	2 500 000	500 000	215 517	258 621	129 310	161 290	725 806	1 103 448	3 387 096	2 283 648
Vật tư test 004	VT004	M3	50	2 500 000	600 000	258 621	310 345	155 172	161 290	725 806	1 324 138	3 387 096	2 062 958
Vật tư test 005	VT005	M3	50	3 000 000	250 000	107 759	129 310	64 655	193 548	870 968	551 724	4 064 516	3 512 792
Phú Thọ	**PT01**		**170**	**4 000 000**	**2 550 000**	**1 099 138**	**1 318 965**	**659 483**	**258 064**	**1 161 291**	**5 627 586**	**5 419 355**	**- 208 231**
Vật tư test 001	VT001	Hộp	120	3 000 000	1 800 000	775 862	931 034	465 517	193 548	870 968	3 972 413	4 064 516	92 103
Vật tư test 003	VT003	Mét	50	1 000 000	750 000	323 276	387 931	193 966	64 516	290 323	1 455 173	1 354 839	- 300 334
Tổng cộng			**1 020**	**31 000 000**	**11 600 000**	**5 000 000**	**6 000 000**	**3 000 000**	**2 000 000**	**9 000 000**	**25 600 000**	**42 000 000**	**16 400 000**

Phân tích lãi lỗ bán hàng theo nhiều tiêu chí, cho phép tính lãi thực cuối cùng sau khi phân bổ các khoản doanh thu và chi phí khác trong kỳ

Phân tích tuổi nợ: Tính toán nợ phải thu trong hạn, quá hạn, khó đòi. Cho phép khai báo và tính lãi trước hạn, lãi quá hạn cho từng kỳ hạn nợ.

Meliasoft

BÁO CÁO CÔNG NỢ PHẢI THU THEO HẠN THANH TOÁN

Công nợ đến ngày: 30/09/2016

Chứng từ Số	Chứng từ Ngày	Diễn giải	Giá trị HĐ	Hạn TT	Ngày phải TT	Đã Thu tiền (Đầu kỳ)	Đã Thu tiền (Trong kỳ)	Tổng đã thanh toán	Giá trị còn nợ (Vượt hạn theo các khoảng thời gian) Trong hạn	1 Tháng	2 tháng	3 tháng	Khó đòi	Tiền lãi	Tổng số còn nợ	Nợ ngày QH
		Khách hàng A01	**27.559.950**								**5.760.000**	**21.799.950**			**27.559.950**	
002	12/07/2016	Bán hàng cho A01	21.799.950	15	27/07/2016							21.799.950			21.799.950	63
003	28/07/2016	Bán hàng cho A01	3.760.000	15	04/08/2016						3.760.000				3.760.000	57
		Khách hàng A02	**15.000.000**						**6.300.000**	**11.700.000**					**15.000.000**	
001	12/08/2016	Bán hàng cho A02	11.700.000	20	01/09/2016					11.700.000					11.700.000	
002	12/09/2016	Bán hàng cho A02	6.200.000	20	01/10/2016				6.200.000						6.200.000	-2
		Khách hàng A03	**14.000.000**							**14.000.000**					**14.000.000**	
001	12/09/2016	Bán hàng cho A03	14.000.000	15	27/09/2016					14.000.000					14.000.000	3
		Khách hàng A04	**4.050.000**							**4.050.000**					**4.050.000**	
002	12/09/2016	Bán hàng cho A04	4.050.000	15	27/09/2016					4.050.000					4.050.000	3
		Tổng cộng	62.609.950						6.300.000	29.750.000	3.760.000	21.799.950			63.609.950	

Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

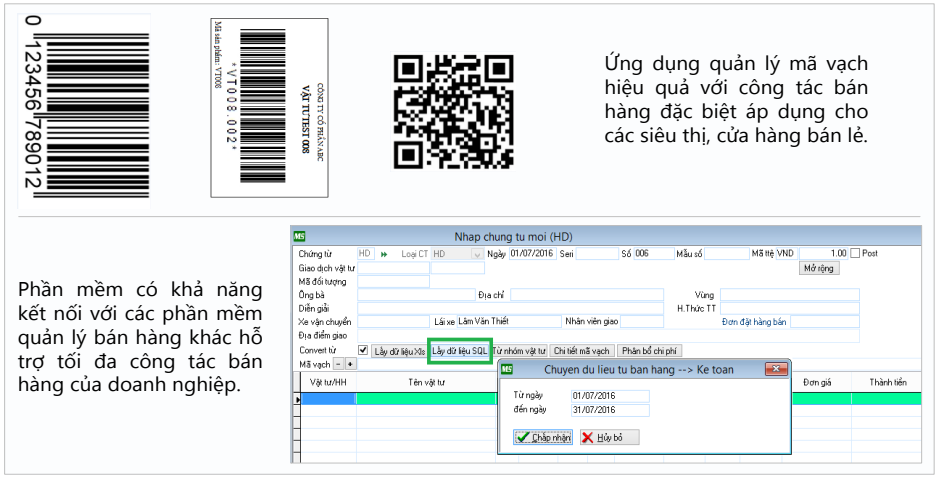

Ứng dụng quản lý mã vạch hiệu quả với công tác bán hàng đặc biệt áp dụng cho các siêu thị, cửa hàng bán lẻ.

Phần mềm có khả năng kết nối với các phần mềm quản lý bán hàng khác hỗ trợ tối đa công tác bán hàng của doanh nghiệp.

QUY TRÌNH BÁN LẺ

Tổng quan:

Quản lý đầy đủ các khâu trong quy trình bán lẻ tại các cửa hàng, quầy hàng… nhằm giúp doanh nghiệp quản lý hệ thống phân phối bán lẻ các sản phẩm hàng hóa của đơn vị. Các giao dịch bán hàng, thanh toán được thực hiện nhanh chóng, tiện lợi cùng những tính năng hạch toán kế toán tự động sẽ hỗ trợ giảm thiểu tối đa thao tác thực hiện của các bộ phận liên quan.

Những điểm chính:

- Khai báo và quản lý hàng hóa theo mã vạch, theo serial, hình ảnh... Lập và in mã vạch từ phần mềm.
- Lập và in các giao dịch hóa đơn bán lẻ (tự tính tiền hàng theo giá bán lẻ, lấy chiết khấu… Ghi nhận tiền khách hàng trả và tiền phải trả lại khách hàng).
- Thiết lập và quản lý chính sách bán lẻ: giảm giá, chiết khấu, tặng quà, thẻ tích điểm… tới từng khách hàng, mặt hàng, nhóm hàng.
- Thanh toán bằng nhiều cách (Tiền mặt, Thẻ ngân hàng...). Tự động hạch toán phiếu kế toán (phiếu thu, báo có ngân hàng)
- Quản lý lượng hàng theo từng kho, điểm bán hàng. Theo dõi việc điều chuyển hàng hóa giữa các kho, các điểm bán hàng.
- Lập và in báo cáo doanh số bán lẻ, Báo cáo tổng hợp và chi tiết về hàng xuất (theo ngày, nhân viên, nhóm khách hàng…)

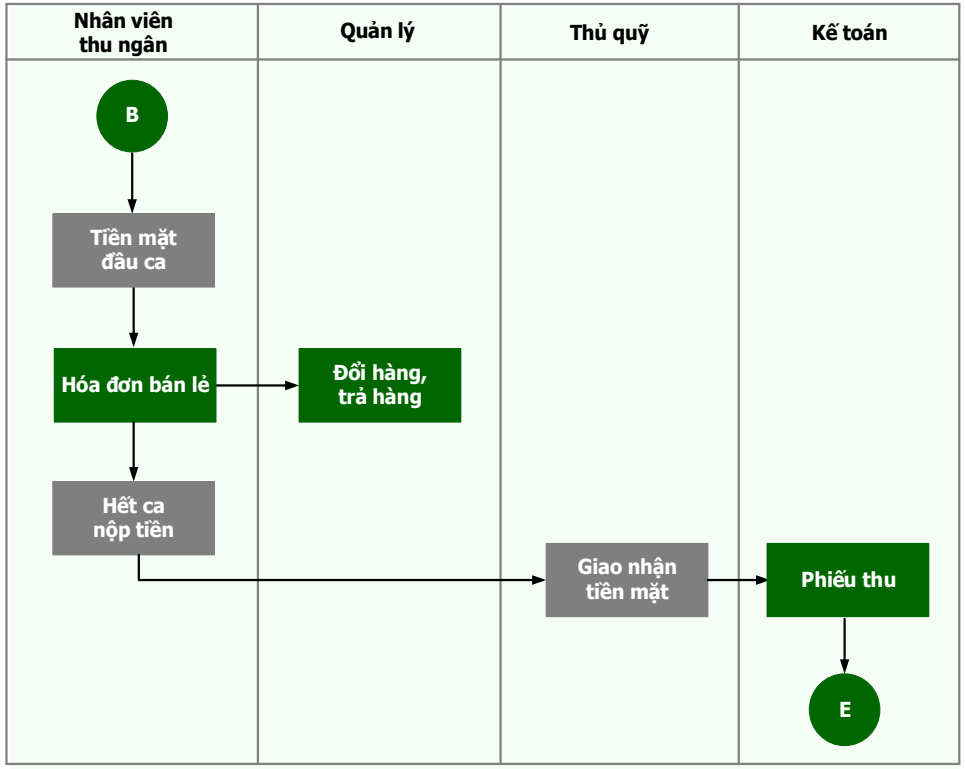

QUY TRÌNH BÁN LẺ

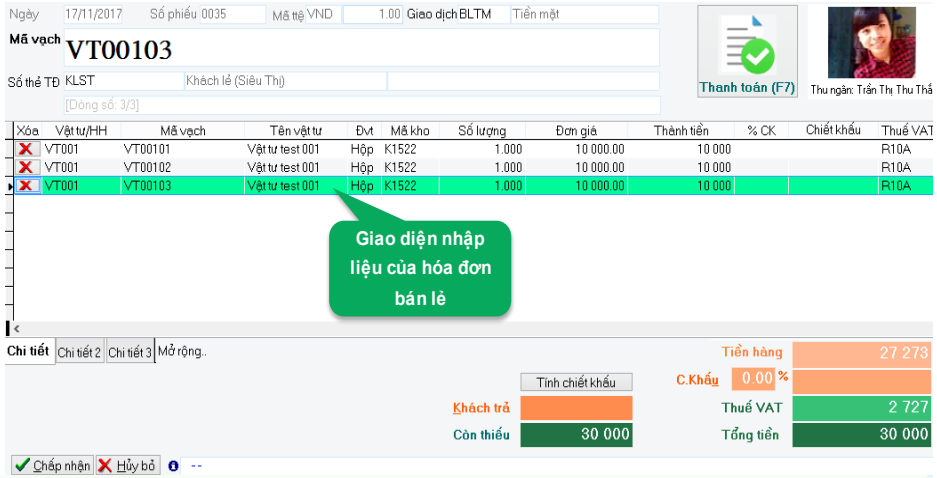

Giao diện của hóa đơn bán lẻ

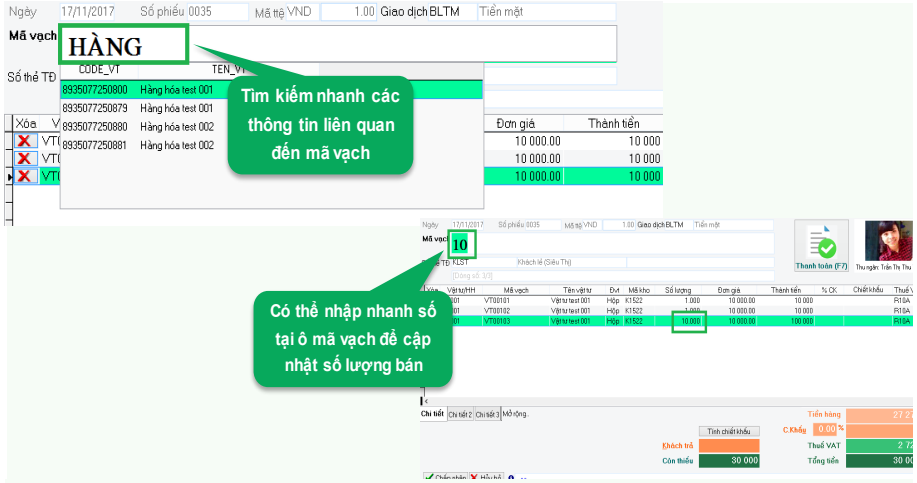

Tiện ích nhập liệu trên hóa đơn bán lẻ

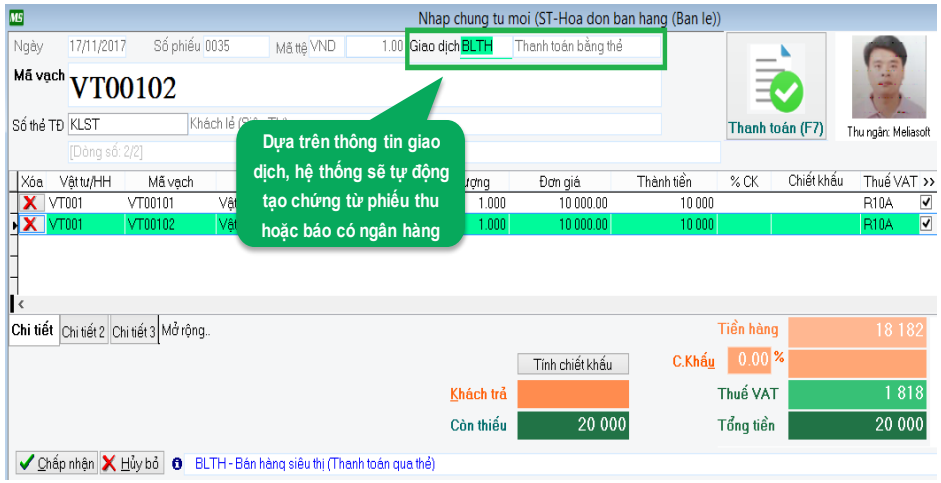

Tự động tạo chứng từ thanh toán sau khi bán hàng

In hóa đơn bán lẻ

QUY TRÌNH QUẢN LÝ LÔ ĐƠN HÀNG

Tổng quan:

Khái niệm lô được sử dụng để định nghĩa cho một hay nhiều đơn hàng bán ở mọi khâu trong chuỗi sản xuất. Luồng thông tin theo lô nhằm trả lời các câu hỏi của khách hàng về tình trạng đơn hàng: Đơn hàng đã thực hiện đến đâu ? Câu trả lời từ hệ thống thông tin quản lý lô đơn hàng:

Đang thực hiện trong quy trình mua

+ Nguyên vật liệu chưa về đến kho

+ Nguyên vật liệu đã về đến kho

Đang thực hiện trong quy trình sản xuất

+ Đã xuất nguyên vật liệu, đang sản xuất

+ Đã nhập kho thành phẩm

Đang thực hiện trong quy trình bán

+ Đã lập phiếu bán hàng

+ Hàng đang nằm trên kho đi đường

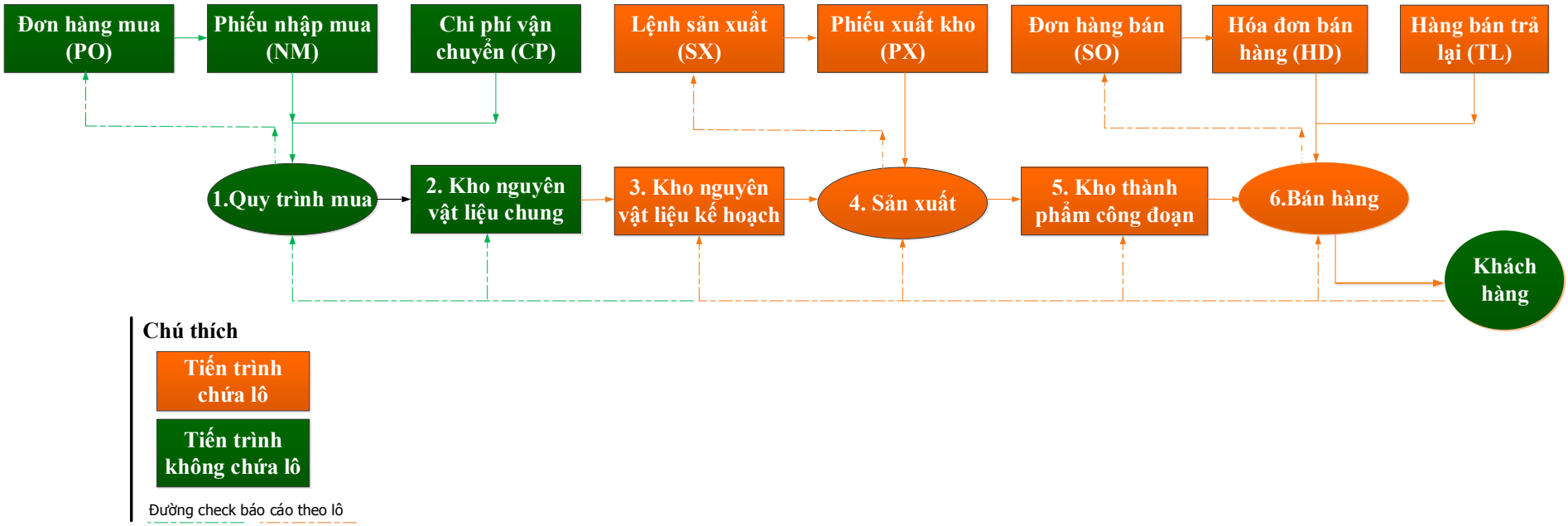

QUẢN LÝ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Những điểm nổi bật:

- ***Quản lý thông tin khách hàng:***
  - Mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại, email, quy mô công ty...
  - Thông tin các đối tác đại diện của khách hàng.
- ***Theo dõi tình trạng khách hàng:***
  - Chưa có nhu cầu/Tiềm năng/Đang chăm sóc/Dự kiến ký/Đã ký...
  - Nhân viên marketing/Nhân viên kinh doanh phụ trách...

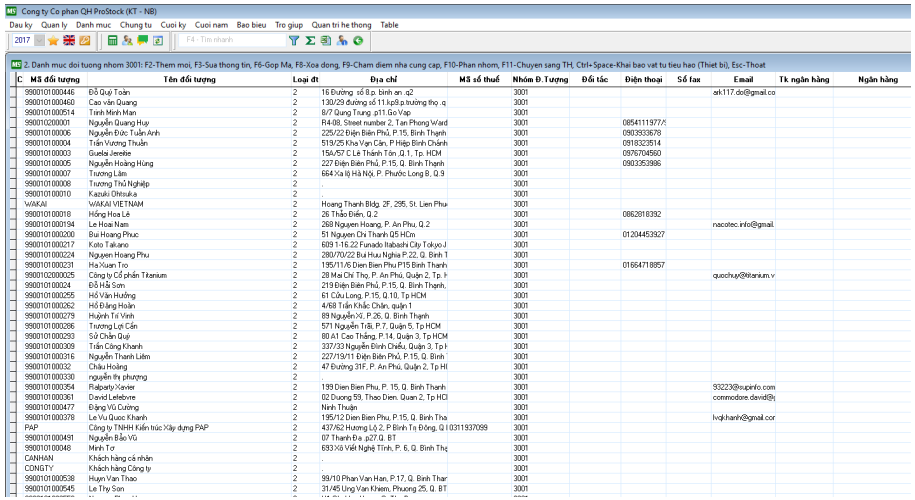

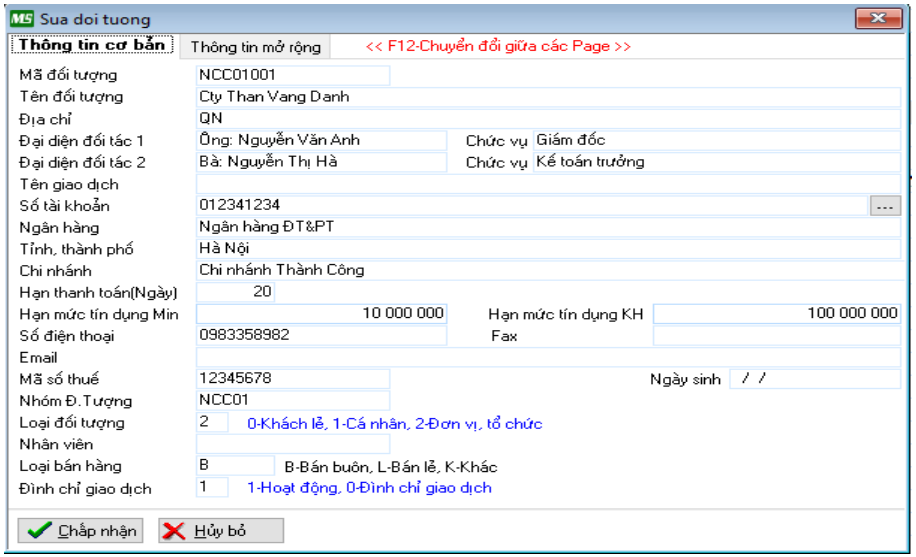

QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

Tổng quan:

Cập nhật, lưu trữ thông tin về khách hàng, về các hợp đồng mua, hợp đồng bán... trên một hệ thống mở; cho phép người dùng có thể tra cứu, tìm kiếm các thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng cũng như hỗ trợ công tác thống kê, phân tích, đánh giá một cách khoa học và hiệu quả.

Những điểm chính:

♦ ***Quản lý hợp đồng:***

- Mã hợp đồng, Số file lưu trữ, Ngày ký hợp đồng, Giá trị hợp đồng trước/sau thuế, Giá trị hoa hồng...
- Phụ lục hợp đồng, Chi tiết hàng hóa theo hợp đồng, Điều khoản thanh toán của hợp đồng...

Tab Thanh toán: Lưu từng điều khoản thanh toán Theo dõi tiến độ thực hiện thanh toán theo từng điều khoản của hợp đồng

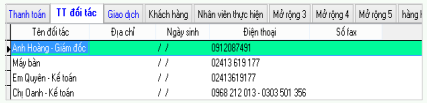

Tab đối tác: Lưu thông tin về các đối tác liên quan đến hợp đồng.

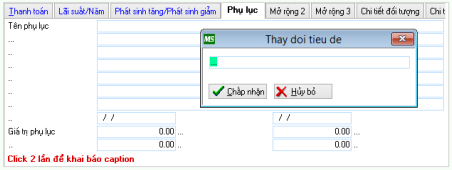

Tab Phụ lục: Các thông tin trong phụ lục có thể khai báo bằng cách click đúp chuột vào tiêu đề của các thông tin.

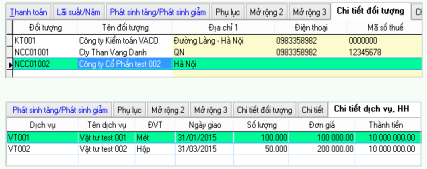

Tab chi tiết đối tượng/Vật tư, HH: Lưu các đối tượng liên quan đến hợp đồng, thông tin vật tư HH của hợp đồng

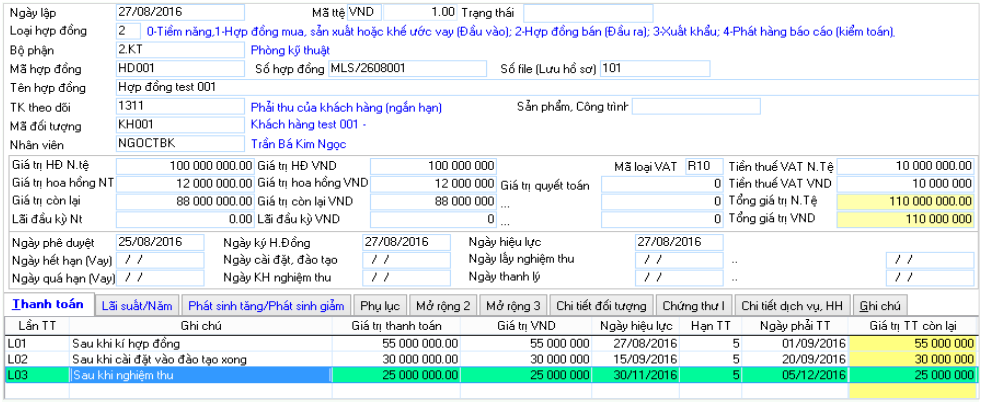

Quản lý hợp đồng bao gồm các thông tin căn bản sẵn có và các thông tin mở rộng (định dạng kiểu ngày, kiểu ký tự và kiểu số) cho phép người dùng có thể tự định nghĩa bằng cách click đúp chuột để khai báo lại tiêu đề.

- Theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng, Tiến độ thanh toán theo từng điều khoản của hợp đồng...

QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

Những điểm nổi bật:

- Truy xuất thông tin quản lý hợp đồng một cách đa chiều thông qua các điều kiện lọc, gom nhóm theo nhiều tiêu chí như trạng thái, khách hàng, bộ phận, nhân viên thực hiện,… cùng các chỉ tiêu mở rộng khác do người dùng tự định nghĩa.
- Lưu các thông tin khác trên quản lý hợp đồng thông qua việc attach, download các file hình ảnh, tài liệu đính kèm.

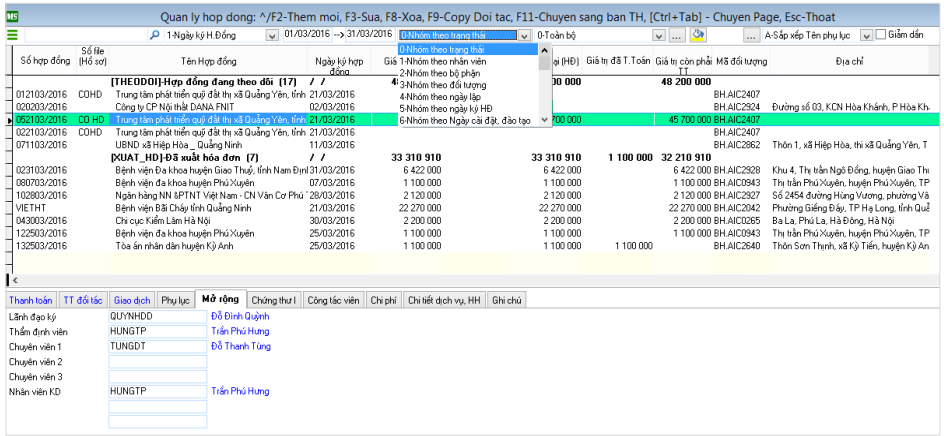

Truy xuất thông tin trên quản lý hợp đồng một cách đa chiều thông qua các điều kiện lọc, gom nhóm theo nhiều tiêu chí như trạng thái, khách hàng, bộ phận, nhân viên thực hiện, các loại ngày tháng…

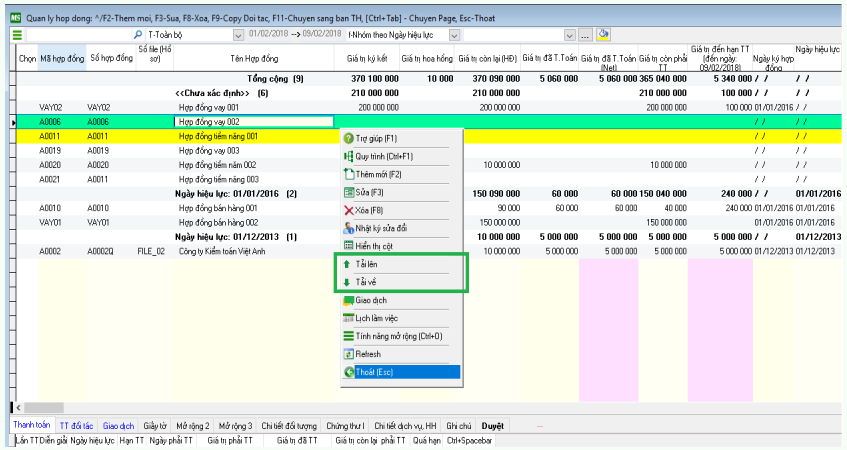

Cho phép attach, download các file hình ảnh, tài liệu đính kèm hợp đồng

- Kết nối phân hệ quản lý công việc: Khai báo lịch làm việc chi tiết cho từng hợp đồng, bộ phận, nhân viên; thiết lập chế độ cảnh báo nhắc việc linh hoạt; lấy thông tin tự động từ phiếu công việc lưu thành giao dịch trên quản lý hợp đồng, làm cơ sở phân tích đánh giá năng suất, hiệu quả công việc của nhân viên.
- In báo cáo: Bảng kê theo dõi hợp đồng mua/bán, Sổ tổng hợp công nợ phải thu/phải trả theo hợp đồng, Sổ tổng hợp tài khoản theo hợp đồng, Báo cáo giá trị sản lượng thực hiện theo hợp đồng, Theo dõi thanh toán theo từng điều khoản hợp đồng,…

QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

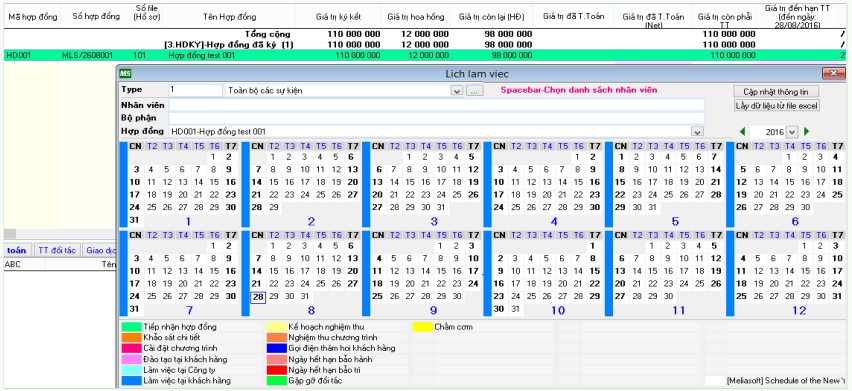

Khai báo lịch làm việc chi tiết cho từng hợp đồng, bộ phận, nhân viên; thiết lập chế độ cảnh báo nhắc việc linh hoạt

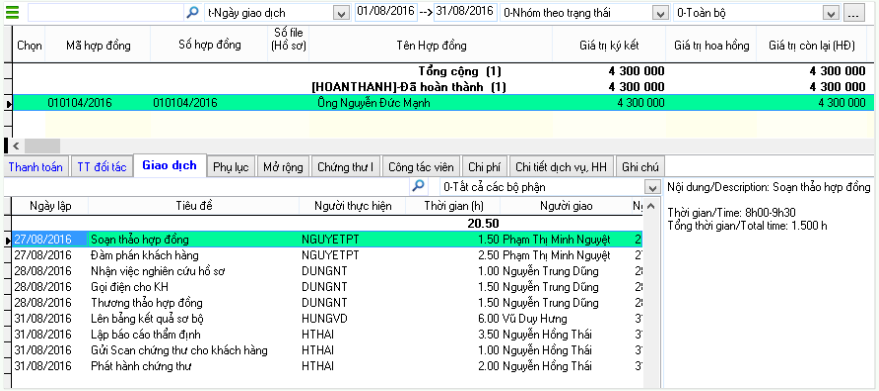

Các giao dịch công việc của nhân viên gắn với từng hợp đồng là cơ sở để đánh giá hiệu quả công việc, hiệu quả hợp đồng.

Meliasoft

THEO DÕI HỢP ĐỒNG BÁN

Đến ngày: 31/08/2016

Chứng từ		Nội dung	Đvt	Số trên HĐồng		Đã thực hiện		Còn lại chưa thực hiện
Số	Ngày			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
HD001		Hợp đồng test 001		840,000	110.000.000	840,000	110.000.000	
HD001		Vật tư test 001	Hộp	290,000	29.000.000	290,000	29.000.000	
HD001		Vật tư test 002	Hộp	50,000	6.000.000	50,000	6.000.000	
HD001		Vật tư test 003	Met	500,000	75.000.000	500,000	75.000.000	
HD002		Hợp đồng test 002		460,000	55.000.000			460,000
HD002		Vật tư test 001	Hộp	100,000	10.000.000			100,000
HD002		Vật tư test 002	Hộp	200,000	24.000.000			200,000
HD002		Vật tư test 003	Met	100,000	15.000.000			100,000
HD002		Vật tư test 004	M3	60,000	6.000.000			60,000
ZZZZ		Tổng cộng		1.300,000	165.000.000	840,000	110.000.000	460,000

Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Báo cáo theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng mua/bán

Meliasoft

THEO DÕI THANH TOÁN THEO TỪNG ĐIỀU KHOẢN H.ĐỒNG

Đến ngày: 31/08/2016

Mã	Nội dung	Ngày ký hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị hợp đồng	Giá trị phải T.Toán	Giá trị đã T.Toán	Giá trị còn phải TT	Số ngày quá hạn
1311	Phải thu của khách hàng (ngắn hạn)	/ /				165.000.000	95.000.000	70.000.000	
KH001	Khách hàng test 001 -	/ /				110.000.000	70.000.000	40.000.000	
HD001	Hợp đồng test 001	27/08/201			100.000.000	110.000.000	70.000.000	40.000.000	
L01	Sau khi kí hợp đồng	27/08/201	27/08/201	01/09/201		55.000.000	55.000.000		
L02	Sau khi cài đặt vào đào tạo xong	27/08/201	15/09/201	20/09/201		30.000.000	15.000.000	15.000.000	
L03	Sau khi nghiệm thu	27/08/201	30/11/201	05/12/201		25.000.000		25.000.000	
KHA02	Khách hàng A02	/ /				55.000.000	25.000.000	30.000.000	
HD002	Hợp đồng test 002	27/08/201			50.000.000	55.000.000	25.000.000	30.000.000	
L01	Sau khi kí hợp đồng	27/08/201	27/08/201	01/09/201		25.000.000	25.000.000		
L02	Sau khi cài đặt vào đào tạo xong	27/08/201	05/09/201	10/09/201		15.000.000		15.000.000	
L03	Sau khi nghiệm thu	27/08/201	15/09/201	20/09/201		15.000.000		15.000.000	
<TOTAL>	Tổng cộng/Total	/ /				165.000.000	95.000.000	70.000.000	

Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Báo cáo theo dõi thanh toán theo từng điều khoản hợp đồng

QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

Tổng quan:

Phân hệ quản lý nhân sự - tiền lương hỗ trợ các công việc như tuyển dụng, đào tạo, theo dõi quá trình công tác, đánh giá nhân sự… đồng thời tính toán chi tiết các khoản lương, thưởng, bảo hiểm, thuế thu nhập cho từng cá nhân, cung cấp thông tin hữu ích giúp người quản trị có cái nhìn tổng thể về tình hình nhân sự cũng như đánh giá chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

Những điểm chính:

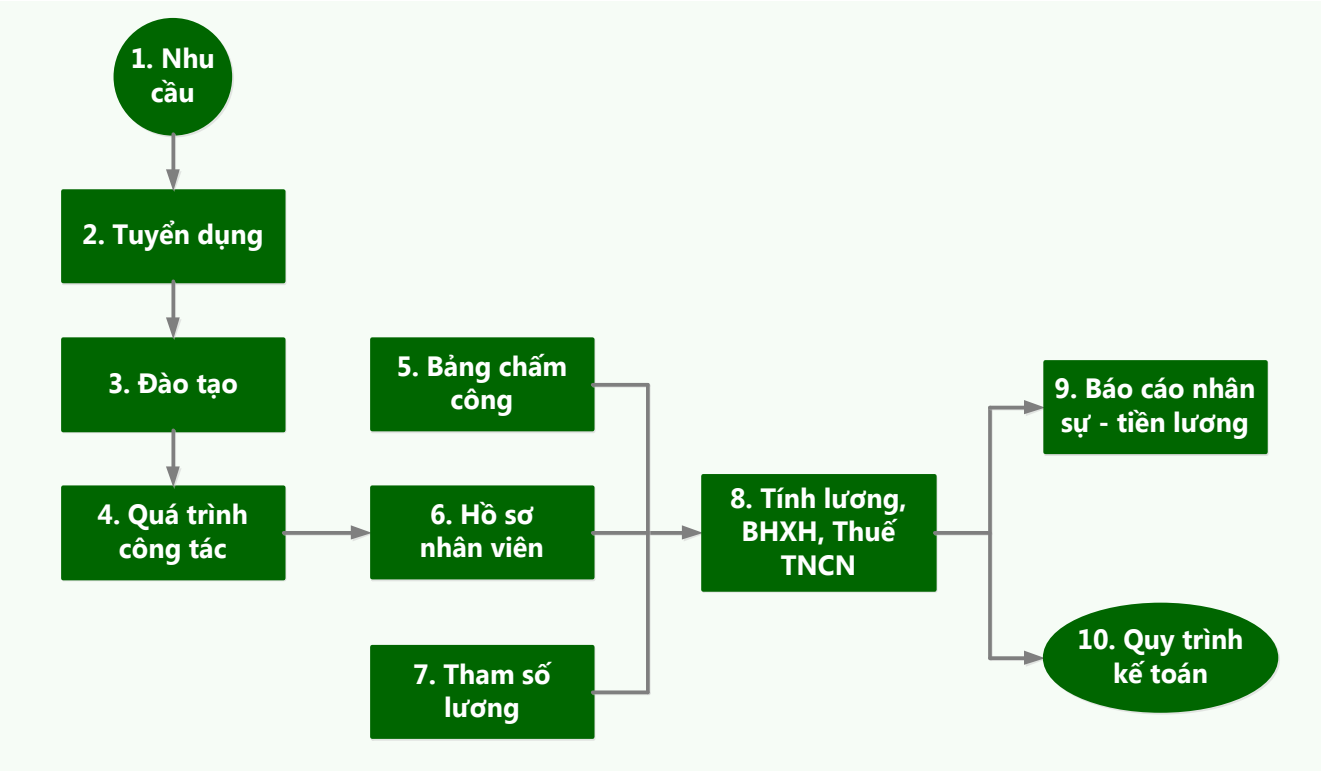

QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

Những điểm chính:

- Quản lý tuyển dụng

  + Lập kế hoạch tuyển dụng gồm các thông tin về nhu cầu tuyển dụng, thời gian, bộ phận yêu cầu, vị trí, số lượng cần tuyển…

  + Quản lý thông tin các ứng viên: sơ yếu lý lịch, quá trình học tập công tác, kỹ năng kinh nghiệm…

  + Lập lịch thi tuyển, phỏng vấn các ứng viên chi tiết theo từng vị trí tuyển dụng, từng vòng thi tuyển…

  + Lưu kết quả thi tuyển, cập nhật trạng thái các hồ sơ trúng tuyển, các hồ sơ hủy, loại hoặc có thể sử dụng khi cần tuyển gấp..

  + Tự động cập nhật toàn bộ thông tin ứng viên sang thông tin nhân viên mới với những hồ sơ trúng tuyển.

  + Báo cáo thống kê, phân tích tình hình tuyển dụng (số lượng hồ sơ ứng viên, số lượng đạt, số lượng ứng tuyển theo vị trí…).

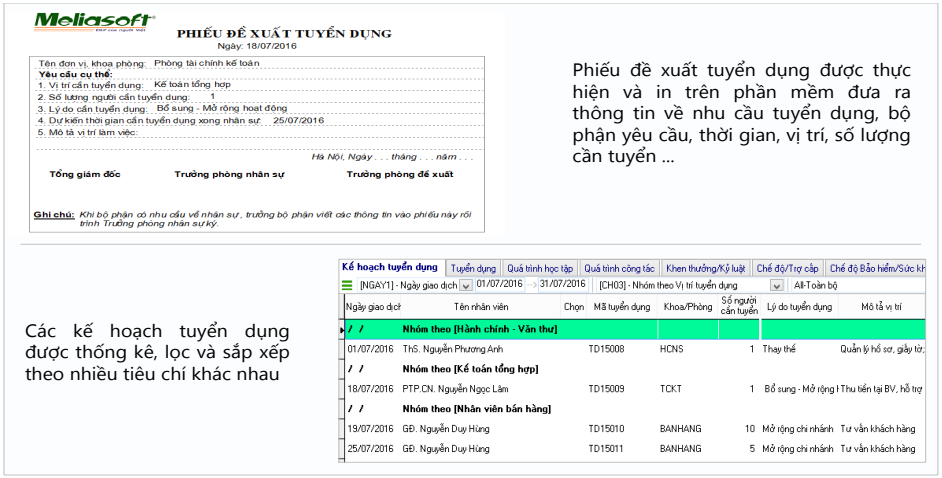

Phiếu đề xuất tuyển dụng được thực hiện và in trên phần mềm đưa ra thông tin về nhu cầu tuyển dụng, bộ phận yêu cầu, thời gian, vị trí, số lượng cần tuyển …

Các kế hoạch tuyển dụng được thống kê, lọc và sắp xếp theo nhiều tiêu chí khác nhau

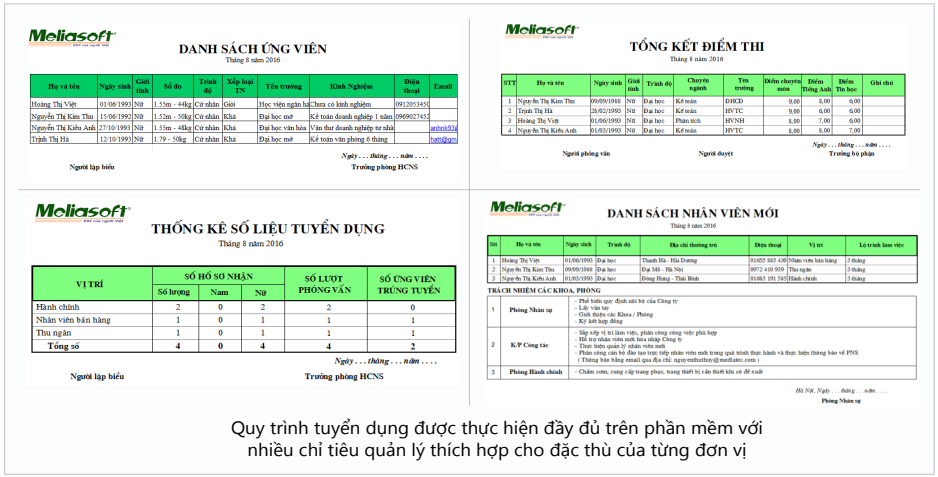

Quy trình tuyển dụng được thực hiện đầy đủ trên phần mềm với nhiều chỉ tiêu quản lý thích hợp cho đặc thù của từng đơn vị

QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

- Quản lý đào tạo

  + Lập kế hoạch đào tạo bao gồm các thông tin: nhu cầu đào tạo, nội dung, hình thức, đơn vị đào tạo, chi phí đào tạo phát sinh…

  + Theo dõi quản lý chi tiết các khóa đào tạo, đối chiếu trạng thái, kết quả đào tạo với kế hoạch… Tự động cập nhật thông tin về quá trình và kết quả đào tạo vào hồ sơ nhân viên.

  + Báo cáo thống kê đào tạo: Số lượng nhân viên tham gia từng khóa, Số lượng đạt, số lượng không đạt khi kết thúc khóa đào tạo...

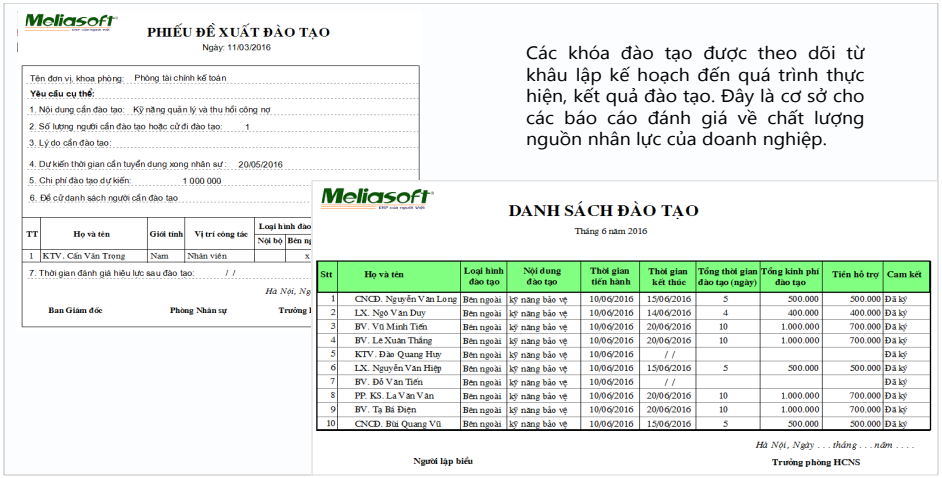

Meliasoft

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐÀO TẠO

Ngày: 11/03/2016

Tên đơn vị, khoa phòng: Phòng tài chính kế toán

Yêu cầu cụ thể:

1. Nội dung cần đào tạo: Kỹ năng quản lý và thu hồi công nợ
2. Số lượng người cần đào tạo hoặc cử đi đào tạo: 1
3. Lý do cần đào tạo:
4. Dự kiến thời gian cần tuyển dụng xong nhân sự: 20/05/2016
5. Chi phí đào tạo dự kiến: 1 000 000
6. Đề cử danh sách người cần đào tạo

TT	Họ và tên	Giới tính	Vị trí công tác	Loại hình đào	
				Nội bộ	Bên ng
1	KTV. Cấn Văn Trọng	Nam	Nhân viên		x

7. Thời gian đánh giá hiệu lực sau đào tạo: / /

Hà Nội, Ng

Ban Giám đốc | Phòng Nhân sự | Trưởng l

Các khóa đào tạo được theo dõi từ khâu lập kế hoạch đến quá trình thực hiện, kết quả đào tạo. Đây là cơ sở cho các báo cáo đánh giá về chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

Meliasoft

DANH SÁCH ĐÀO TẠO

Tháng 6 năm 2016

Stt	Họ và tên	Loại hình đào tạo	Nội dung đào tạo	Thời gian tiến hành	Thời gian kết thúc	Tổng thời gian đào tạo (ngày)	Tổng kinh phí đào tạo	Tiền hỗ trợ	Cam kết
1	CNCD. Nguyễn Văn Long	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	15/06/2016	5	500.000	500.000	Đã ký
2	LX. Ngô Văn Duy	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	14/06/2016	4	400.000	400.000	Đã ký
3	BV. Vũ Minh Tiến	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Đã ký
4	BV. Lê Xuân Thắng	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Đã ký
5	KTV. Đào Quang Huy	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	/ /				Đã ký
6	LX. Nguyễn Văn Hiệp	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	15/06/2016	5	500.000	500.000	Đã ký
7	BV. Đỗ Văn Tiến	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	/ /				Đã ký
8	PP. KS. La Văn Văn	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Đã ký
9	BV. Tạ Bá Điện	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Đã ký
10	CNCD. Bùi Quang Vũ	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	15/06/2016	5	500.000	500.000	Đã ký

Hà Nội, Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Người lập biểu | Trưởng phòng HCNS

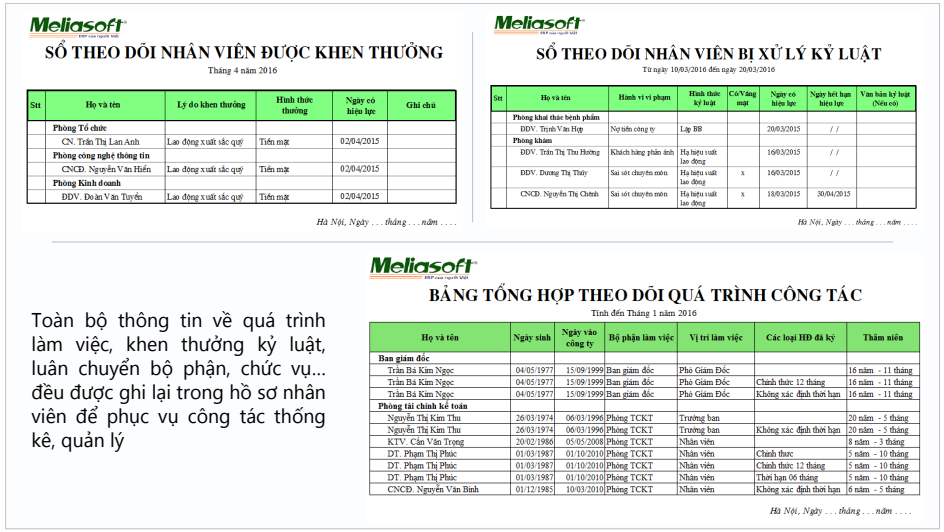

Meliasoft

SỔ THEO DÕI NHÂN VIÊN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Tháng 4 năm 2016

Stt	Họ và tên	Lý do khen thưởng	Hình thức thưởng	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	Phòng Tổ chức				
	CN. Trần Thị Lan Anh	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015	
	Phòng công nghệ thông tin				
	CNCD. Nguyễn Văn Hiến	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015	
	Phòng Kinh doanh				
	DDV. Đoàn Văn Tuyến	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015	

Hà Nội, Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Meliasoft

SỔ THEO DÕI NHÂN VIÊN BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Từ ngày 10/03/2016 đến ngày 20/03/2016

Stt	Họ và tên	Hành vi vi phạm	Hình thức kỷ luật	Có/Vắng mặt	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hạn hiệu lực	Văn bản kỷ luật (Nếu có)
	Phòng khai thác bệnh phẩm						
	DDV. Trịnh Văn Hợp	Nợ tiền công ty	Lập BB		20/03/2015	/ /	
	Phòng khám						
	DDV. Trần Thị Thu Hường	Khách hàng phản ánh	Hạ hiệu suất lao động		16/03/2015	/ /	
	DDV. Dương Thị Thúy	Sai sót chuyên môn	Hạ hiệu suất lao động	x	16/03/2015	/ /	
	CNCD. Nguyễn Thị Chênh	Sai sót chuyên môn	Hạ hiệu suất lao động	x	18/03/2015	30/04/2015	

Hà Nội, Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Toàn bộ thông tin về quá trình làm việc, khen thưởng kỷ luật, luân chuyển bộ phận, chức vụ... đều được ghi lại trong hồ sơ nhân viên để phục vụ công tác thống kê, quản lý

Meliasoft

BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Tính đến Tháng 1 năm 2016

Họ và tên	Ngày sinh	Ngày vào công ty	Bộ phận làm việc	Vị trí làm việc	Các loại HĐ đã ký	Thâm niên
Ban giám đốc						
Trần Bá Kim Ngọc	04/05/1977	15/09/1999	Ban giám đốc	Phó Giám Đốc		16 năm - 11 tháng
Trần Bá Kim Ngọc	04/05/1977	15/09/1999	Ban giám đốc	Phó Giám Đốc	Chính thức 12 tháng	16 năm - 11 tháng
Trần Bá Kim Ngọc	04/05/1977	15/09/1999	Ban giám đốc	Phó Giám Đốc	Không xác định thời hạn	16 năm - 11 tháng
Phòng tài chính kế toán						
Nguyễn Thị Kim Thu	26/03/1974	06/03/1996	Phòng TCKT	Trưởng ban		20 năm - 5 tháng
Nguyễn Thị Kim Thu	26/03/1974	06/03/1996	Phòng TCKT	Trưởng ban	Không xác định thời hạn	20 năm - 5 tháng
KTV. Cấn Văn Trọng	20/02/1986	05/05/2008	Phòng TCKT	Nhân viên		8 năm - 3 tháng
DT. Phạm Thị Phúc	01/03/1987	01/10/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Chính thức	5 năm - 10 tháng
DT. Phạm Thị Phúc	01/03/1987	01/10/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Chính thức 12 tháng	5 năm - 10 tháng
DT. Phạm Thị Phúc	01/03/1987	01/10/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Thời hạn 06 tháng	5 năm - 10 tháng
CNCD. Nguyễn Văn Bình	01/12/1985	10/03/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Không xác định thời hạn	6 năm - 5 tháng

Hà Nội, Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

- Quản lý quá trình công tác

  + Cập nhật hồ sơ nhân viên: Sơ yếu lý lịch, học vấn, kinh nghiệm..

  + Theo dõi hợp đồng lao động cho từng nhân viên: hợp đồng thử việc, chính thức, hợp đồng theo kỳ hạn ...

  + Cập nhật các thông tin thay đổi trong quá trình làm việc: Luân chuyển bộ phận đơn vị, khen thưởng kỷ luật, đánh giá hàng kỳ…

  + Báo cáo thống kê, tổng hợp nhân sự theo các tiêu thức tùy chọn (bộ phận, giới tính, độ tuổi, hợp đồng, …), phân tích đánh giá xếp hạng nhân viên theo nhiều chỉ tiêu khác nhau.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

- Quản lý tiền lương

  + Khai báo linh hoạt kỳ tính lương, giờ tính lương, ngày nghỉ lễ, nghỉ phép…

  + Tự động lấy dữ liệu từ máy chấm công, hoặc chấm công trên phần mềm, cho phép điều chỉnh dữ liệu chấm công.

  + Áp dụng đa dạng các hình thức tính lương: lương theo sản phẩm, theo giờ công,.. dữ liệu có thể kế thừa từ các phần hành kế toán và quản lý khác.

  + Khai báo linh hoạt, mềm dẻo các tham số lương và công thức tính phù hợp với cơ chế lương của từng đơn vị.

  + Tính lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm, thuế thu nhập cho từng nhân viên và tự động hạch toán các khoản đó theo từng bộ phận, nhân viên ứng với khoản mục phí khác nhau.

  + Báo cáo lương: Bảng lương tổng hợp, chi tiết, bàng quyết toán lương sản phẩm, bảng thanh toán lương chuyển qua ngân hàng, thông báo lương qua mail, bảng kê thuế TNCN, tờ khai thuế TNCN…

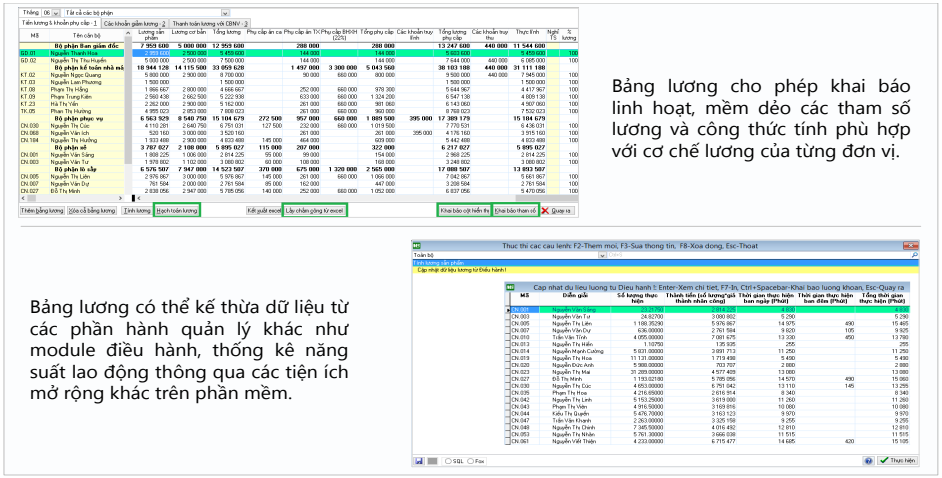

Bảng lương cho phép khai báo linh hoạt, mềm dẻo các tham số lương và công thức tính phù hợp với cơ chế lương của từng đơn vị.

Bảng lương có thể kế thừa dữ liệu từ các phần hành quản lý khác như module điều hành, thống kê năng suất lao động thông qua các tiện ích mở rộng khác trên phần mềm.

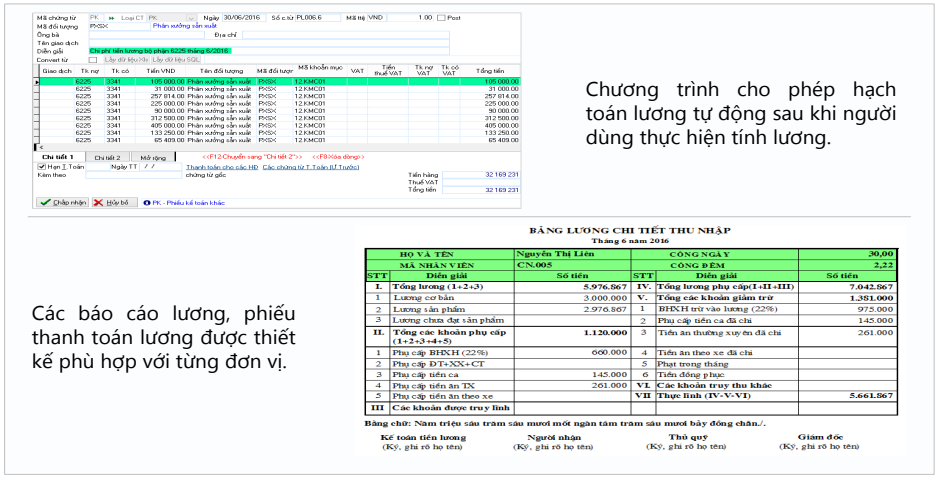

Chương trình cho phép hạch toán lương tự động sau khi người dùng thực hiện tính lương.

Các báo cáo lương, phiếu thanh toán lương được thiết kế phù hợp với từng đơn vị.

BẢNG LƯƠNG CHI TIẾT THU NHẬP

Tháng 6 năm 2016

HỌ VÀ TÊN	Nguyễn Thị Liên	CÔNG NGÀY	30,00
MÃ NHÂN VIÊN	CN.005	CÔNG ĐÊM	2,22

STT	Diễn giải	Số tiền	STT	Diễn giải	Số tiền
I.	Tổng lương (1+2+3)	5.976.567	IV.	Tổng lương phụ cấp(I+II+III)	7.042.567
1	Lương cơ bản	3.000.000	V.	Tổng các khoản giảm trừ	1.381.000
2	Lương sản phẩm	2.976.867	1	BHXH trừ vào lương (22%)	973.000
3	Lương chưa đạt sản phẩm		2	Phụ cấp tiền ca đã chi	145.000
II.	Tổng các khoản phụ cấp (1+2+3+4+5)	1.120.000	3	Tiền ăn thường xuyên đã chi	261.000
1	Phụ cấp BHYT (22%)	660.000	4	Tiền ăn theo xe đã chi	
2	Phụ cấp ĐT+XX+CT		5	Phạt trong tháng	
3	Phụ cấp tiền ca	145.000	6	Tiền đồng phục	
4	Phụ cấp tiền ăn TX	261.000	VI.	Các khoản truy thu khác	
5	Phụ cấp tiền ăn theo xe		VII	Thực lĩnh (IV-V-VI)	5.661.567
III	Các khoản được truy lĩnh				

Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm sáu mươi mốt ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng chẵn./.

Kế toán tiền lương	Người nhận	Thủ quỹ	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

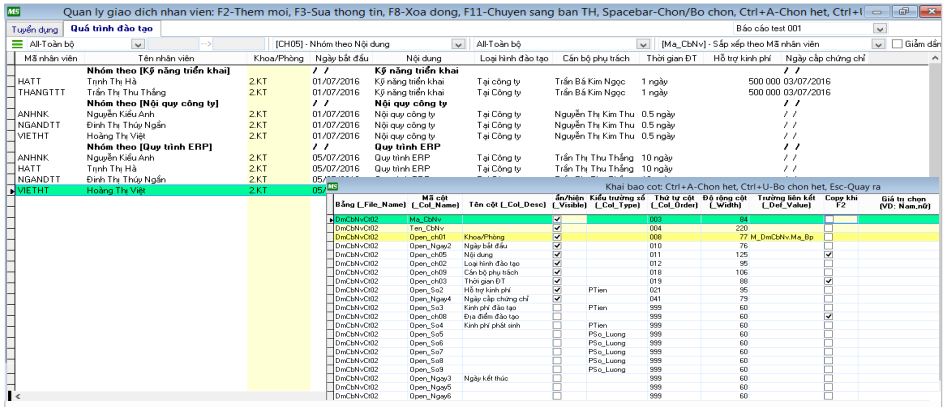

Các thông tin quản lý nhân sự trên phần mềm đều có tính mở, cho phép người dùng có thể tùy chỉnh dễ dàng theo đặc thù quản lý của doanh nghiệp.

Những điểm nổi bật:

- Cho phép tra cứu, tìm kiếm thông tin nhân viên một cách dễ dàng, nhanh chóng.
- Thiết lập cảnh báo đa dạng và linh hoạt: Cảnh báo nhân viên có sinh nhật trong tháng, nhân viên sắp hết hạn hợp đồng lao động, nhân viên có xếp hạng thấp trong nhiều kỳ liên tiếp…
- Lưu các thông tin khác trong phân hệ quản lý nhân sự tiền lương thông qua việc attach, download các file tài liệu, hình ảnh đính kèm.

- Khai báo bảng lương khác nhau cho từng đơn vị chi nhánh, cho phép copy khai báo giữa các đơn vị.
- Cho phép tạo bảng lương mới từ bảng lương tháng trước, sau đó điều chỉnh hợp lý với tình hình thực tế tháng này.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

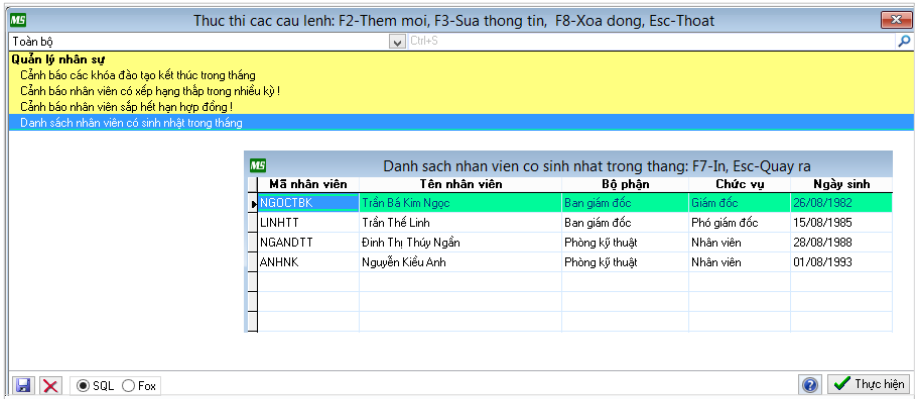

Thiết lập các cảnh báo đa dạng, linh hoạt với nhiều chế độ nhắc nhở như khi chạy báo cáo, khi đăng nhập phần mềm hay trực tiếp qua mail...

QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

Những điểm nổi bật:

- Cho phép tra cứu, tìm kiếm thông tin nhân viên một cách dễ dàng, nhanh chóng.
- Thiết lập cảnh báo đa dạng và linh hoạt: Cảnh báo nhân viên có sinh nhật trong tháng, nhân viên sắp hết hạn hợp đồng lao động, nhân viên có xếp hạng thấp trong nhiều kỳ liên tiếp…
- Lưu các thông tin khác trong phân hệ quản lý nhân sự tiền lương thông qua việc attach, download các file tài liệu, hình ảnh đính kèm.
- Khai báo bảng lương khác nhau cho từng đơn vị chi nhánh, cho phép copy khai báo giữa các đơn vị.
- Cho phép tạo bảng lương mới từ bảng lương tháng trước, sau đó điều chỉnh hợp lý với tình hình thực tế tháng này.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

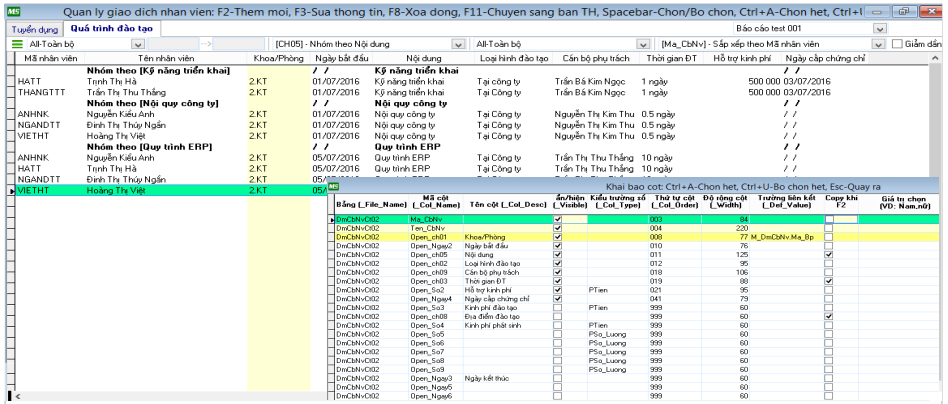

Các thông tin quản lý nhân sự trên phần mềm đều có tính mở, cho phép người dùng có thể tùy chỉnh dễ dàng theo đặc thù quản lý của doanh nghiệp.

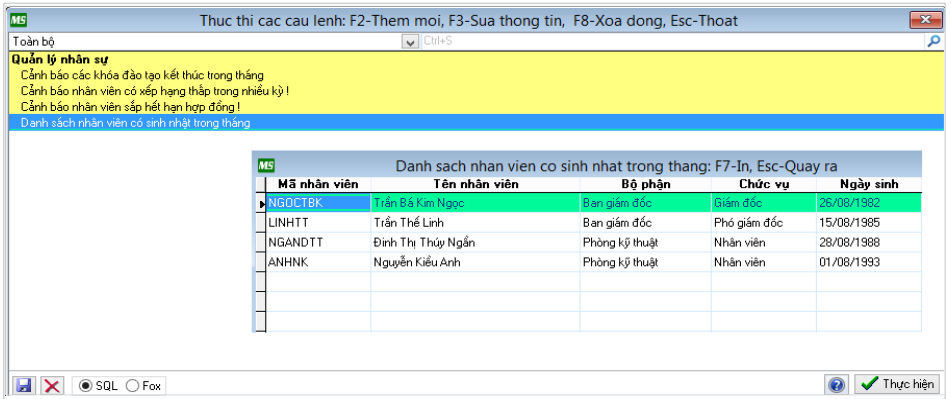

Thiết lập các cảnh báo đa dạng, linh hoạt với nhiều chế độ nhắc nhở như khi chạy báo cáo, khi đăng nhập phần mềm hay trực tiếp qua mail...

QUẢN LÝ TÀI LIỆU

Tổng quan:

Quản lý tài liệu là một module mới trên Meliasoft2016 giúp cho việc quản lý, theo dõi công văn đi/công văn đến cũng như lưu trữ, chia sẻ thông tin và tài liệu, văn bản trên phần mềm.

Những điểm chính:

- ***Quản lý công văn đi/công văn đến:***
  - Số công văn, loại công văn, ngày phát hành, đơn vị phát hành, ngày có hiệu lực, ngày hết hiệu lực
  - Nội dung trích yếu, file văn bản đính kèm…
- ***Quản lý file tài liệu, văn bản***
  - Thư mục chứa file, các thư mục theo dạng forder của Window
  - Các chức năng: Tải lên (Attach File); Tải về (Download File)
  - Các chức năng: Gửi đến (Send to), Chuyển tiếp (Forward), Rời đến (Move to)
  - Lưu lại các thông tin khác liên quan file tài liệu như các giao dịch, comment...

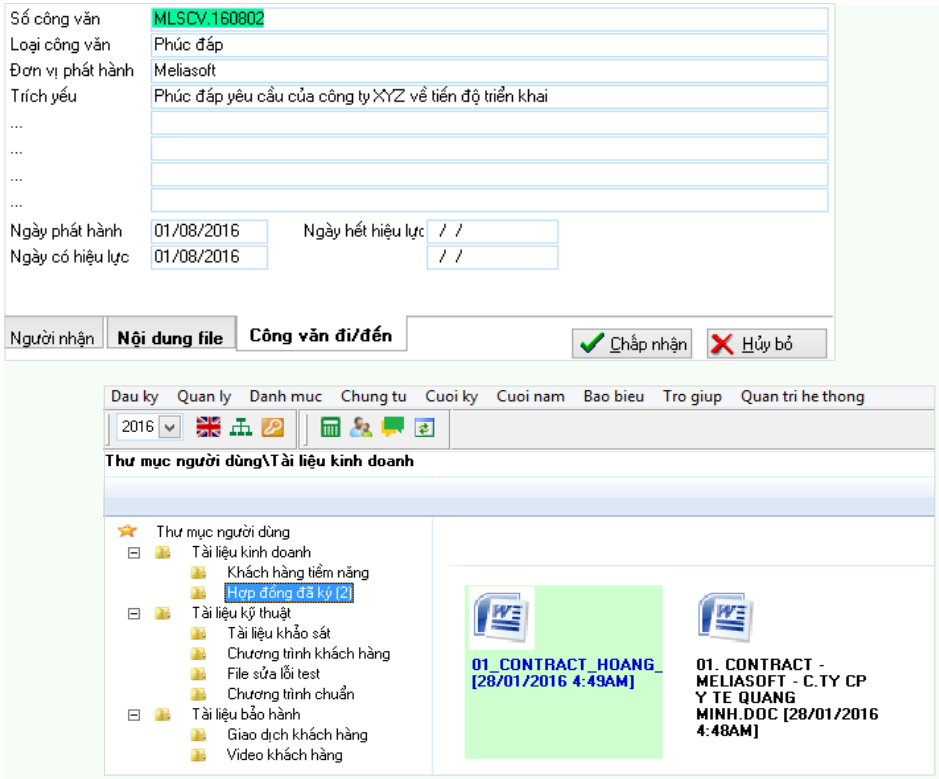

QUẢN LÝ TÀI LIỆU

Những điểm nổi bật:

- Tính toán khoảng thời gian tải lên, tải về file tài liệu một cách tương đối → Hoạt động và thao tác tương tự như việc tải lên, tải về trong Google, Mail.
- Lưu nhật ký tải file: Các thông tin ngày, giờ cập nhật file, người gửi file, người nhận file, những user đã đọc...
- Lưu các file đang tải dở dang do sự cố mất điện, mất mạng..., khi lựa chọn tải tiếp chương trình sẽ tự động ghi tiếp file chứ không tải lại từ đầu, giảm thiểu tối đa thời gian khi thực hiện tính năng này.
- Lọc, sắp xếp, tìm kiếm các file văn bản theo nhiều tiêu thức như chưa đọc, đã đọc, đã gửi, đã nhận, người gửi file, người nhận file, đường dẫn lưu file, dung lượng file,...
- Sẵn sàng kết nối với các module quản lý khác: Quản lý hợp đồng, Quản lý nhân sự, Quản lý tài sản, Quản lý giao việc,…

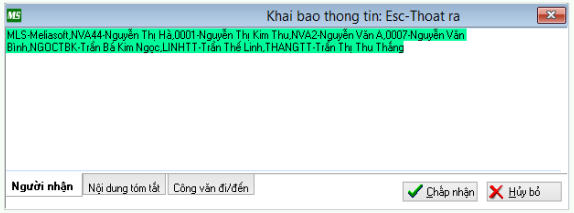

File tải lên có thể gửi cho một hay nhiều user, có thể lưu kèm các thông tin liên quan khác bao gồm các thông tin sẵn có và thông tin mở rộng do người dùng tự định nghĩa.

Chương trình tính toán khoảng thời gian tải lên/tải về file một cách tương đối.

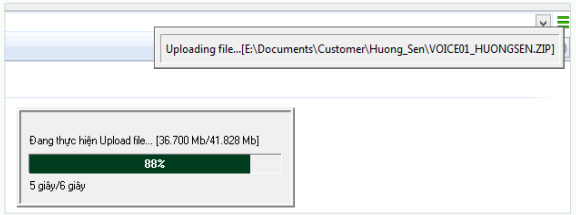

Lưu các file đang tải dở dang và nhắc nhở tải tiếp file.

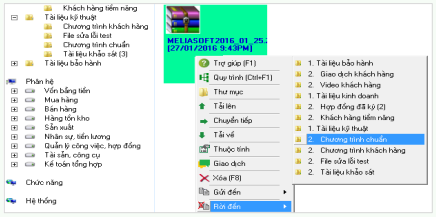

Cho phép gửi đến, rời đến, chuyển tiếp các file tới các thư mục, các user trên cùng hệ thống.

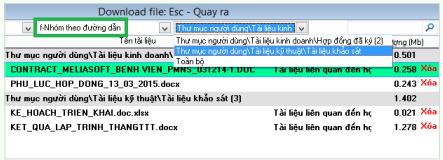

Lọc, sắp xếp, tìm kiếm các file văn bản theo nhiều tiêu thức khác nhau.

Sẵn sàng tích hợp trong các module quản lý khác.

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Tổng quan:

Phần mềm đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán chuẩn theo chế độ, quy định của Bộ tài chính cũng như cung cấp hệ thống các danh mục, báo cáo mở rộng phù hợp với tính vùng miền của mỗi doanh nghiệp.

Các phân hệ kế toán:

- Kế toán vốn bằng tiền
- Kế toán mua hàng - phải trả
- Kế toán bán hàng - phải thu
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán chi phí giá thành
- Kế toán tài sản, công cụ
- Kế toán thuế
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán hợp nhất

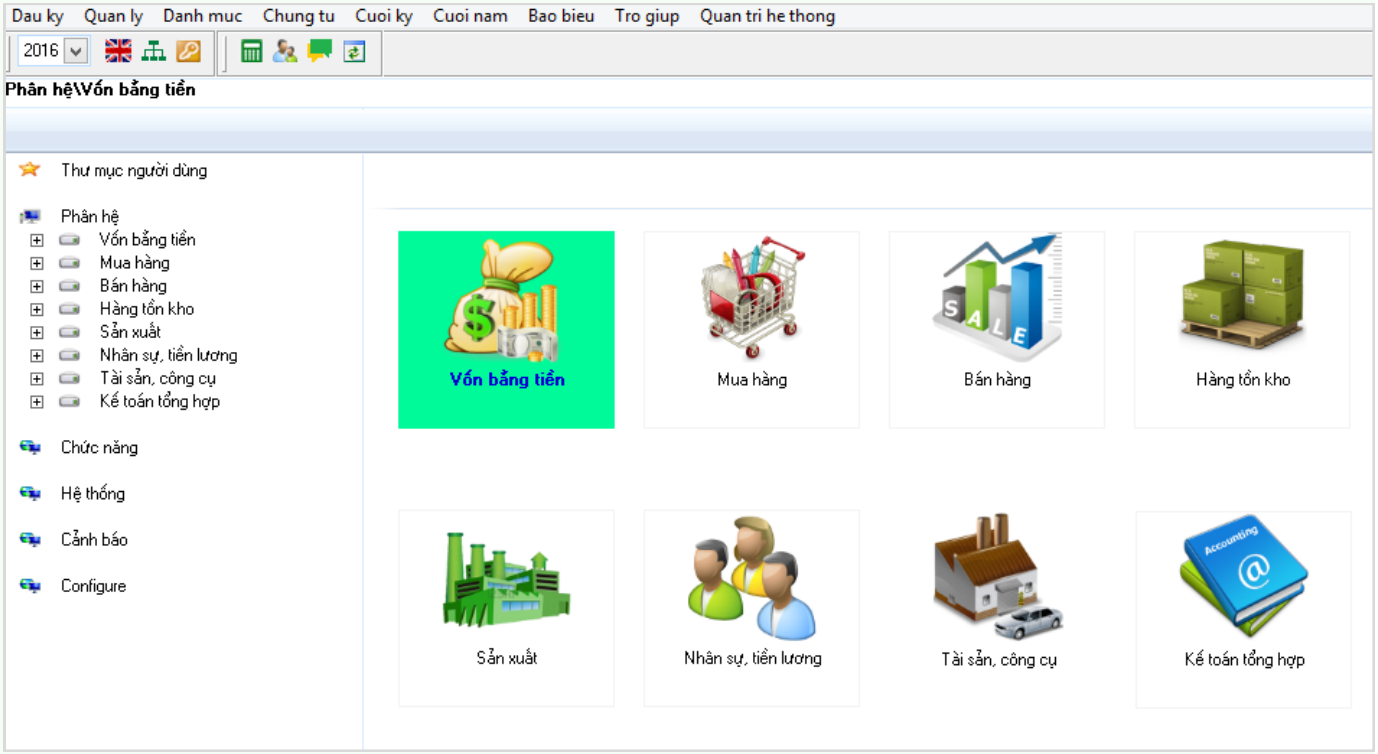

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

Tổng quan:

Phân hệ vốn bằng tiền trên phần mềm cho phép lập kế hoạch và quản lý các khoản thu/chi/tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền vay một cách chặt chẽ, hiệu quả. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về dòng tiền vào/ra giúp doanh nghiệp theo dõi, kiểm soát và có kế hoạch cân đối thu chi hợp lý, kịp thời.

Những điểm chính:

- Lập và in phiếu thu/phiếu chi/báo có/báo nợ ngân hàng trên phần mềm.
- Lập và in đề nghị thanh toán cho kế hoạch chi tiền, theo dõi tiến độ thanh toán theo đề nghị chi tiết từng bộ phận, khoản mục…
- Theo dõi các khoản thu/chi tại các quỹ như rút, gửi, chuyển khoản, thanh toán công nợ, tạm ứng… chi tiết cho từng đối tượng, hợp đồng, công trình, khoản mục…
- Quản lý ngoại tệ: Tự động tính và hạch toán chênh lệch tỷ giá ngoại tệ theo từng nghiệp vụ phát sinh. Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ cho từng khoản mục có gốc ngoại tệ.
- In báo cáo: Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ nhật ký thu tiền, Sổ nhật ký chi tiền, Sổ chi tiết tài khoản, Bảng kê chứng từ đề nghị thanh toán...

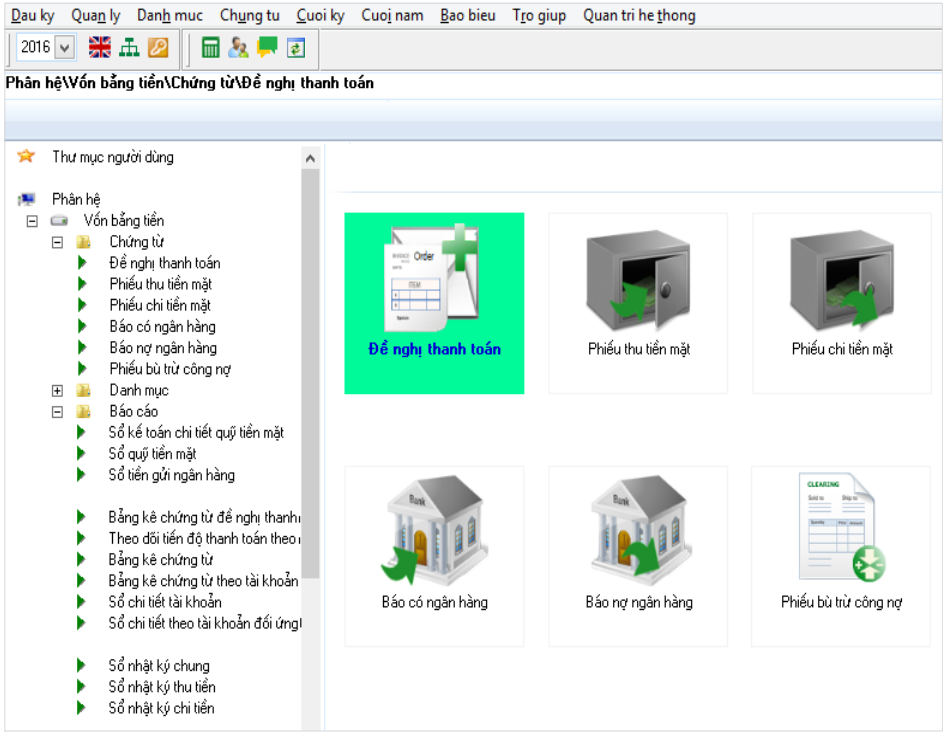

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

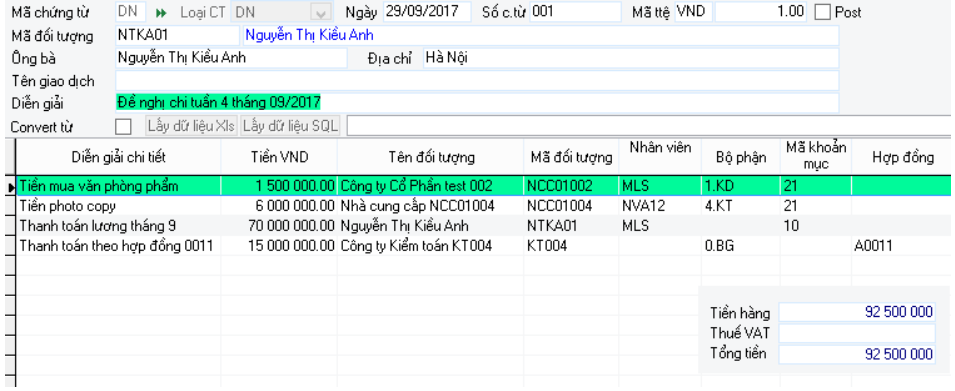

Chứng từ đề nghị thanh toán liệt kê các khoản cần được thanh toán, hoàn trả cho từng đối tượng cụ thể. Các đề nghị thanh toán được duyệt là cơ sở để kế toán thực hiện phiếu chi, ủy nhiệm chi (giấy báo nợ) trên phần mềm.

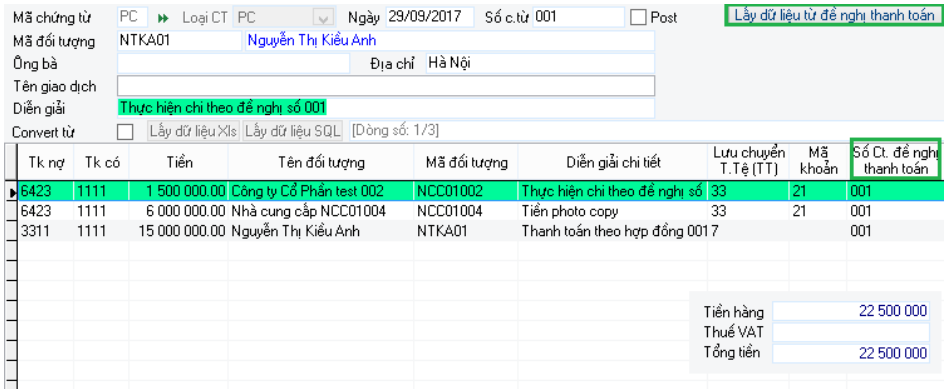

Các chứng từ Phiếu chi, Ủy nhiệm chi (giấy báo nợ) theo dõi thanh toán theo đề nghị nào. Trên cơ sở đó, kế toán có thể tổng hợp thống kê các đề nghị thanh toán chưa được duyệt, đã được duyệt, đã được thanh toán.

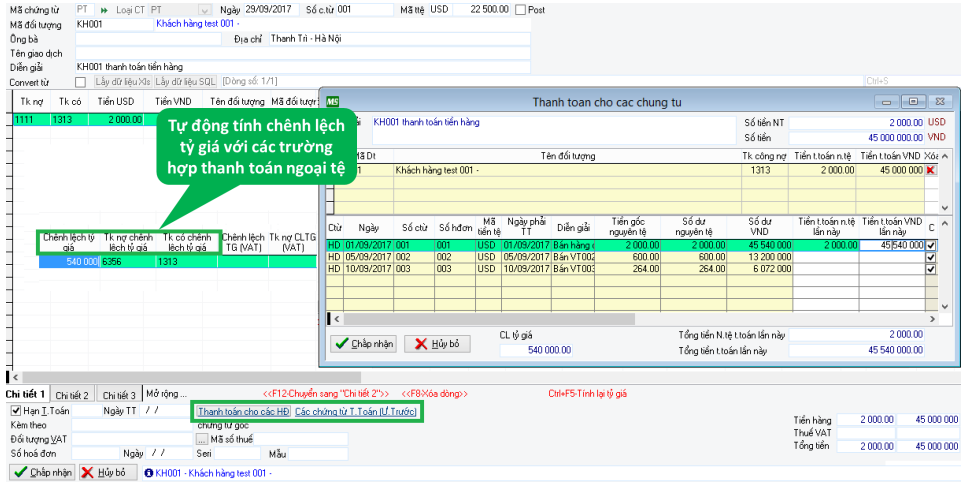

Phiếu thu, Giấy báo có chọn thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn bán hàng

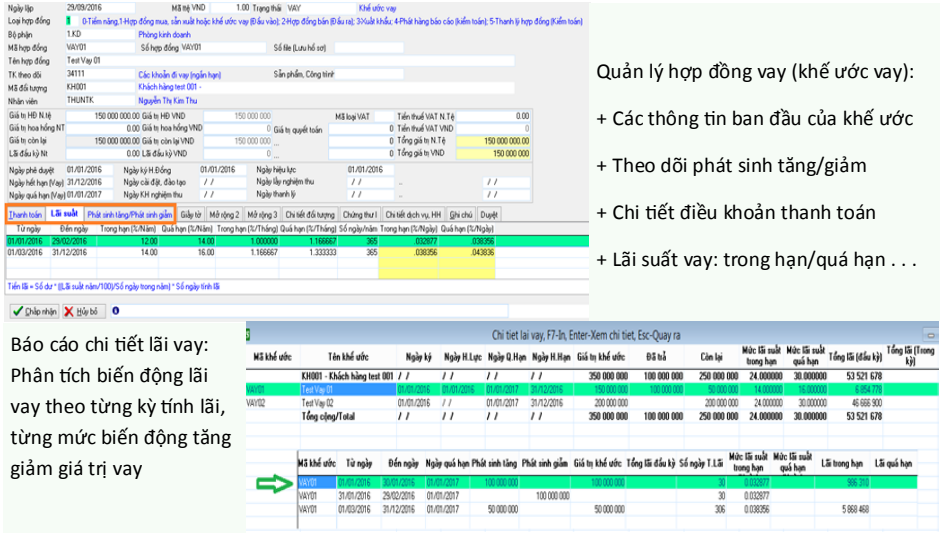

Quản lý hợp đồng vay (khế ước vay):

+ Các thông tin ban đầu của khế ước

+ Theo dõi phát sinh tăng/giảm

+ Chi tiết điều khoản thanh toán

+ Lãi suất vay: trong hạn/quá hạn . . .

Báo cáo chi tiết lãi vay: Phân tích biến động lãi vay theo từng kỳ tính lãi, từng mức biến động tăng giảm giá trị vay

KẾ TOÁN MUA HÀNG - PHẢI TRẢ

Tổng quan:

Phân hệ mua hàng - phải trả được xây dựng dựa trên quy trình mua hàng và quản lý công nợ. Cho phép quản lý việc mua hàng với nhiều tiêu thức khác nhau và theo dõi các khoản nợ phải trả của từng đối tượng, hợp đồng, đơn hàng... Trợ giúp các nhà quản lý lập kế hoạch mua hàng, thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp được đầy đủ, đúng thời gian và chính xác.

Những điểm chính:

- Lập và in các chứng từ trong phân hệ mua hàng trên phần mềm.
- Phân bổ chi phí mua, chi phí vận chuyển, thuế nhập khẩu cho các mặt hàng (theo giá trị / số lượng).
- Theo dõi, hạch toán tự động tính thuế GTGT, thuế tiêu thụ, thuế nhập khẩu theo tờ khai hải quan.
- Giám sát công nợ phải trả nhà cung cấp theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, nhà cung cấp, hợp đồng, đơn hàng, nhân viên, …)
- Bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, hợp đồng…
- In báo cáo: Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, Tổng hợp nhập kho, Sổ nhật ký mua hàng, Sổ tổng hợp vận chuyển bốc dỡ, Sổ chi tiết phải trả người bán, Sổ tổng hợp phải trả cho người bán...

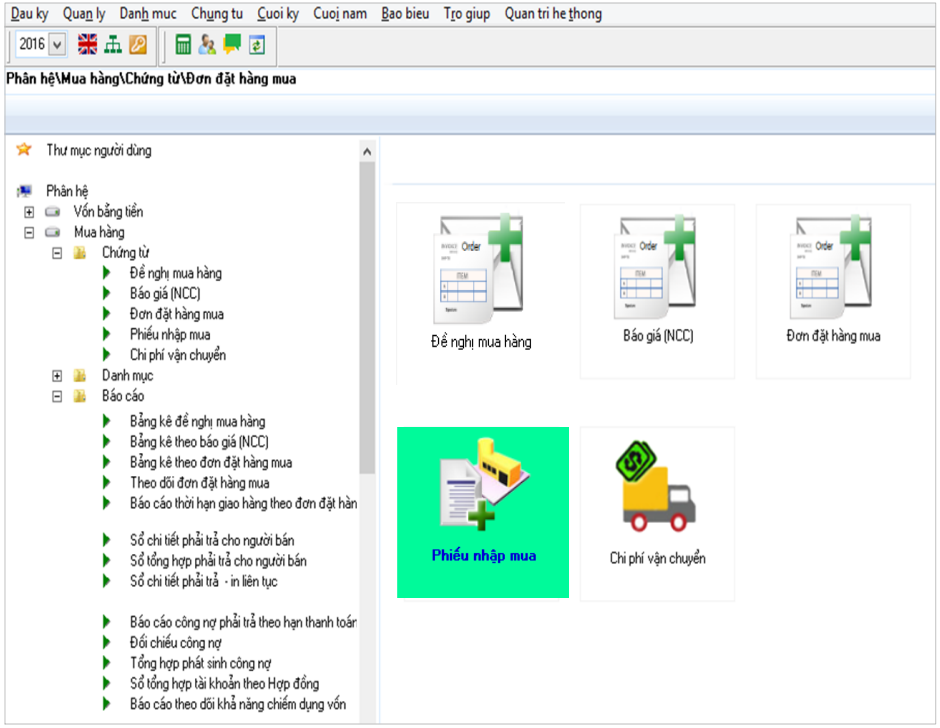

KẾ TOÁN MUA HÀNG - PHẢI TRẢ

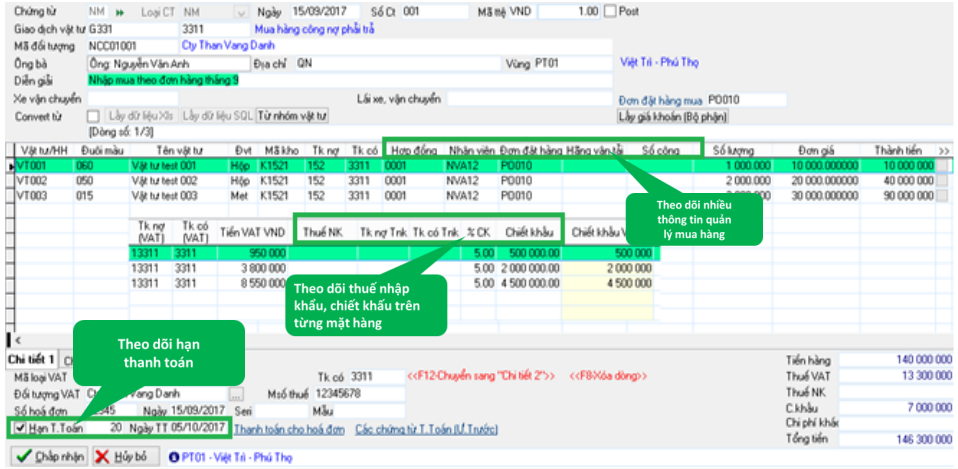

Chứng từ nhập mua

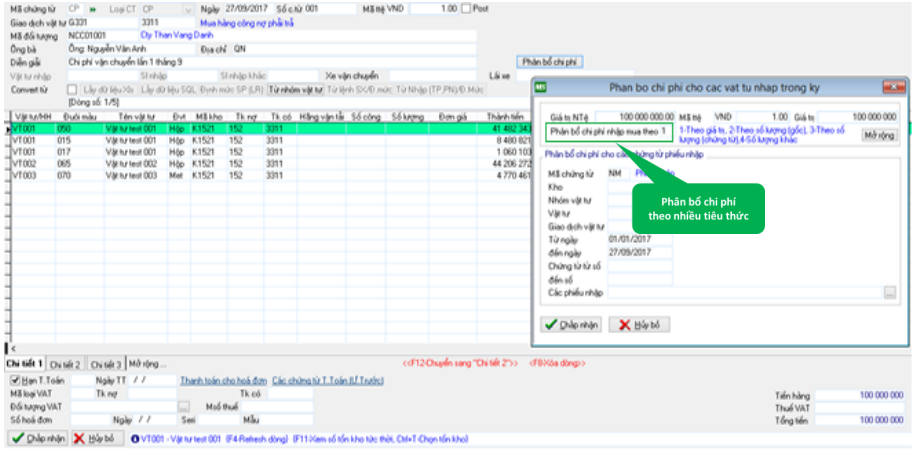

Chứng từ chi phí vận chuyển

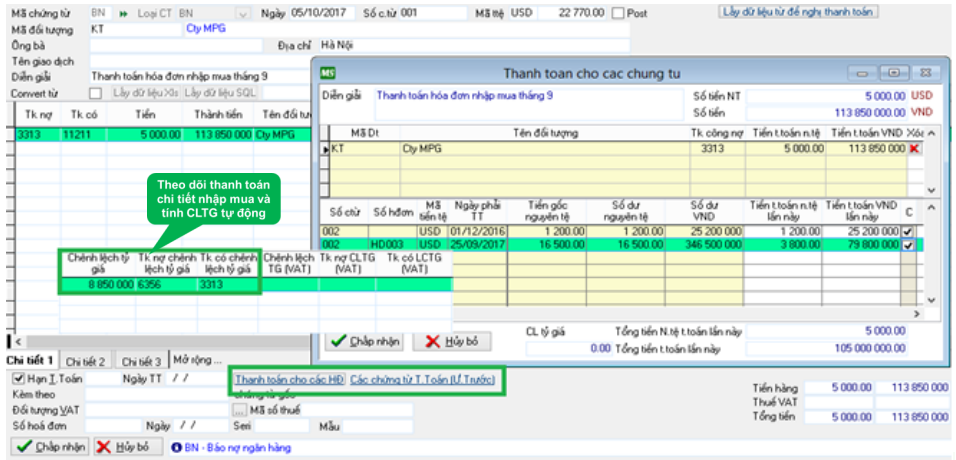

Phiếu chi, Ủy nhiệm chi chọn thanh toán chi tiết theo từng phiếu nhập mua

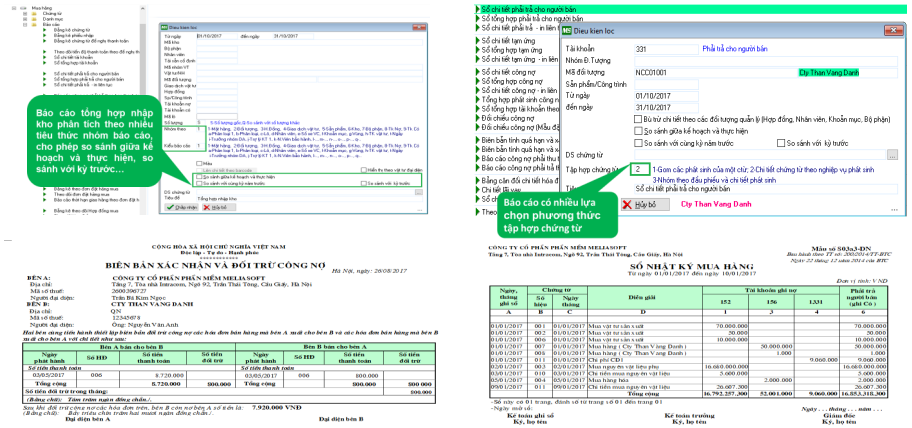

Một số báo cáo trong phân hệ mua hàng

KẾ TOÁN BÁN HÀNG - PHẢI THU

Tổng quan:

Phân hệ bán hàng - phải thu được xây dựng dựa trên quy trình bán hàng và quản lý công nợ. Trợ giúp bộ phận kinh doanh - bán hàng, bộ phận kế toán theo dõi quản lý doanh thu và các khoản nợ một cách kịp thời, chính xác. Cung cấp nhiều tiêu chí phân tích bán hàng giúp người quản lý nắm bắt tình hình tiêu thụ tức thời để đưa ra các quyết định kịp thời.

Những điểm chính:

- Lập và in các chứng từ trong phân hệ bán hàng trên phần mềm.
- Khai báo tự động tính và định khoản thuế GTGT đầu ra, thuế tiêu thụ đặc biệt và tự động tính toán tiền chiết khấu, giảm giá.
- Xây dựng phương án giá bán linh hoạt theo: mặt hàng, khách hàng, vùng/địa bàn, hình thức bán buôn/bán lẻ...
- Giám sát công nợ phải thu của khách hàng theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, nhà cung cấp, hợp đồng, đơn hàng, nhân viên, …).
- Bù trừ công nợ giữa các khách hàng cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, sản phẩm, hợp đồng…
- In báo cáo : Bảng kê hóa đơn bán hàng, Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết /Sổ tổng hợp phải thu của khác hàng, Đối chiếu công nợ...

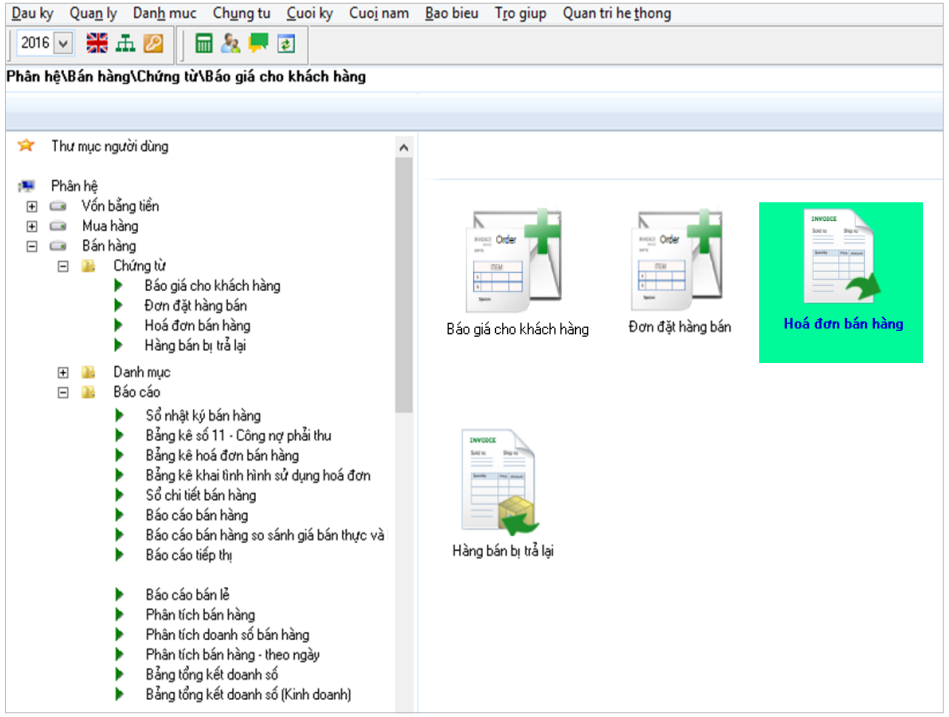

KẾ TOÁN BÁN HÀNG - PHẢI THU

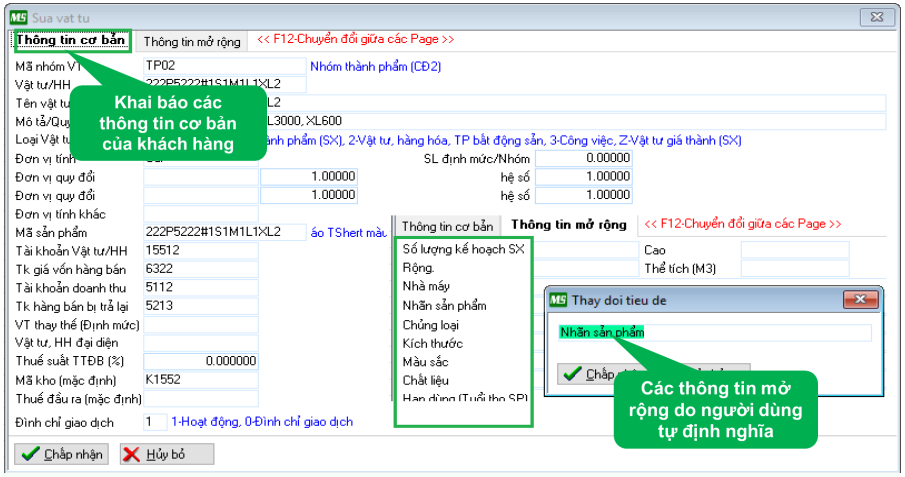

Khai báo thông tin hàng hóa

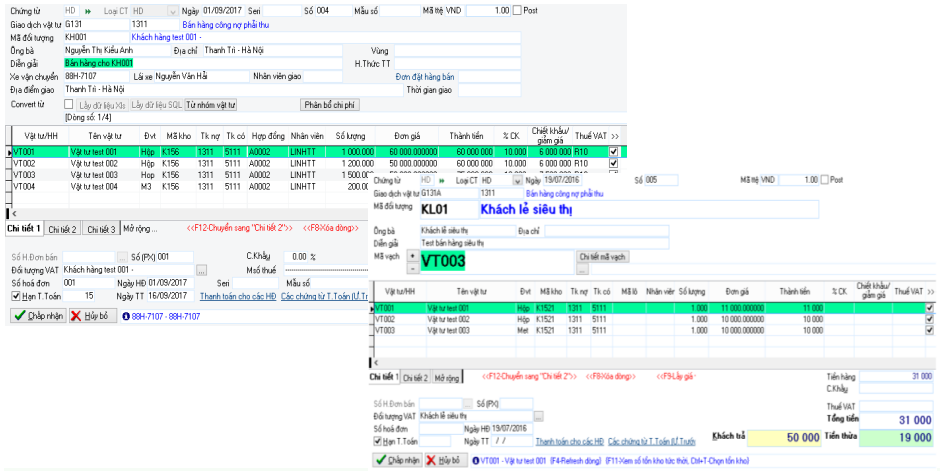

Hóa đơn bán hàng và hóa đơn bán lẻ (dành cho siêu thị, cửa hàng phân phối)

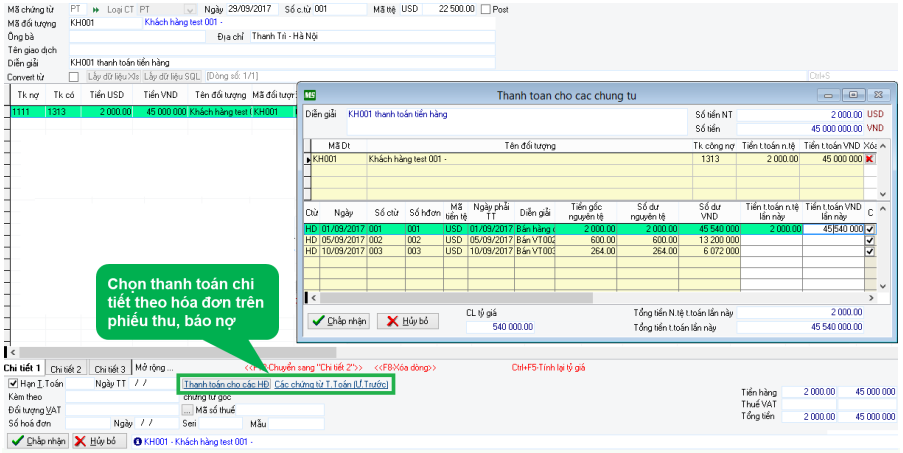

Phiếu thu, Giấy báo có chọn thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn bán hàng

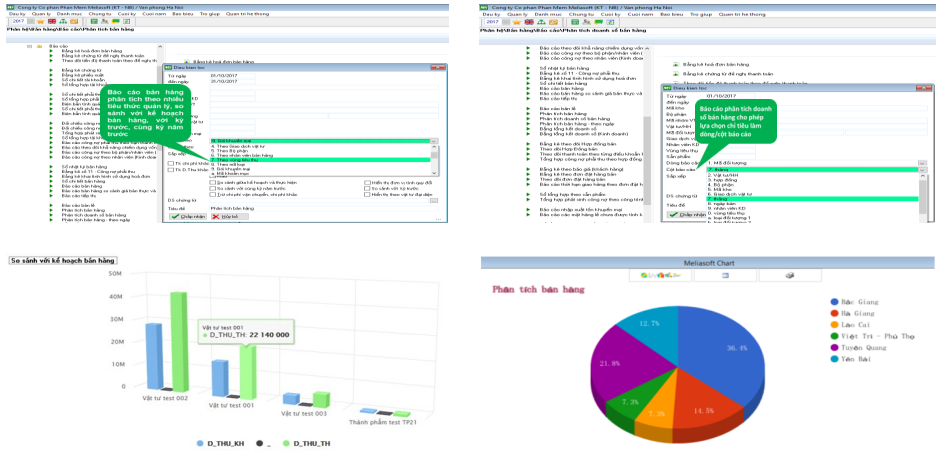

Một số báo cáo trong phân hệ bán hàng

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Tổng quan:

Phân hệ hàng tồn kho trợ giúp doanh nghiệp kiểm soát về giá trị, số lượng vật tư, hàng hóa tồn kho, việc luân chuyển, sử dụng vật tư, tránh thiệt hại trong lưu trữ. Hỗ trợ doanh nghiệp thống kê số liệu nhập xuất tồn theo nhiều chiều quản lý như: kho, vị trí trong bản đồ kho, palet, lô, ngành hàng, mặt hàng, mặt hàng đại diện...

Những điểm chính:

- Lập và in phiếu nhập/xuất vật tư, hàng hóa trong phân hệ.
- Quản lý vật tư theo nhiều đơn vị tính, lưu hệ số quy đổi theo hai cách từ đơn vị gốc về quy đổi hoặc từ quy đổi về đơn vị gốc.
- Quản lý việc cho phép/không cho phép xuất hàng âm; cảnh báo xuất âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu.
- Tự động tính giá vốn của hàng xuất theo nhiều phương pháp khác nhau: Đích danh, giá trung bình tháng, trung bình thời điểm, nhập trước xuất trước; theo từng kho hoặc không theo kho. Xử lý bài toán làm tròn 10/3 khi tính giá vốn trong trường hợp lượng hết, tiền còn.
- In báo cáo: Bảng kê phiếu nhập/phiếu xuất, Thẻ kho, Sổ chi tiết vật tư, Tổng hợp nhập xuất tồn, Báo cáo tồn kho theo kho,...

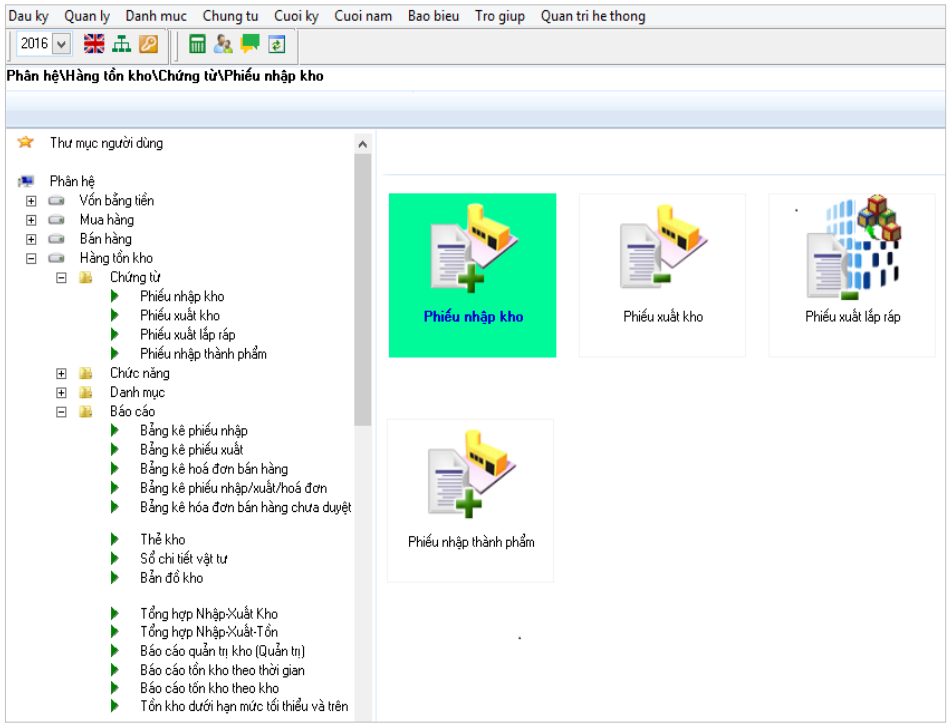

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

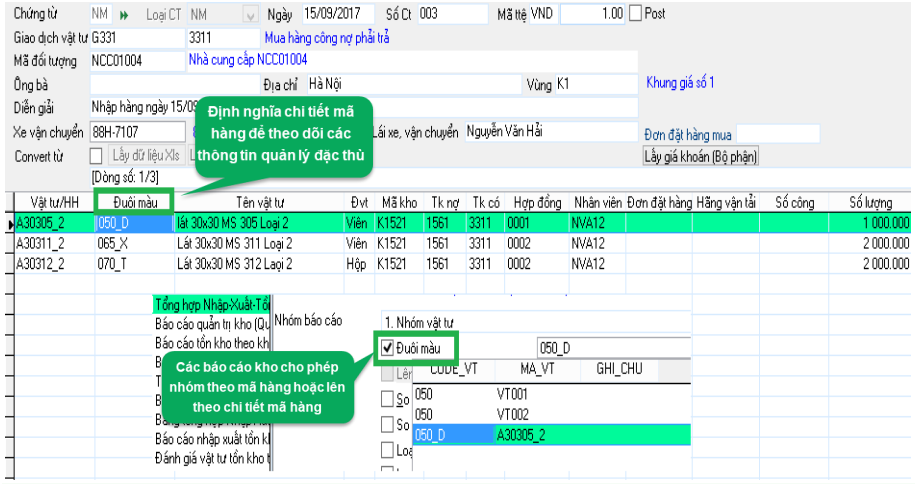

Quản lý chi tiết mã hàng trong phân hệ hàng tồn kho

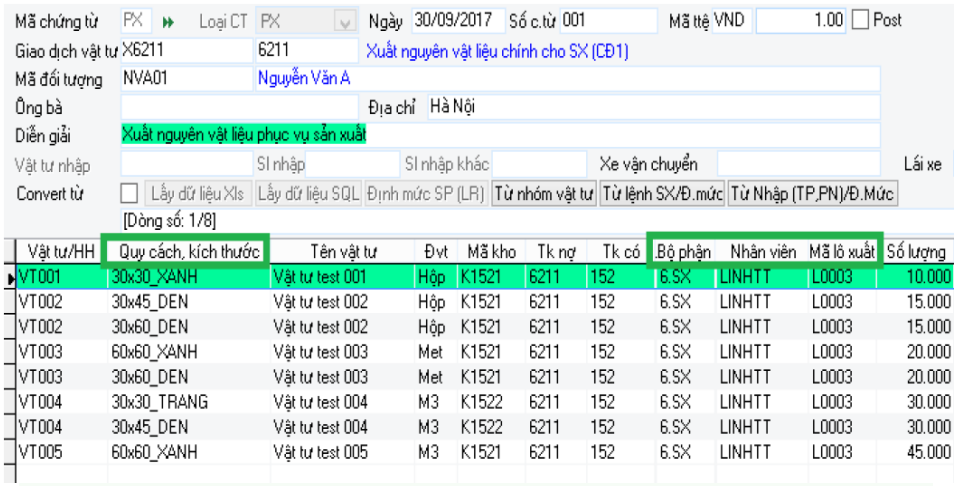

Phiếu xuất kho sản xuất

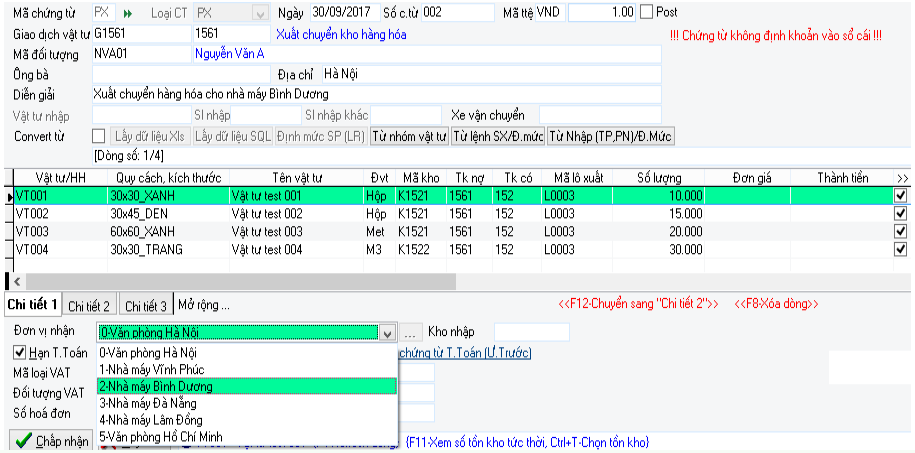

Phiếu xuất chuyển giữa các kho, đơn vị chi nhánh. Khi tính giá vốn hàng xuất, phần mềm sẽ tính và up giá tự động trong các trường hợp xuất điều chuyển kho, xuất chuyển giữa đơn vị chi nhánh.

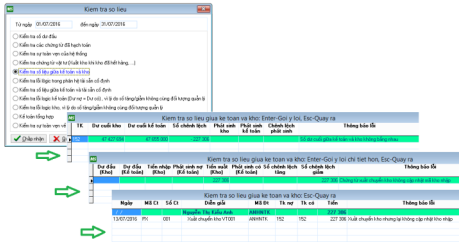

Kiểm tra và cảnh báo lỗi logic giữa kho và kế toán. Đưa ra gợi ý đến tận chứng từ gốc có lỗi phát sinh.

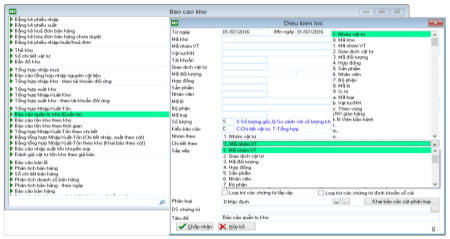

Thống kê kho theo nhiều chiều quản lý với các chỉ tiêu nhóm và chi tiết

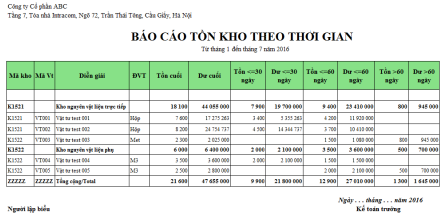

Phân tích tuổi kho cho từng vật tư với các mức tuổi kho do người dùng tự định nghĩa

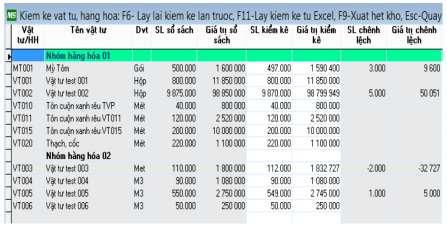

Tự động cập nhật kết quả kiểm kê cuối kỳ từ các file excel, dữ liệu của máy kiểm kê mã vạch...

KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

Tổng quan:

Trên cơ sở tập hợp chi phí từ các phân hệ khác như kế toán kho, kế toán tiền lương, kế toán tổng hợp, cùng với số liệu thống kê sản phẩm hoàn thành, sản phẩm dở dang để tính giá thành sản phẩm. Việc tính chính xác giá thành sản phẩm là hỗ trợ kế toán đánh giá đúng chi phí, lợi nhuận; từ đó có những biện pháp để giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Những điểm chính:

- Lập và in các chứng từ trong phân hệ trên phần mềm.
- Áp dụng tính giá thành cho cả doanh nghiệp sản xuất với sản phẩm là các thành phẩm nhập kho và các doanh nghiệp xây lắp, các doanh nghiệp có sản phẩm là dịch vụ/công trình/vụ việc…
- Giá thành sản xuất được tính lần lượt qua các bước tập hợp phân bổ chi phí, đánh giá dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm.
- Đối với giá thành dịch vụ, chi phí được tập hợp từ các phân hệ kế toán, cuối kỳ được kết chuyển một phần hay toàn bộ sang giá vốn tùy theo mức độ hoàn thành thực tế của công trình/dịch vụ.
- In báo cáo: Phân tích giá thành, Phân tích giá thành theo tháng/ năm, Báo cáo chi phí dở dang, Báo cáo quyết toán công trình, Bảng kê chứng từ theo sản phẩm công trình...

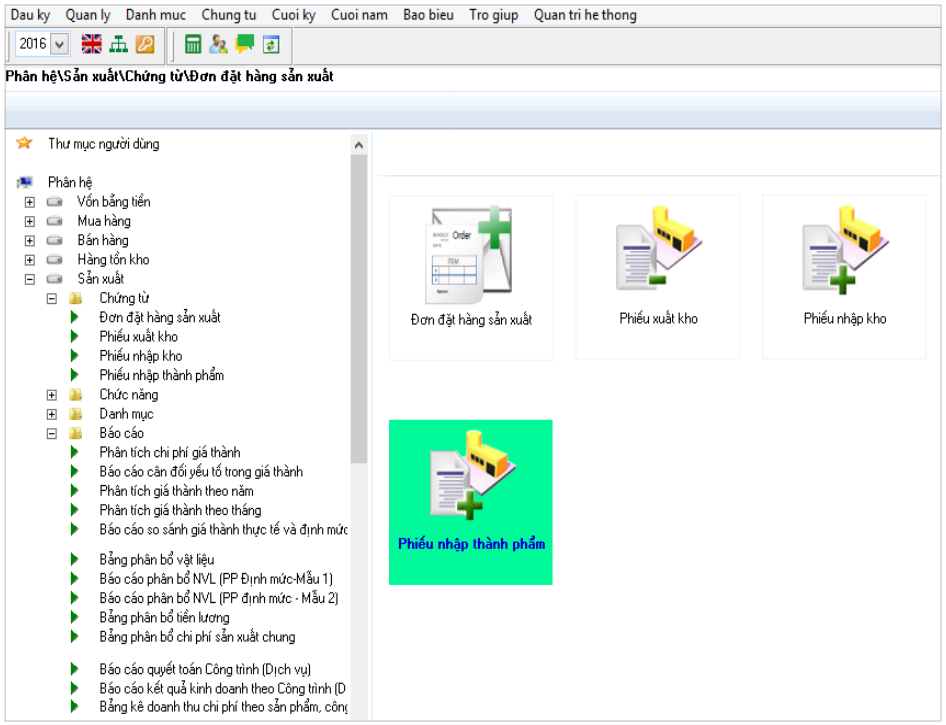

KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

Sơ đồ hạch toán kế toán giá thành:

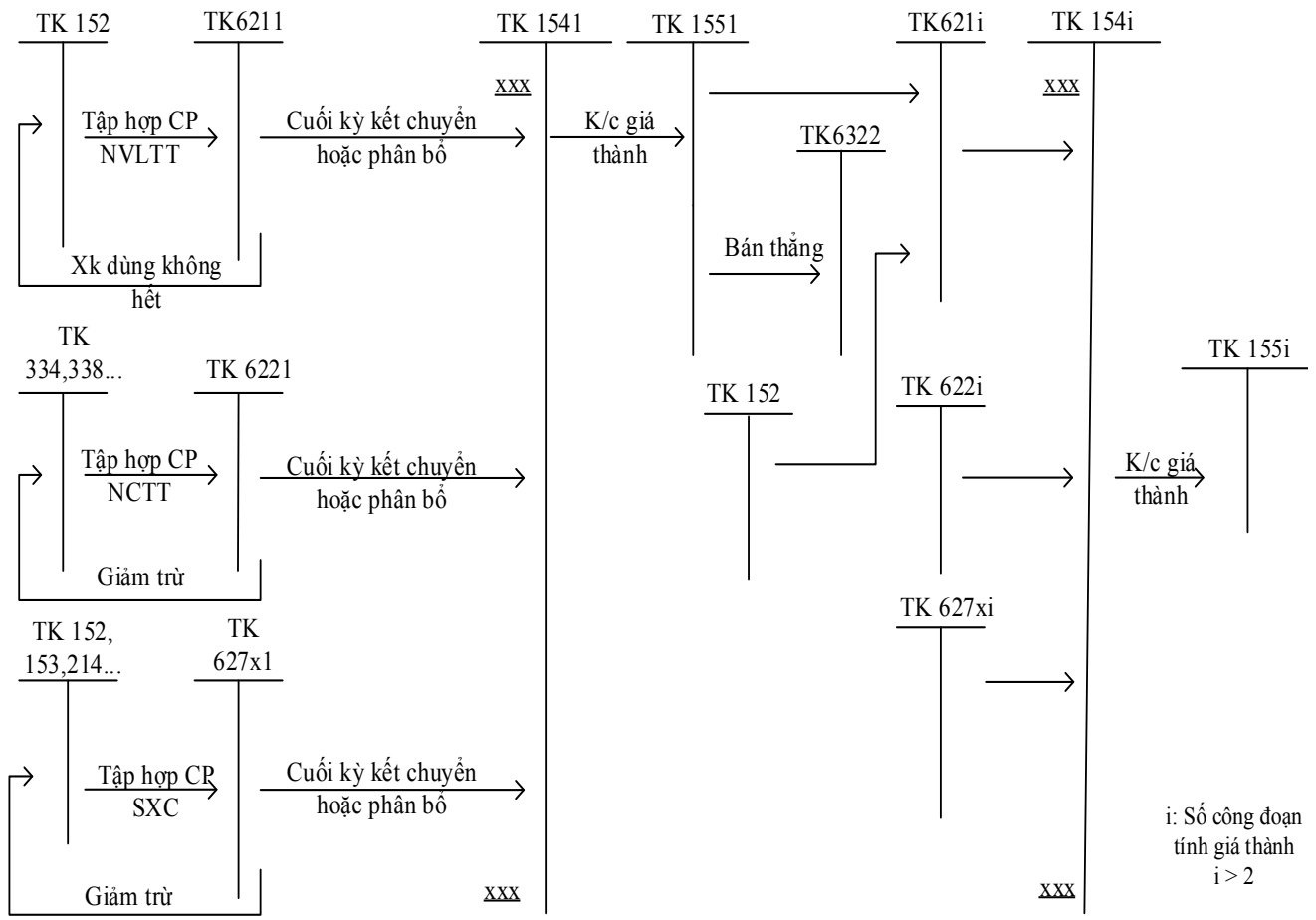

Các sản phẩm công đoạn khi hoàn thành được gọi là các thành phẩm công đoạn. Các thành phẩm công đoạn này có thể bán thẳng hoặc có thể mua bán thành phẩm về sản xuất tiếp ở các công đoạn sau mà không cần thực hiện theo tuần tự danh sách các công đoạn.

Ngoài ra, các bán thành phẩm có thể trải qua các công đoạn không theo trật tư thông thường (còn gọi là thăng cấp hoặc hạ cấp).

Một vấn đề khác đặt ra, sau mỗi công đoạn nếu thực hiện tính giá thành có thể đánh giá được dở dang và tính giá nhập kho thành phẩm công đoạn. Từ đó, giúp nhà quản trị theo dõi được hao hụt về lượng, về tiền, theo dõi được kết quả tồn kho hay lãi gộp…

KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

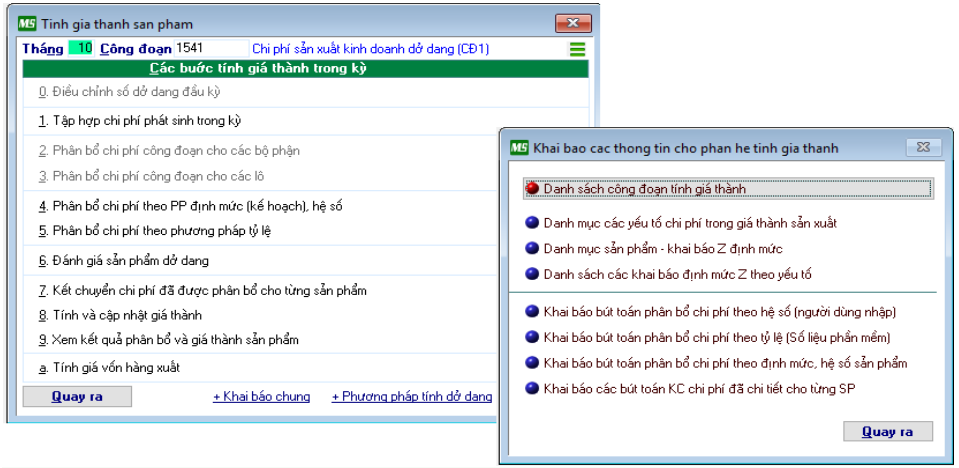

Các bước khai báo và tính giá thành sản phẩm trên phần mềm

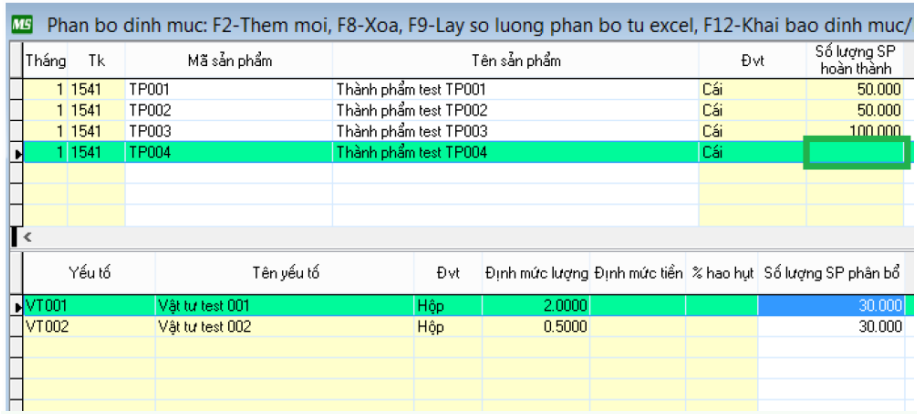

Chương trình cho phép điều chỉnh số lượng SP phân bổ thay cho số lượng SP hoàn thành để xử lý trường hợp trong kỳ có chi phí phát sinh nhưng không có SP hoàn thành

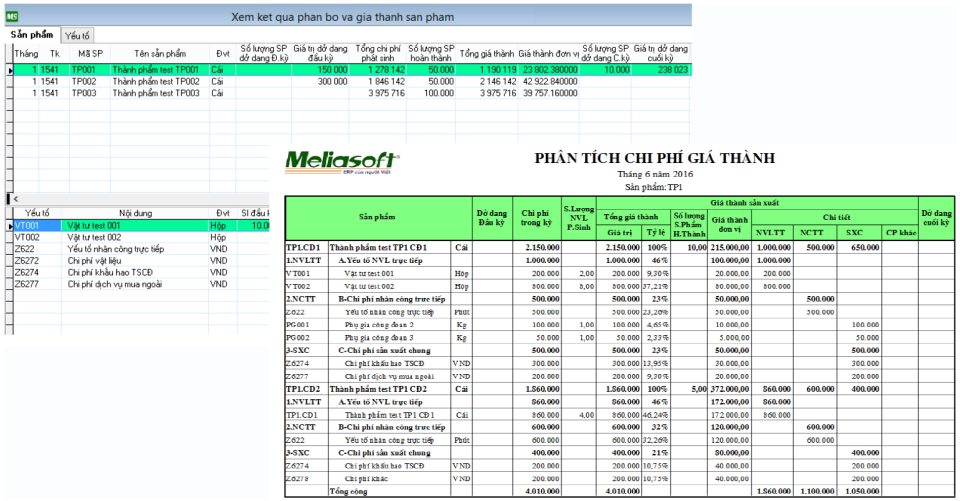

Giá thành được tính trên từng sản phẩm, công đoạn, yếu tố trên cơ sở chi phí dở dang đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dở dang cuối kỳ

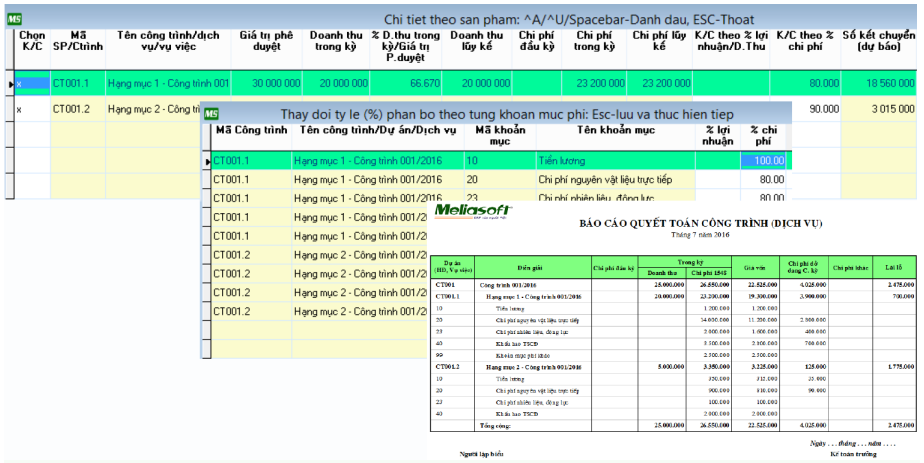

Căn cứ và phần doanh thu được quyết toán, kế toán kết chuyển 1 phần hay toàn bộ chi phí dự án/công trình theo tỷ lệ tương ứng. Tỷ lệ này có thể khác nhau cho từng khoản mục phí để phản ánh đúng thực tế của doanh nghiệp.

KẾ TOÁN TÀI SẢN, CÔNG CỤ

Tổng quan:

Do chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản nên yêu cầu về việc quản lý tài sản chặt chẽ và chi tiết hết sức quan trọng. Phân hệ quản lý tài sản sẽ cung cấp đầy đủ các phương tiện quản lý tài sản từ khi mua mới cho đến khi đưa vào sử dụng, tính khấu hao, sửa chữa bảo dưỡng cho đến khi tài sản được thanh lý.

Những điểm chính:

- Lập và in chi tiết thẻ tài sản.
- Theo dõi các thông tin tài sản cố định, công cụ dụng cụ

  + Nguyên giá, giá trị đã khấu hao, giá trị còn lại, số năm khấu hao, giá trị khấu hao mỗi kỳ..

  + Nguồn vốn hình thành, mục đích sử dụng, bộ phận sử dụng, nước sản xuất, năm sản xuất, loại tài sản, phụ tùng kèm theo…

  + Kế hoạch, thời gian thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hàng kỳ…

  + Các thông tin phân loại khác tùy theo đặc thù của từng doanh nghiệp.
- Theo dõi biến động tài sản, công cụ dụng cụ:

  + Sửa chữa lớn, lắp thêm, tháo dỡ phụ tùng, thay đổi bộ phận…

  + Ghi giảm, khấu hao, thanh lý, đánh giá lại tài sản…

  + Báo hỏng, sửa chữa, thanh lý công cụ dụng cụ...

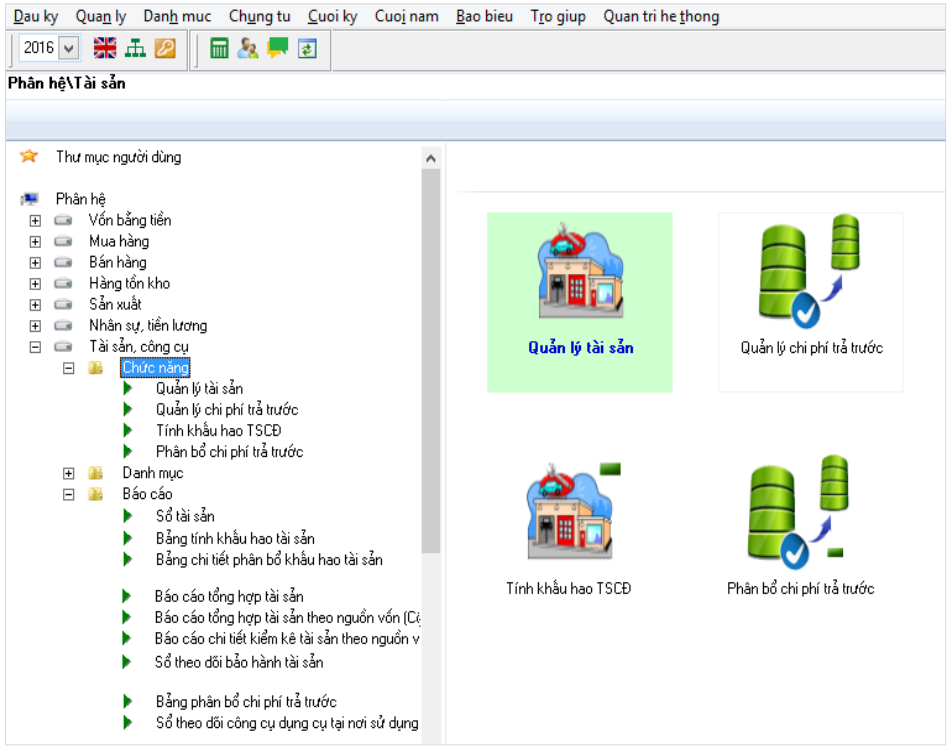

KẾ TOÁN TÀI SẢN, CÔNG CỤ

- Ghi nhận kế toán tài sản cố định:

  + Ghi tăng tài sản: mua mới, bàn giao, sửa chữa lớn, gắn thêm thiết bị…

  + Ghi giảm tài sản (một phần hoặc toàn bộ), thanh lý nhượng bán tài sản, chuyển tài sản thuê tài chính thành tài sản cố định chủ sở hữu…

  + Khấu hao tài sản: Theo đường thẳng, theo tỷ lệ, theo giờ hoạt động thực tế của máy móc.

  + Phân bổ và hạch toán giá trị công cụ vào chi phí trong kỳ: theo đường thẳng, theo tỷ lệ

- In báo cáo: Thẻ tài sản, Bảng tổng hợp tình hình sử dụng tài sản, Sổ theo dõi bảo hành tài sản, Báo cáo chi tiết kiểm kê tài sản, Báo cáo tăng giảm tài sản, Bảng tính khấu hao tài sản, Bảng phân bổ giá trị CCDC…

- Các tính năng khác:

  + Từ quản lý tài sản có thể xem tất cả chứng từ kế toán phát sinh liên quan đến tài sản đó.

  + Kiểm tra lỗi logic trong phân hệ tài sản; Kiểm tra sai lệch số liệu giữa kế toán và tài sản…

Meliasoft

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN

Quý I năm 2016

Mã	Tên tài sản	Ngày tính khấu hao	Giá trị tài sản đầu kỳ (Đầu tháng 1 năm 2016)			Số tháng khấu hao	Giá trị khấu hao trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ (Cuối tháng 3 năm 2016)		
			Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại			Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
211	**Tài sản cố định hữu hình**		**5.334.236.407**	**2.137.927.650**	**3.196.308.757**		**69.396.825**	**5.334.236.407**	**2.207.324.475**	**3.126.911.932**
2113	**Phương tiện vận tải, truyền dẫn**		**5.334.236.407**	**2.137.927.650**	**3.196.308.757**		**69.396.825**	**5.334.236.407**	**2.207.324.475**	**3.126.911.932**
APTOMAT.	Aptomat 65KA 1600A	17/08/2011	33.000.000	20.428.564	12.571.436	32	392.857	33.000.000	20.821.421	12.178.579
DAY35KV	Đường dây 35kV	19/06/2011	611.818.182	393.311.700	218.506.482	30	7.283.549	611.818.182	400.595.249	211.222.933
MBA.1600K	Máy Biến áp 1000KVA 35-22/0.4kv	27/09/2010	468.000.000	295.285.737	172.714.263	31	5.571.428	468.000.000	300.857.165	167.142.835
TPP.500V.25	Tủ điện phân phối 500V-2500A	23/05/2011	115.000.000	73.928.592	41.071.408	30	1.369.047	115.000.000	75.297.639	39.702.361
TTB.720KV	Tủ điện tụ bù 720 KVAR	23/05/2011	98.000.000	63.000.018	34.999.982	30	1.166.666	98.000.000	64.166.684	33.833.316
XE.HINO.48	Xe ô tô tải HINO, tải trọng 4800kg	07/10/2015	687.527.273	27.055.472	660.471.801	69	9.572.055	687.527.273	36.627.527	650.899.746
XE.HINO.58	Xe ô tô tải HINO, tải trọng 5800kg	20/10/2015	799.018.182	26.613.940	772.404.242	69	11.194.264	799.018.182	37.808.204	761.209.978
XE.KIA1.25	Xe ô tô KIA 1.25 tấn	01/01/2009	72.380.952	72.380.952				72.380.952	72.380.952	
XE.KIA14T	Xe ô tô KIA K3000S 1.4T	17/11/2011	253.636.364	172.613.623	81.022.741	23	3.522.728	253.636.364	176.136.351	77.500.013
XE.SUZUKI	Xe ô tô SUZUKI 750kg	01/01/2009	102.440.000	102.440.000				102.440.000	102.440.000	
XECON.ME	Xe ô tô con Mercedes	16/01/2013	1.283.276.363	633.014.019	650.262.344	36	18.062.843	1.283.276.363	651.076.862	632.199.501
XECON.TO	Xe ô tô con Toyota Corolla 1.8G	24/03/2014	767.918.182	223.976.130	543.942.052	51	10.665.530	767.918.182	234.641.660	533.276.522
XEMAY.HO	Xe máy Honda	08/03/2010	42.220.909	33.878.903	8.342.006	14	595.858	42.220.909	34.474.761	7.746.148
	Tổng cộng		**5.334.236.407**	**2.137.927.650**	**3.196.308.757**		**69.396.825**	**5.334.236.407**	**2.207.324.475**	**3.126.911.932**

Ngày . . . tháng . . . năm . . . .

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

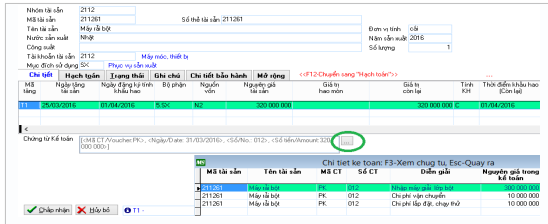

Từ quản lý tài sản có thể xem chi tiết các chứng từ kế toán phát sinh liên quan đến tài sản đó.

Phần mềm sẽ đối chiếu giữa kế toán và quản lý tài sản và đưa ra những sai lệch số liệu chi tiết đến từng mã tài sản.

Kiem tra so lieu giua ke toan va tai san co dinh: ENTER-Chi tiet ke toan, Esc-Quay ra

Mã tài sản	Tên tài sản	Nguyên giá trong TSCĐ	Nguyên giá trong kế toán	Số chênh lệch
	Các tài sản cố định tăng trong kỳ	7 105 000 000	4 390 000 000	2 715 000 000
211261	Máy rải bột	320 000 000	310 000 000	10 000 000
211262	Bộ khuôn bánh trung thu	150 000 000		150 000 000
211263	Lò nướng bánh trung thu	85 000 000		85 000 000
211264	Lò nướng bánh trung thu (Thụy Sỹ)	1 510 000 000	1 500 000 000	10 000 000
211265	Bàn in bánh trung thu	86 000 000	80 000 000	6 000 000
211266	Máy in định hình bánh	435 000 000		435 000 000
211267	Máy tạo nhân & bao bánh tự động	2 495 000 000	2 500 000 000	-5 000 000
211268	Máy trộn bột bánh trung thu	250 000 000		250 000 000
211269	Máy xếp khay bánh trung thu	856 000 000		856 000 000
211273	Máy đảo nguyên phụ liệu	753 000 000		753 000 000
211274	Máy tạo mụn nhân bánh trung thu	165 000 000		165 000 000

KẾ TOÁN THUẾ

Tổng quan:

Quản lý và theo dõi các khoản thuế và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước thông qua việc kê khai thuế đầu vào, thuế đầu ra khi lập chứng từ tại các phân hệ kế toán, lên các báo cáo thuế theo quy định hiện hành, hỗ trợ đẩy dữ liệu lên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng cục thuế.

Những điểm chính:

- Lập và in các báo cáo thuế giá trị gia tăng : Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào/bán ra, Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ năm, Bảng kê khai tình hình sử dụng hóa đơn… Chương trình luôn cập nhật các mẫu biểu theo thông tư, quy định mới nhất do Bộ Tài chính ban hành.
- Lập và in báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính, Tờ khai thuế thu nhập cá nhân...
- Lập và in các báo cáo thuế tiêu thụ đặc biệt: Tờ khai thuế TTĐB, Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế TTĐB…
- Kết xuất số liệu trên các báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN hỗ trợ đẩy sang phần mềm kê khai thuế của Tổng Cục thuế.

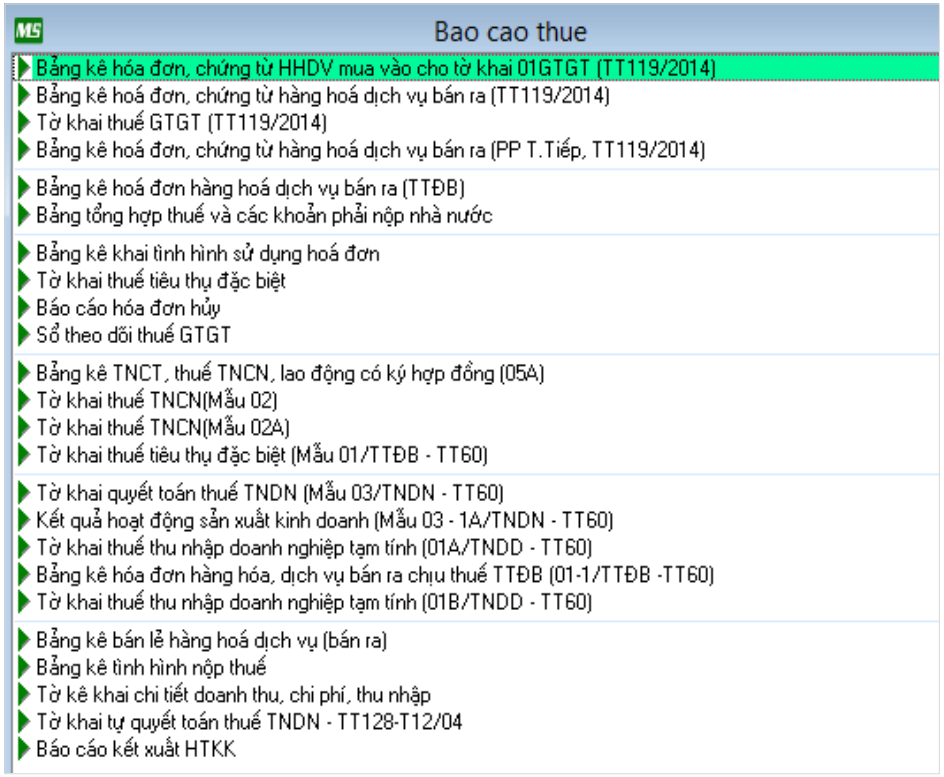

KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tổng quan:

Tập hợp dữ liệu từ phân hệ kế toán chi tiết, xử lý các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh và khóa sổ cuối kỳ để hoàn thiện số liệu kế toán. Từ đó cung cấp bức tranh tổng thể về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và "sức khoẻ" của doanh nghiệp thông qua hàng loạt các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

Những điểm chính:

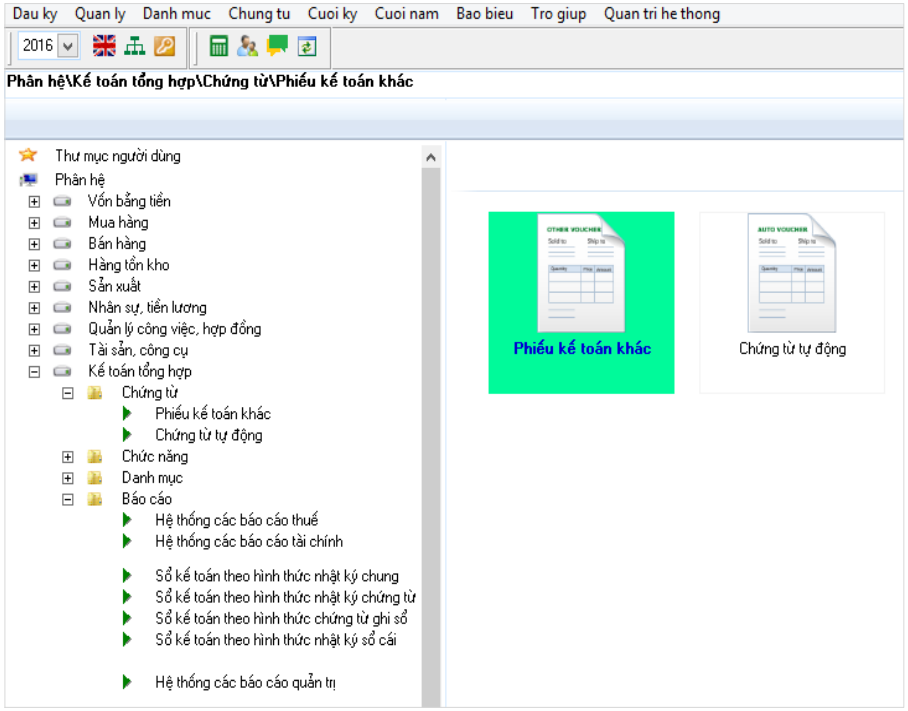

KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Những điểm chính:

- Dữ liệu phân hệ kế toán tổng hợp được cập nhật theo thời gian thực (real-time) từ các nghiệp vụ phát sinh ở các phân hệ, loại bỏ các bước nhập liệu trùng lắp, tăng tính đồng bộ và nhất quán dữ liệu.
- Ngoài các dữ liệu từ các phân hệ khác thì kế toán tổng hợp còn lập phiếu bổ sung hạch toán nghiệp vụ khác thông qua "Phiếu kế toán khác", "Phiếu bù trừ công nợ".
- Chương trình thực hiện xử lý tự động các bút toán cuối kỳ theo khai báo của người sử dụng:

  - Các bút toán cuối kỳ: Tính lương, bảo hiểm; Tính khấu hao tài sản cố định; Phân bổ chí trả trước; Tính giá vốn, giá thành; Khóa sổ kết chuyển cuối kỳ.

  - Các bút toán cuối năm: Tính chênh lệch tỷ giá, Tạo năm làm việc mới và chuyển số dư sang năm sau.
- **Kỳ báo cáo** trên phần mềm có thể là ngày, tuần, tháng, quý, năm, liên năm.
- **Xử lý lãi lỗ khi phân tích kết quả sản xuất kinh doanh:** Việc tính lãi lỗ, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh có thể theo chi tiết đơn vị, chi nhánh, nhà máy, bộ phận, nhân viên, ngành hàng hay bất kỳ 1 đối tượng quản lý nào đó.
- In sổ kế toán: Chương trình cho phép lên báo cáo kế toán theo cả 4 hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung, Chứng từ – ghi sổ, Nhật ký chứng từ, Nhật ký – sổ cái..
- In báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính…
- In báo cáo thuế: Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra; báo cáo quyết toán thuế GTGT, tờ khai chi tiết doanh thu, chi phí, thu nhập; bảng kê tình hình nộp thuế… Phần mềm cho phép đẩy dữ liệu các báo cáo thuế lên hỗ trợ kê khai đáp ứng yêu cầu của cơ quan thuế.
- Báo cáo quản trị: Phân tích các chỉ tiêu tài chính, Bảng cân đối phát sinh (Quản trị), Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh theo thời gian…

KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tổng quan:

Đối với các mô hình tập đoàn, công ty đa cấp, đa chi nhánh ở các vùng miền khác nhau thì vấn đề đặt ra là tạo được hệ thống tập trung dữ liệu cho phép lên báo cáo chi tiết của từng đơn vị thành viên cũng như hợp nhất báo cáo cho toàn công ty.

Những điểm chính:

Meliasoft cung cấp giải pháp cho phép các đơn vị có nhiều chi nhánh, nhiều cấp có thể sử dụng chung một hệ thống danh mục từ điển, việc hạch toán kế toán độc lập trên từng khay dữ liệu và được bảo mật hoàn toàn với các đơn vị khác theo khai báo phân quyền của người quản trị.

Ngoài các khay dữ liệu hạch toán cho từng đơn vị thành viên, chương trình cung cấp khay dữ liệu điều chỉnh để xử lý loại trừ các giao dịch nội bộ (thông qua các bút toán đỏ, bút toán đen). Khay dữ liệu toàn công ty sẽ lên số liệu theo nguyên tắc tổng hợp từ các khay đơn vị cơ sở và khay điều chỉnh. Vì vậy, người quản trị có thể tại một địa điểm mà biết được số liệu toàn hệ thống một cách chính xác, nhanh chóng.

Lập và in các báo cáo hợp nhất: Bảng cân đối phát sinh, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ,… đều cho phép lên số liệu từ tổng hợp đến chi tiết trên toàn hệ thống doanh nghiệp. Vì vậy người lãnh đạo có những đánh giá đúng về tình hình phát triển chung của cả tập đoàn và các công ty con. Từ đó đề ra các kế hoạch phát triển, hay phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý cho các đơn vị.

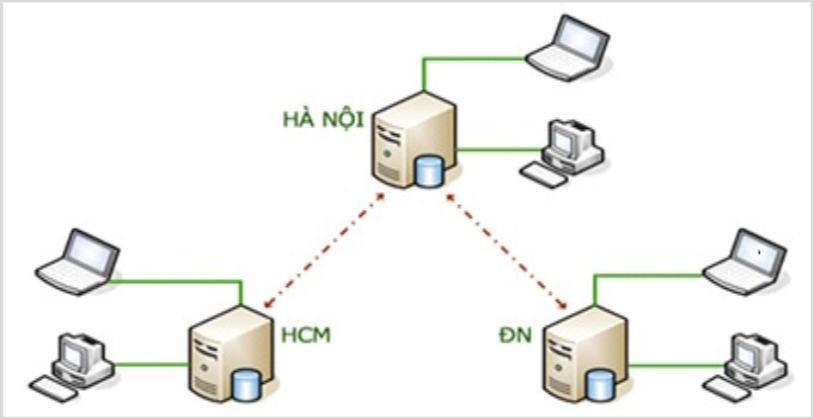

Công ty Cổ phần Phần Mềm ABC
Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã tài sản	Tổng cộng (Đầu năm)	Tổng cộng (Cuối năm)	Văn phòng Hà Nội (Đầu năm)	Văn phòng Hà Nội (Cuối năm)	Nhà máy Vĩnh Phúc (Đầu năm)	Nhà máy Vĩnh Phúc (Cuối năm)	Bút toán điều chỉnh (Đầu năm)	Bút toán điều chỉnh (Cuối năm)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	**100**	**8 815 326 877**	**433 306 502 600**	**8 705 326 877**	**402 084 595 611**	**100 000 000**	**4 014 788 089**		**10 000 000**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5 331 201 111	8 476 654 612	5 221 201 111	5 272 464 612	100 000 000	3 200 090 000		
1. Tiền	111	5 331 090 000	8 474 543 501	5 221 090 000	5 270 353 501	100 000 000	3 200 090 000		
2. Các khoản tương đương tiền	112	111 111	2 111 111	111 111	2 111 111				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120								
1. Chứng khoán kinh doanh	121								
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122								
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123								
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**3 343 383 455**	**12 525 845 035**	**3 343 383 455**	**11 873 705 035**		**629 140 000**		
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	364 583 333	9 528 005 219	364 583 333	8 875 865 219		629 140 000		
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5 002 222	5 202 222	5 002 222	5 102 222		100 000		
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133								
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134								
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135								
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2 973 797 900	2 943 595 800	2 973 797 900	2 943 695 800		- 100 000		
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137								
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		49 041 794		49 041 794				
IV. Hàng tồn kho	**140**	**17 760 000**	**411 108 275 002**	**17 760 000**	**383 742 698 013**		**185 558 089**		**10 000 000**
1. Hàng tồn kho	141	17 760 000	411 108 275 002	17 760 000	383 742 698 013		185 558 089		10 000 000

QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

Tổng quan:

Quản trị hệ thống cho phép khai báo, thiết lập các tham số của hệ thống nhằm đảm bảo cho các chức năng khác được thực thi; đồng thời hỗ trợ quản lý các user sử dụng cũng như kiểm soát dữ liệu trên toàn hệ thống.

Những điểm chính:

- Khai báo, thiết lập các tham số của hệ thống phù hợp với đặc thù của từng đơn vị.
- Phân quyền quản lý cho các user đối với mọi thao tác cập nhật, truy xuất dữ liệu từ hệ thống.
- Kiểm tra lỗi logic về số liệu dựa trên các nguyên tắc kế toán, hỗ trợ người sử dụng tìm và phát hiện lỗi số liệu một cách nhanh chóng và chi tiết nhất.
- Lưu toàn bộ các thao tác của người sử dụng trong Nhật ký sửa đổi, đảm bảo hệ thống công khai, minh bạch.
- Thiết lập các tiện ích khác: Tự động sao lưu dữ liệu theo lịch, nhắc việc theo hạn hoàn thành, chế độ cảnh báo qua email, tương tác với các thiết bị ngoại vi, công cụ và phần mềm quản lý khác...

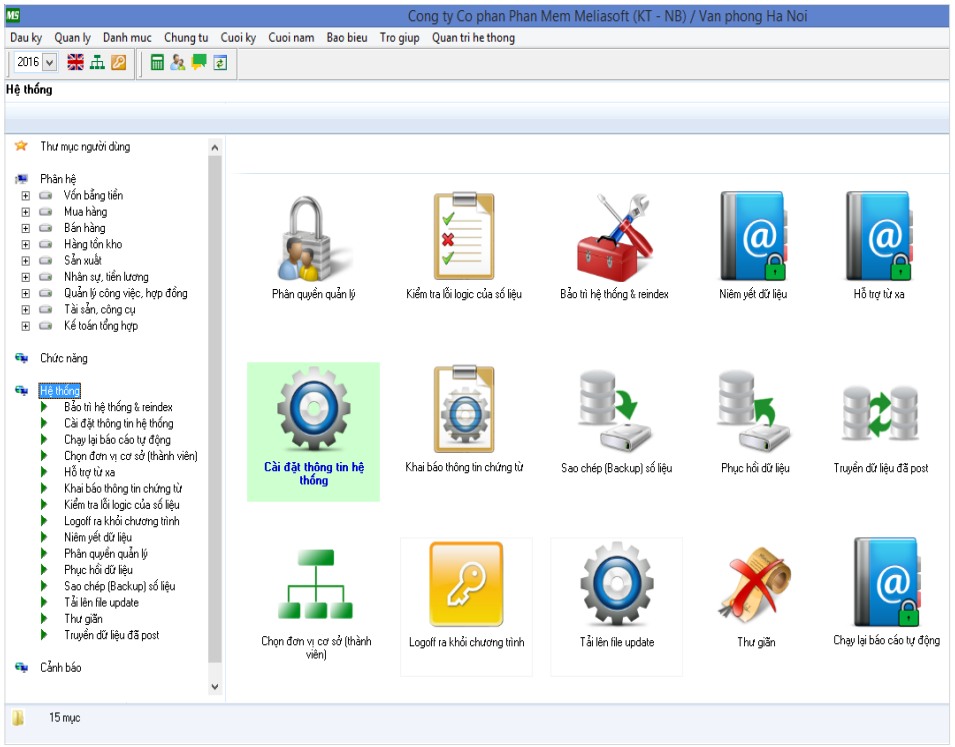

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Mô hình dữ liệu online, tổng hợp dữ liệu đa cấp, xuyên suốt.**

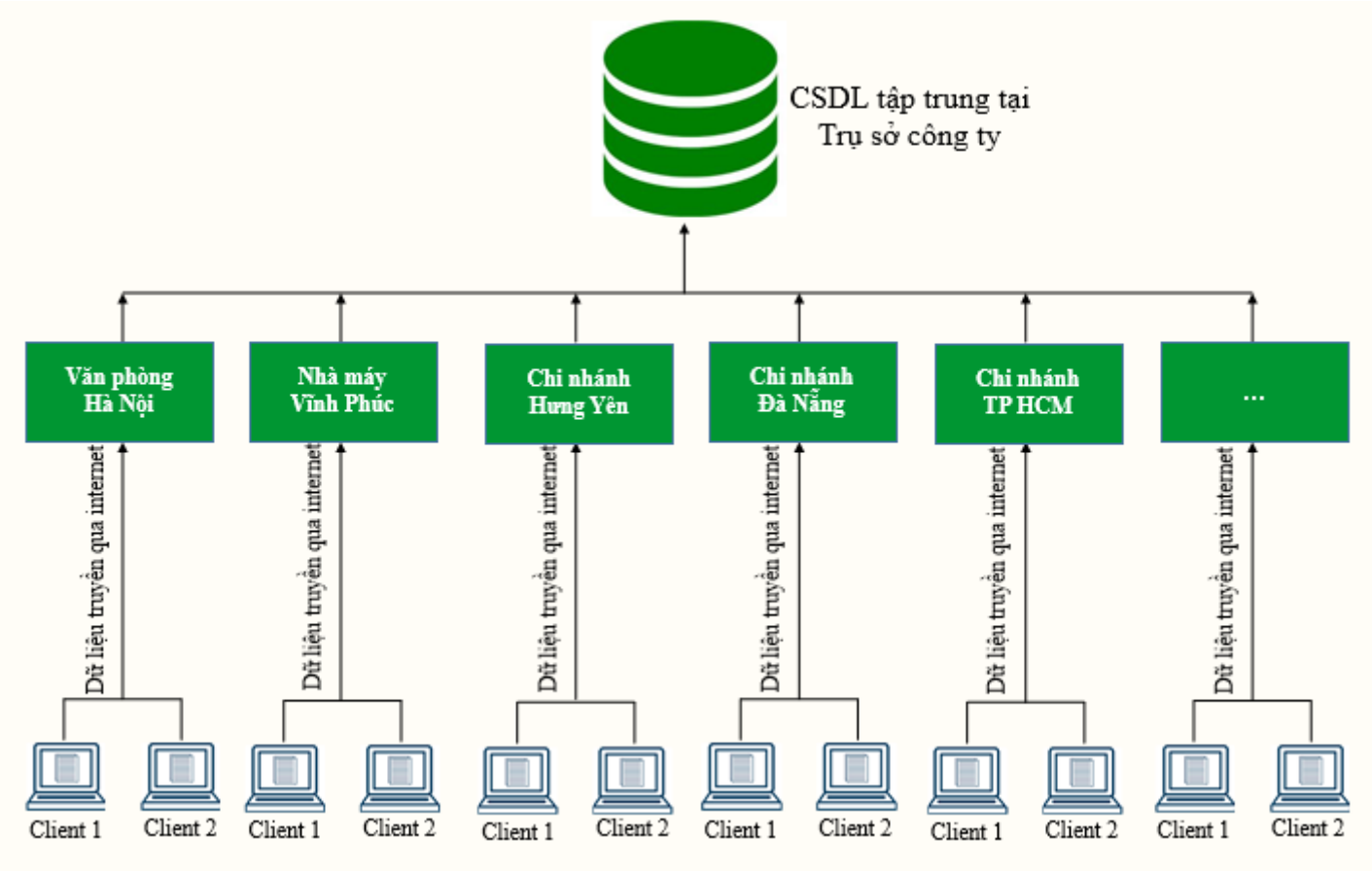

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Có khả năng convert tất cả các tính năng mà chương trình cũ đã có khi nâng cấp hệ thống.**

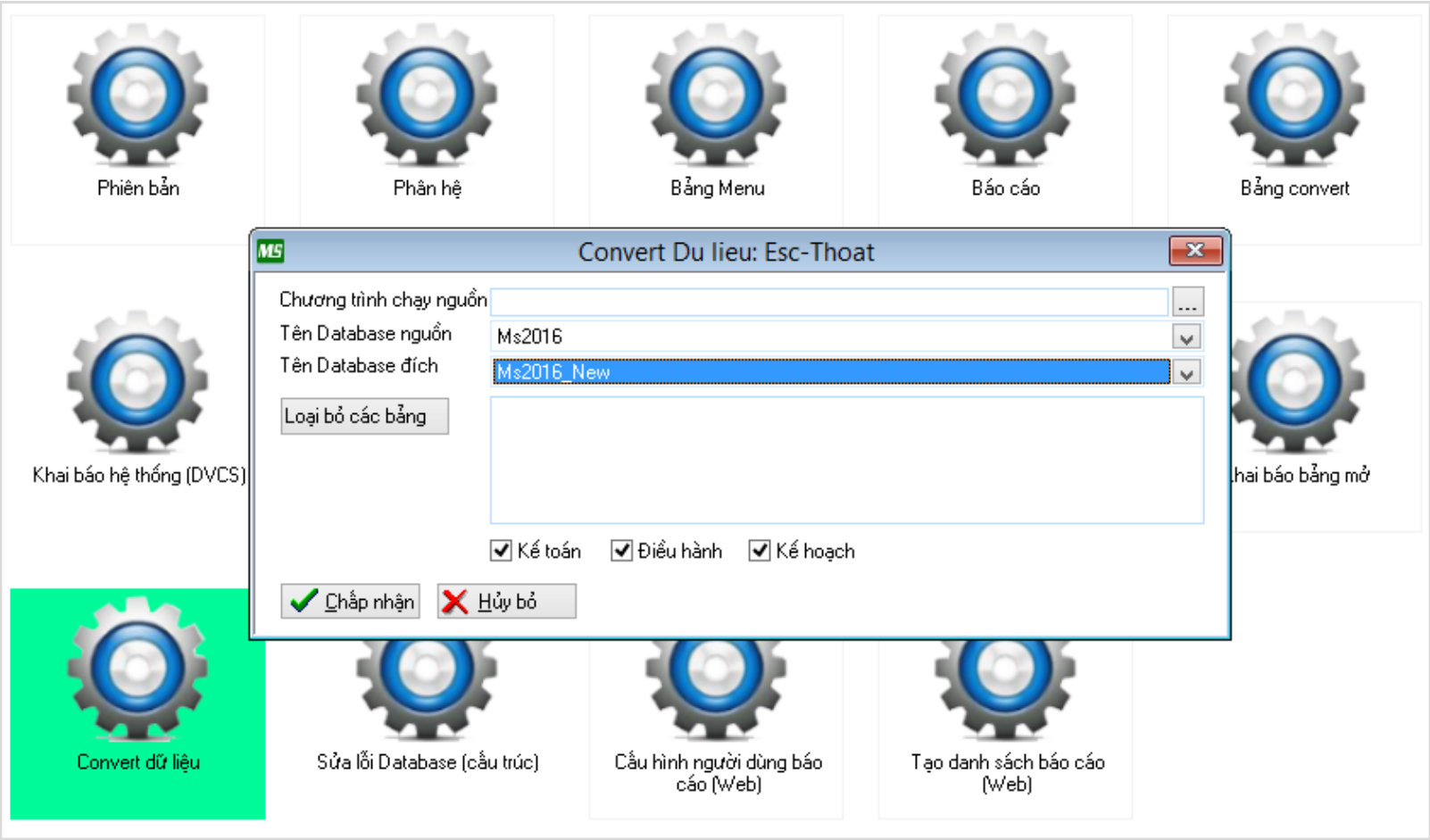

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Tìm kiếm hệ thống theo tư tưởng Google**

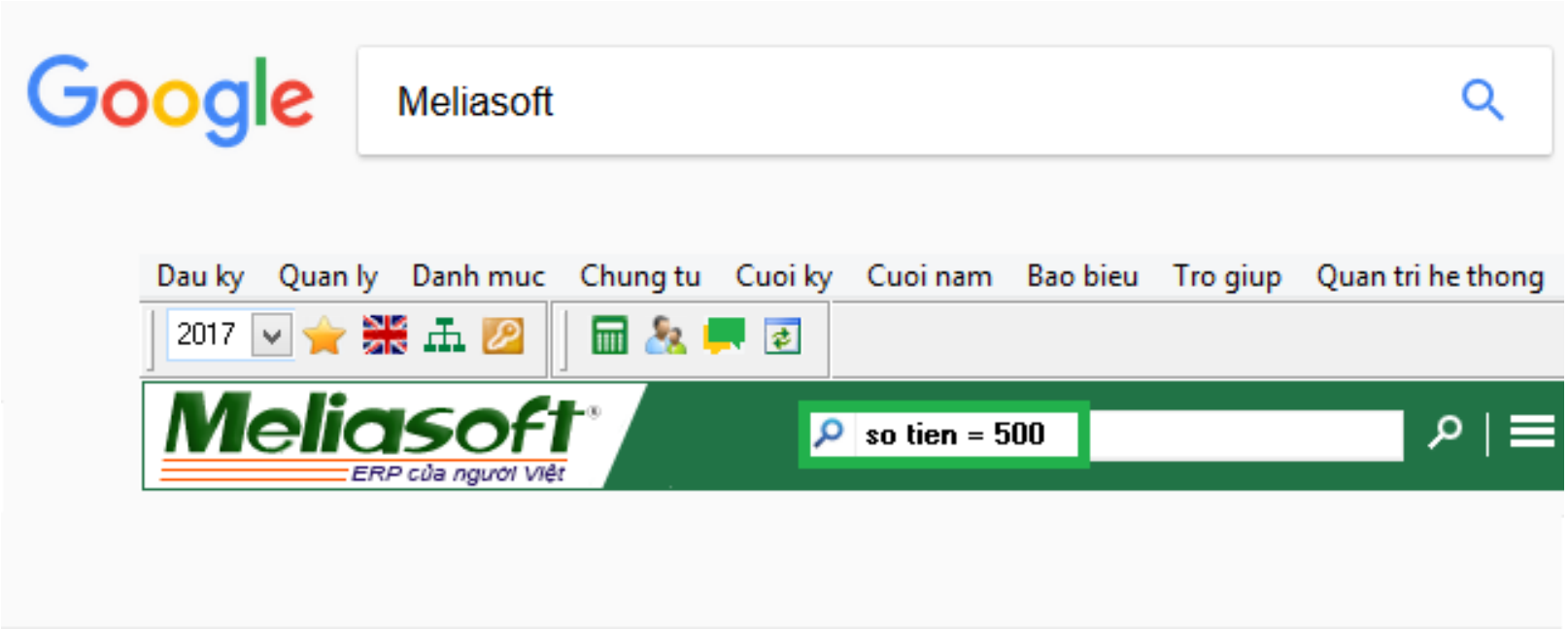

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Tìm kiếm trên danh mục linh hoạt và tối ưu**

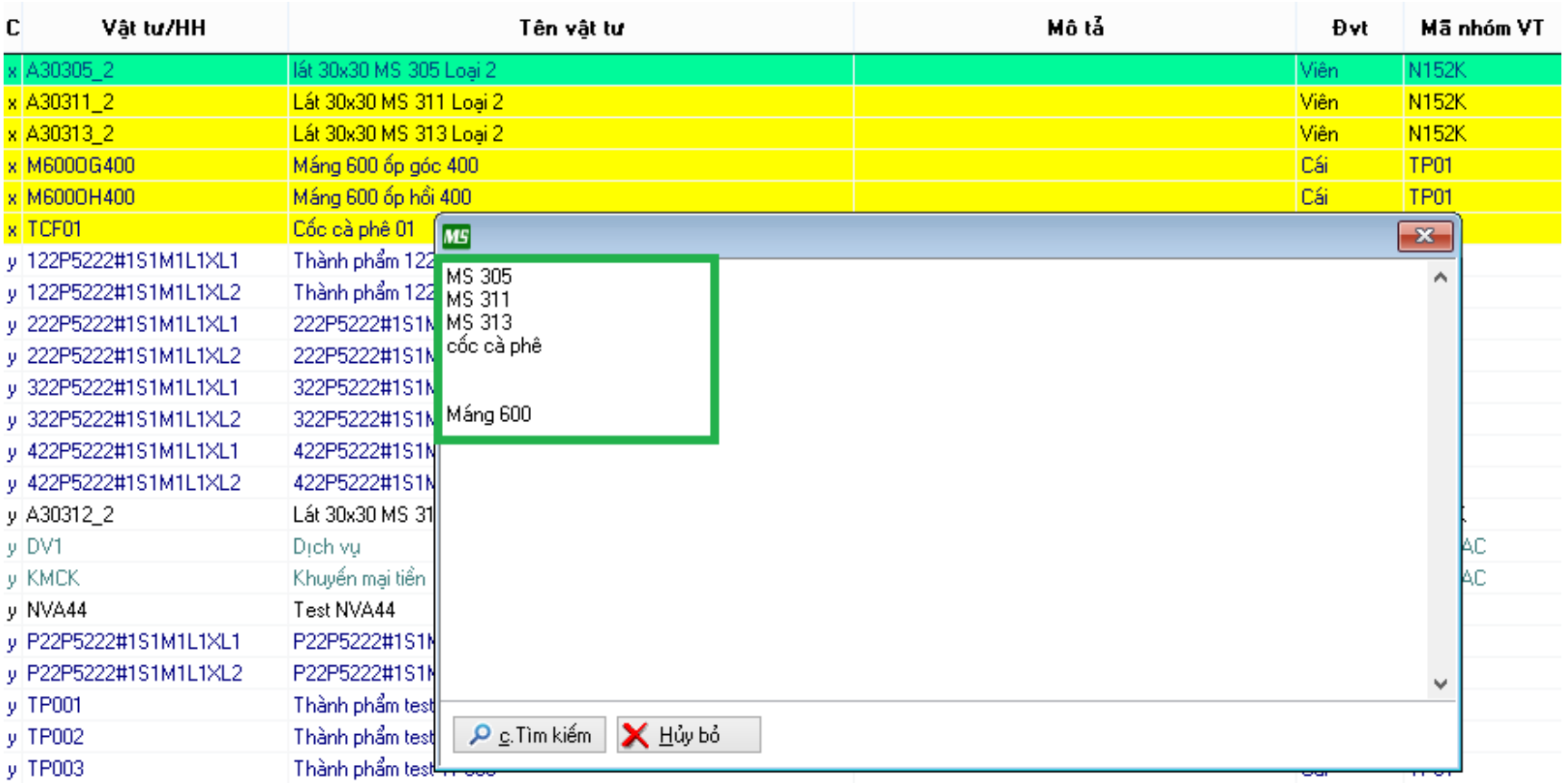

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Drop lookup tìm kiếm trên tất cả các trường text**

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Các danh mục mở rộng, các trường thông tin mở rộng đáp ứng nhu cầu quản trị của mỗi đơn vị**

Khai bao lai ten bang: Enter-Khai bao cot, Esc-Save

_table	Stt	Name_v	Name_e	Visible	Module
Open1	01	Hãng vận tải	Open1 list	T	KT
Open2	02	Số công	Deli. list	T	KT
Open3	03	Nhân viên bảo hành	Insur. list	T	KT
Open4	04	Danh mục mở rộng 04	Open list 04	F	KT
Open5	05	Danh mục mở rộng 05	Open list 05	F	KT
Open6	06	Danh mục mở rộng 06	Open list 06	F	KT
Open7	07	Danh mục mở rộng 07	Open list 07	F	KT
Open8	08	Danh mục mở rộng 08	Open list 08	F	KT
Open9	09	Danh mục mở rộng 09	Open list 09	F	KT
Open10	10	Danh mục mở rộng 10A	Open list 10	F	KT

Khai bao dien giai cot, Esc-Save

Identity00	_table	_column	Name_v	Visible	Module	Ma_dvcs
306	Open1	Code_Open1	Mã hãng vận tải	T	KT	A01
307	Open1	Name_Open1	Tên hãng vận tải	T	KT	A01

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Kết nối với cơ sở dữ liệu excel trên giao diện thân thiện với người sử dụng**

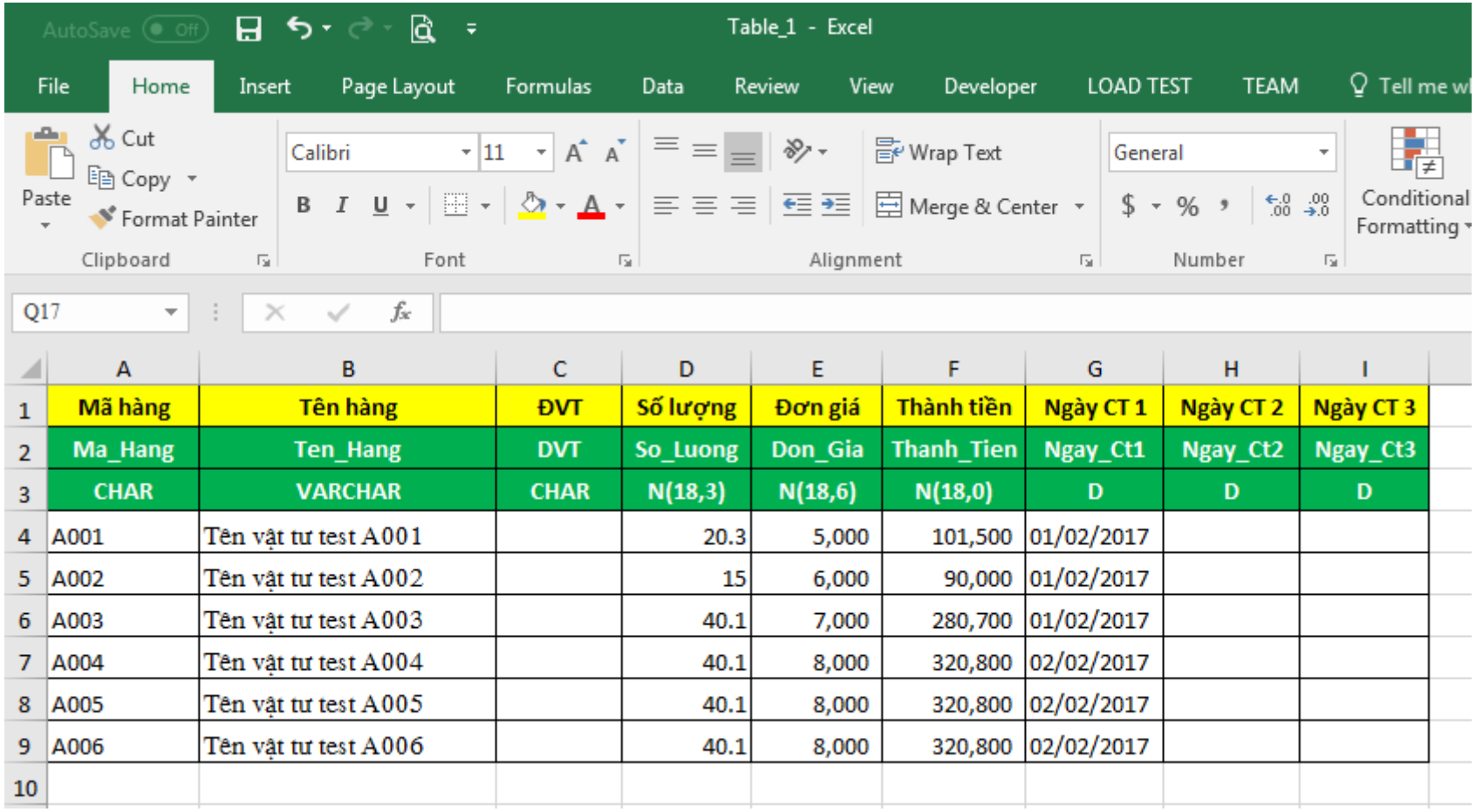

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngày CT 1	Ngày CT 2	Ngày CT 3
2	Ma_Hang	Ten_Hang	DVT	So_Luong	Don_Gia	Thanh_Tien	Ngay_Ct1	Ngay_Ct2	Ngay_Ct3
3	CHAR	VARCHAR	CHAR	N(18,3)	N(18,6)	N(18,0)	D	D	D
4	A001	Tên vật tư test A001		20.3	5,000	101,500	01/02/2017		
5	A002	Tên vật tư test A002		15	6,000	90,000	01/02/2017		
6	A003	Tên vật tư test A003		40.1	7,000	280,700	01/02/2017		
7	A004	Tên vật tư test A004		40.1	8,000	320,800	02/02/2017		
8	A005	Tên vật tư test A005		40.1	8,000	320,800	02/02/2017		
9	A006	Tên vật tư test A006		40.1	8,000	320,800	02/02/2017		
10									

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Quản trị tuổi kho, tuổi nợ, tuổi tiền**

BÁO CÁO TỒN KHO THEO THỜI GIAN

Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2016

Mã kho	Mã Vt	Diễn giải	ĐVT	Tồn cuối	Dư cuối	Tồn <=30 ngày	Dư <=30 ngày	Tồn <=60 ngày	Dư <=60 ngày	Tồn >60 ngày	Dư >60 ngày
K1521		**Kho nguyên vật liệu trực tiếp**		**18 100**	**44 055 000**	**7 900**	**19 700 000**	**9 400**	**23 410 000**	**800**	**945 000**
K1521	VT001	Vật tư test 001	Hộp	7 600	17 275 263	3 400	5 355 263	4 200	11 920 000		
K1521	VT002	V									
K1522	VT003	V									
K1522		**K**									
K1522	VT004	V									
K1522	VT005	V									
zzzzz	zzzzz	T									

CHI TIẾT TUỔI NỢ PHẢI THU

Công nợ đến ngày: 31/10/2017

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư công nợ phải thu							Ghi chú
		Trong hạn	Đến 30 ngày	Từ 31 đến 60 ngày	Từ 61 đến 90 ngày	Trên 90 ngày	Số dư nợ (Ngày 31/10)	Số dư có (Ngày 31/10)	
01.KH002	Công ty								
NCC001	Cty Vang								
NCC004	Cty Hà T								
NCC005	Cty Hà A								
NCC008	Công ty								

Tồn quỹ theo thời gian

Tháng 11 năm 2017

Tk	Tên tài khoản	Dư cuối	Dư cuối Nt	Dư <=30 ngày	Dư <=60 ngày	Dư >60 ngày
1111	Tiền Việt Nam	163 408 583	0.00	5 879 285 037		- 5 715 876 454
11210	Tiền VNĐ gửi NH VPBank	8 497 858	0.00			8 497 858
11211	Tiền VNĐ gửi NH ĐT và PTVN	6 344 234 578	345 000.00	6 344 234 578		
11212	Tiền VNĐ gửi tại kho bạc nhà nước	4 750 000	0.00			4 750 000
11213	Tiền VNĐ gửi Tiết kiệm tại BIDV	520 000 000	0.00			520 000 000
11221	Ngoại tệ Ngân hàng BIDV	53 376 550 238	2 352 556.77	7 696 915 375	16 625 715 736	29 053 919 127
11222	Ngoại tệ Ngân hàng VCB	1 654 711 815	72 926.92		1 654 711 815	

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Tốc độ cập nhật và truy xuất báo cáo nhanh (Hướng tới doanh nghiệp có dữ liệu lớn: Bigdata)**

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Chức năng lựa chọn tự động niêm yết dữ liệu (Niêm yết dữ liệu sẽ không cho phép các User thực hiện các thao tác thêm, sửa, xóa vào từng loại chứng từ từ ngày khóa sổ trở về trước)**

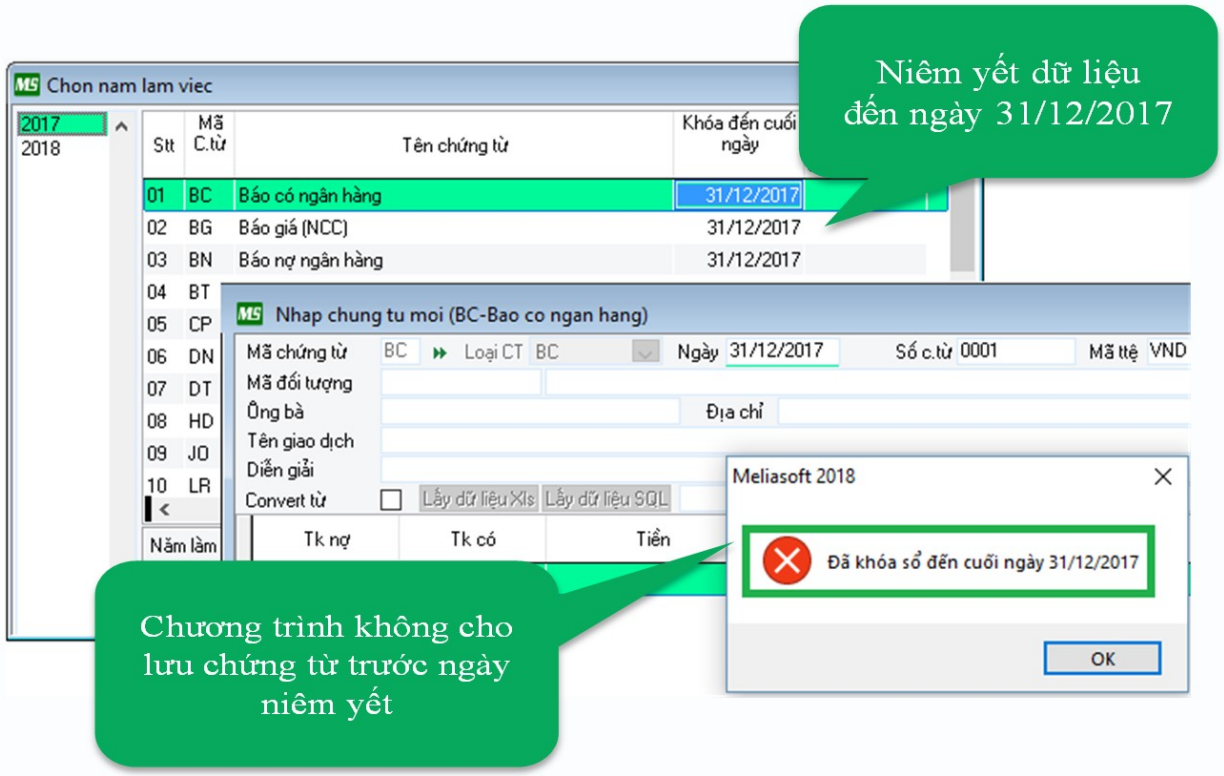

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Lưu nhật ký tất cả các thao tác**

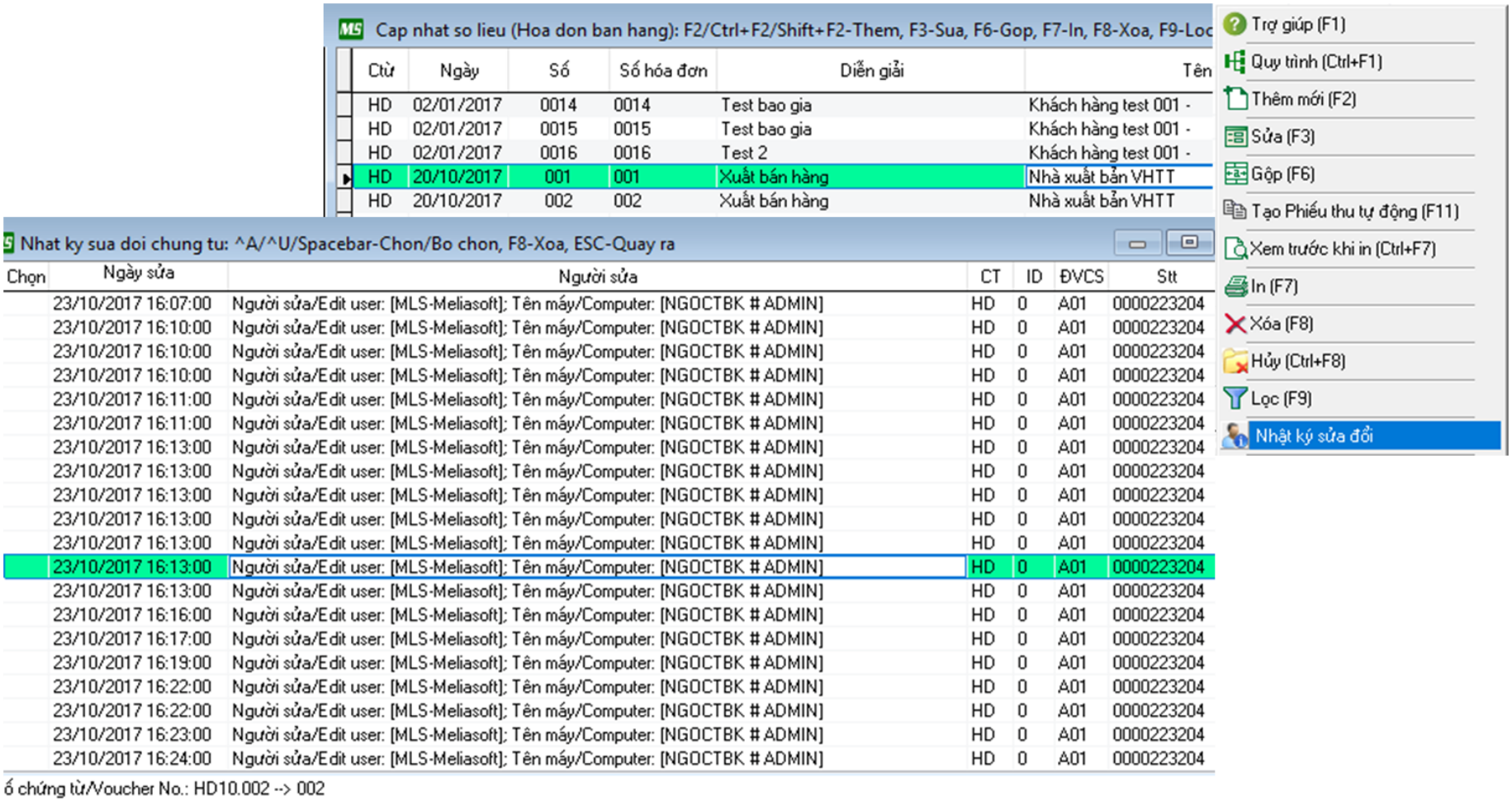

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Cho phép lưu báo cáo ở nhiều công cụ khác nhau (Pdf, Excel, biểu đồ, ….)**

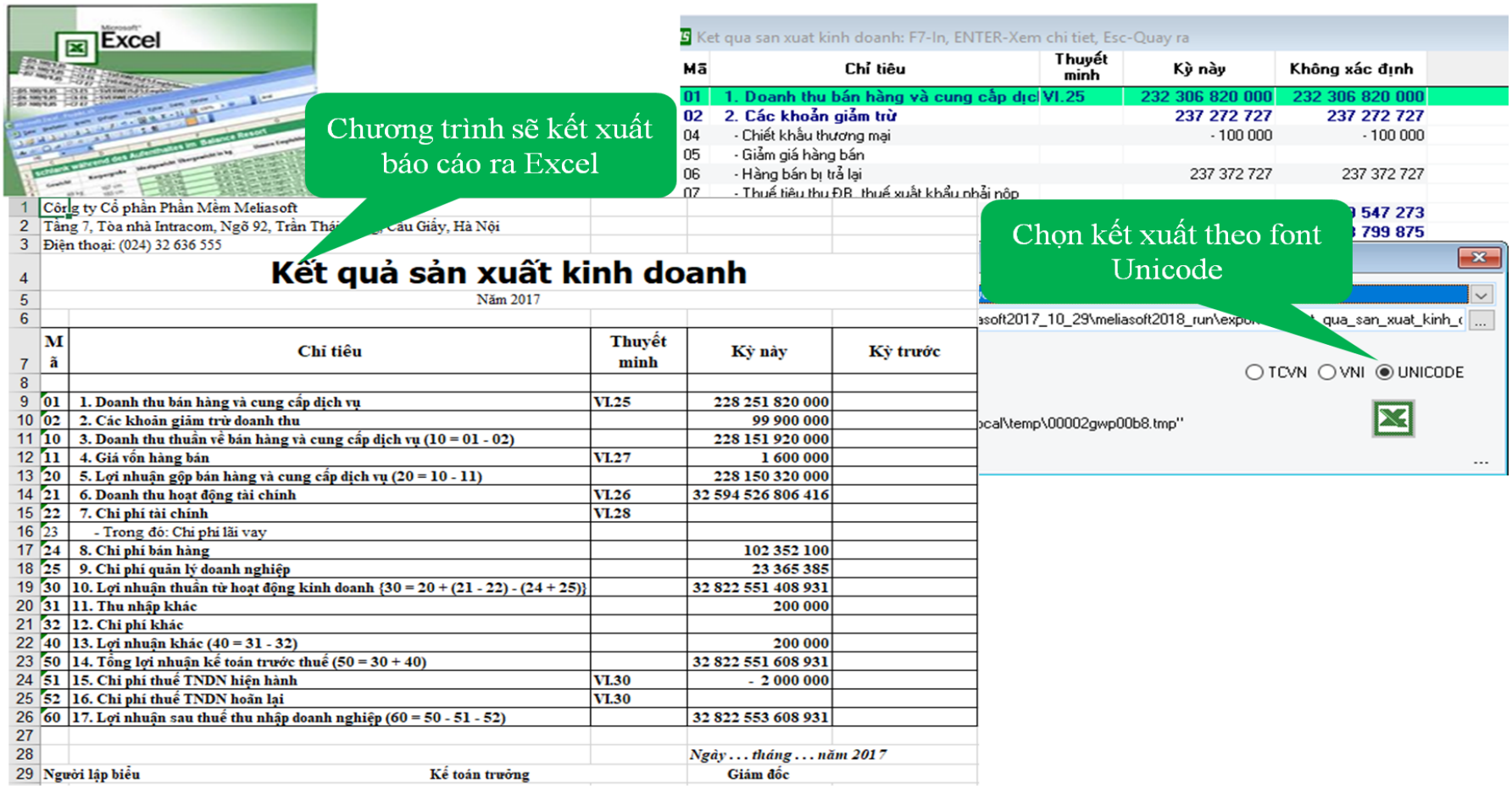

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Cho phép kết nối đa dạng với các thiết bị ngoại vi, công cụ, phần mềm khác**

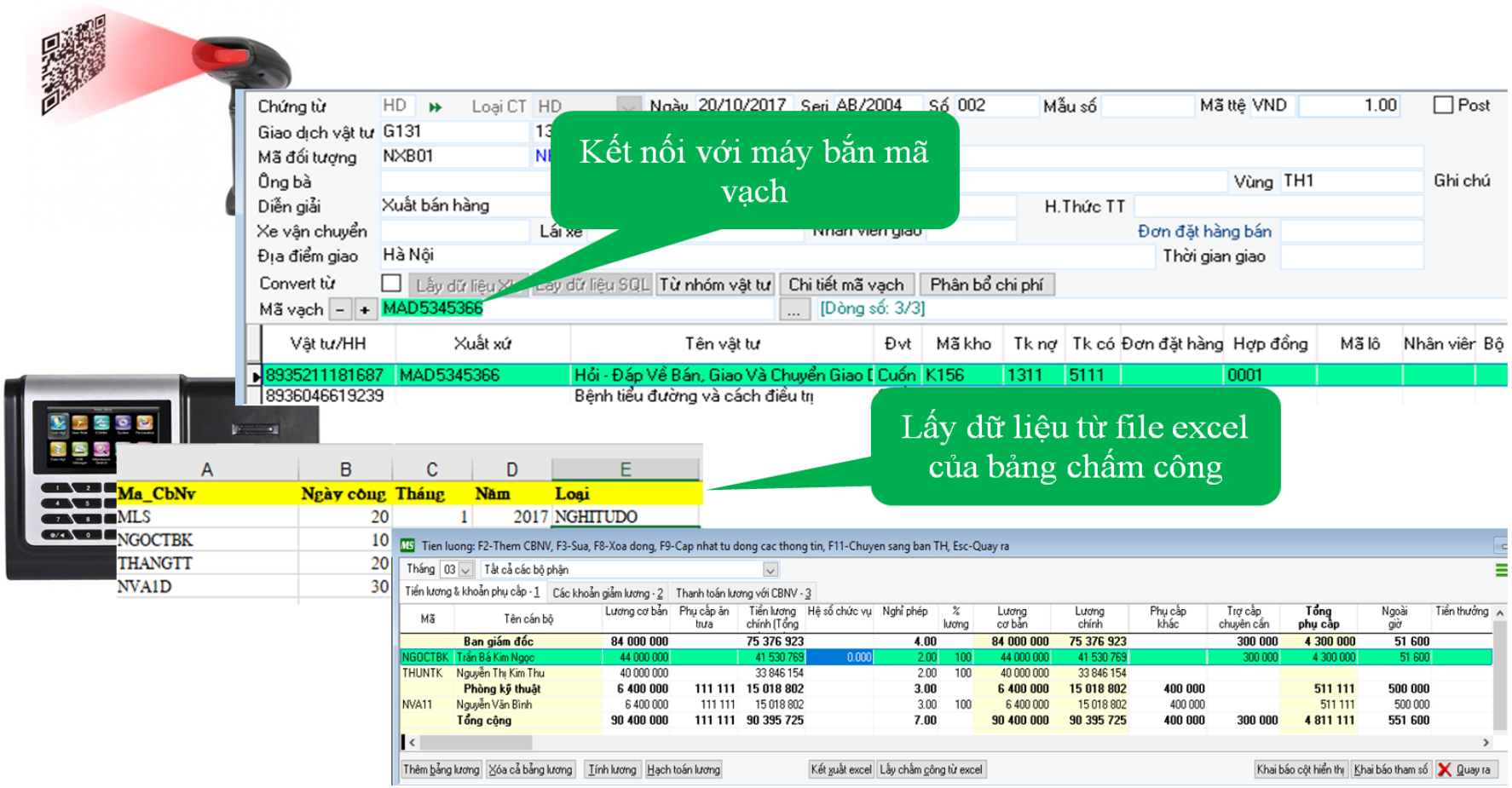

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Tạo phiếu thu tự động trên hóa đơn bán hàng**

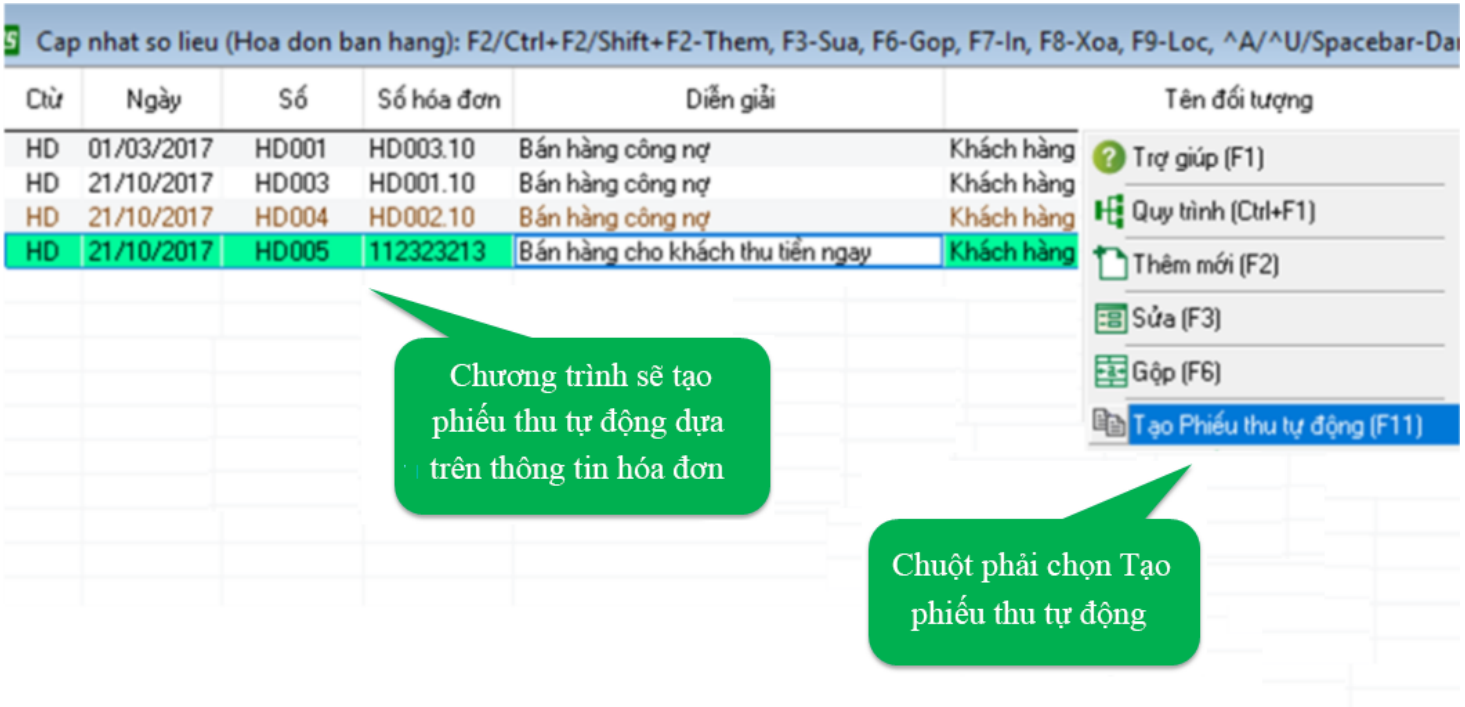

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Biểu đồ phục vụ quản trị**

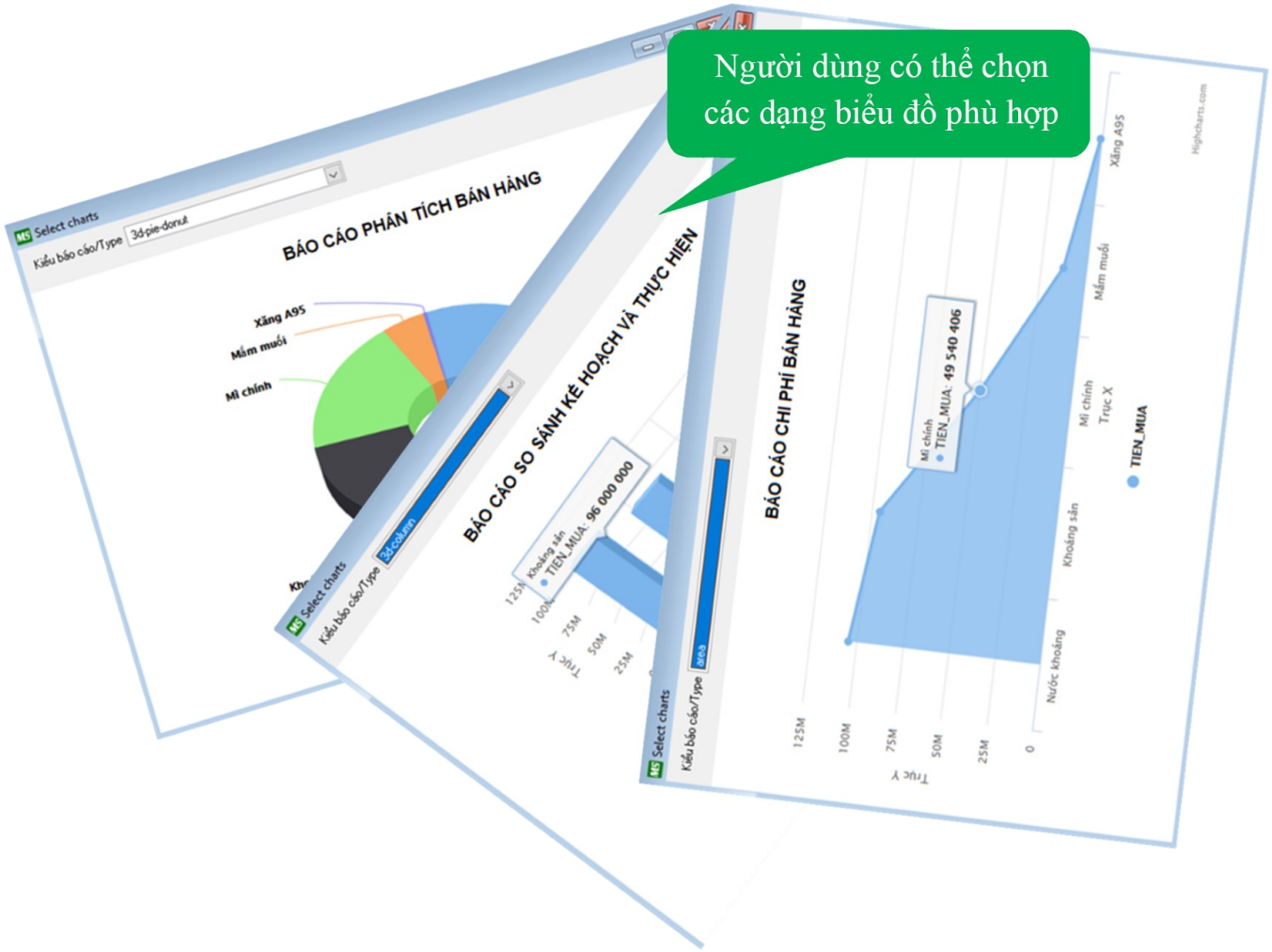

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Báo cáo quản trị giao diện web (Người dùng có thể xem trên công cụ khác: Smartphone, máy tính bảng, ...)**

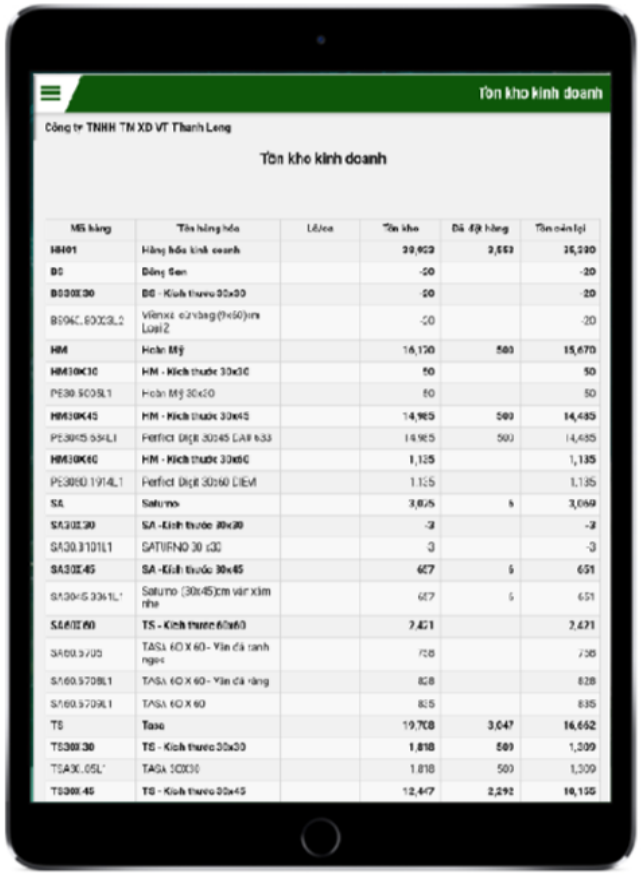

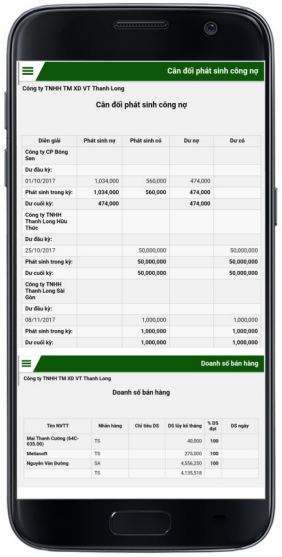

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Hệ thống cảnh báo (Cảnh báo khi có văn bản mới, hạn mức tín dụng, tiến độ đơn hàng, tiến độ sản xuất, ….)**

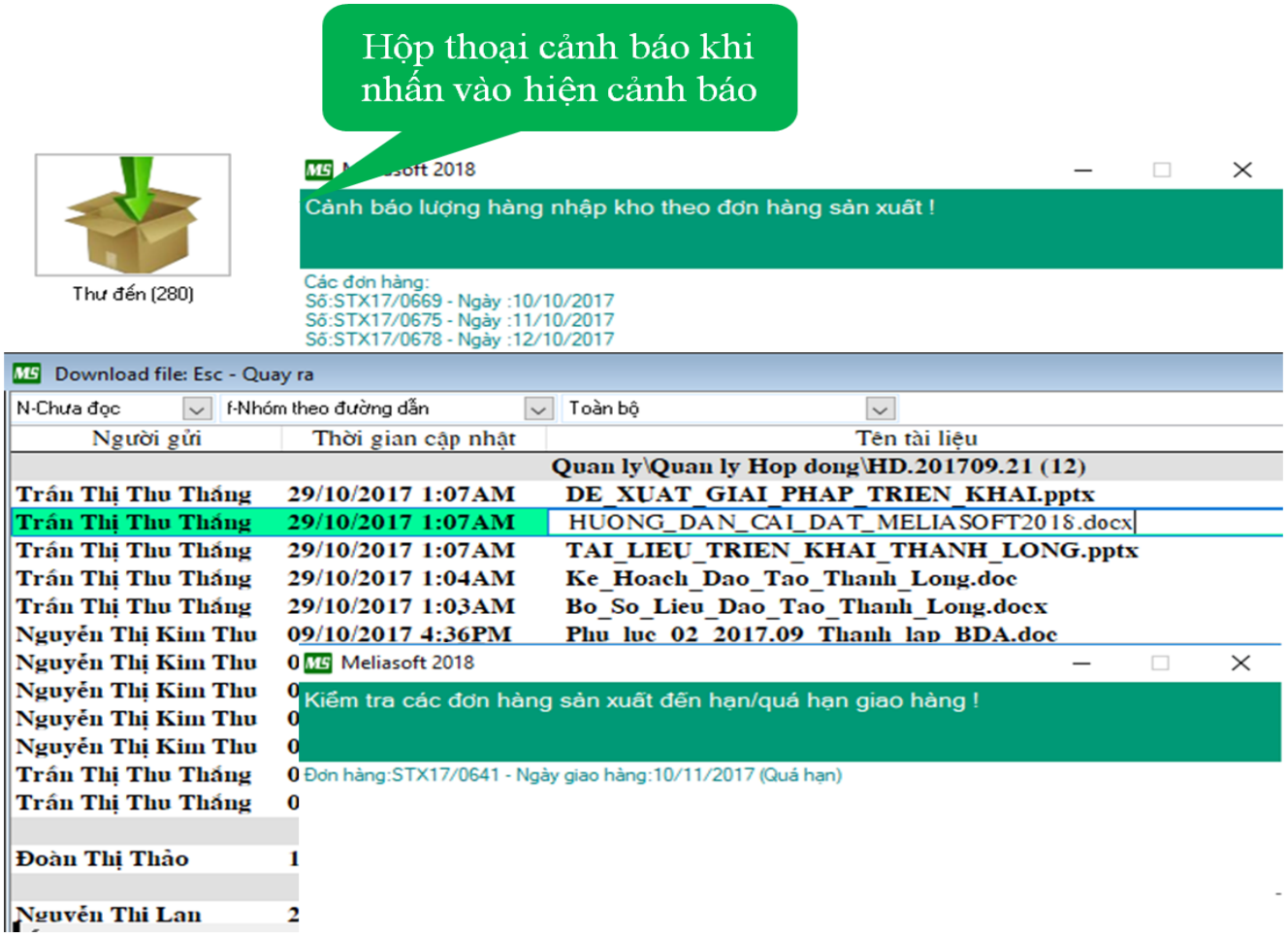

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Khai báo luồng công việc theo quy trình**

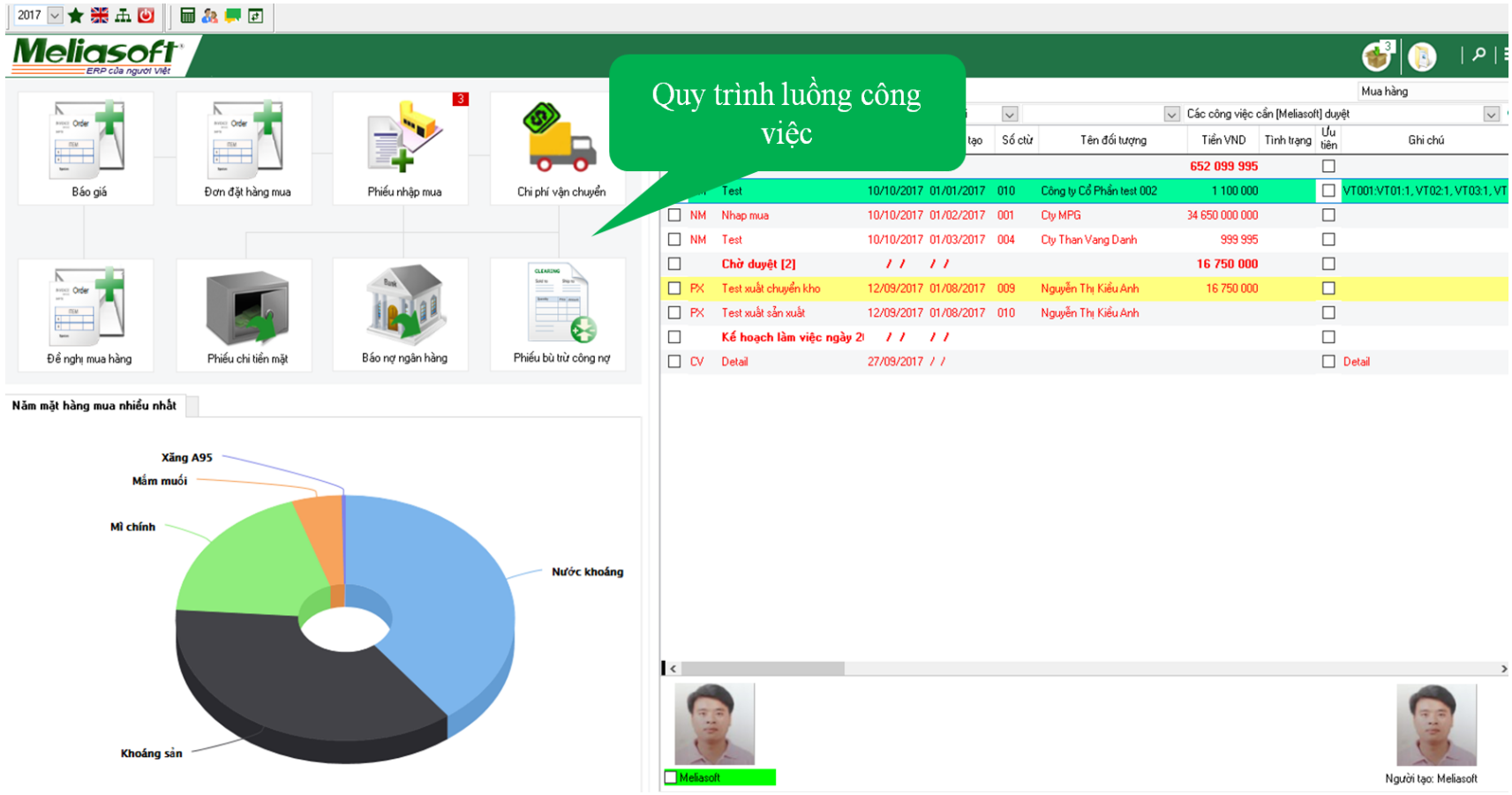

MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- **Kiểm soát lỗi logic số liệu, hỗ trợ công tác quản trị**

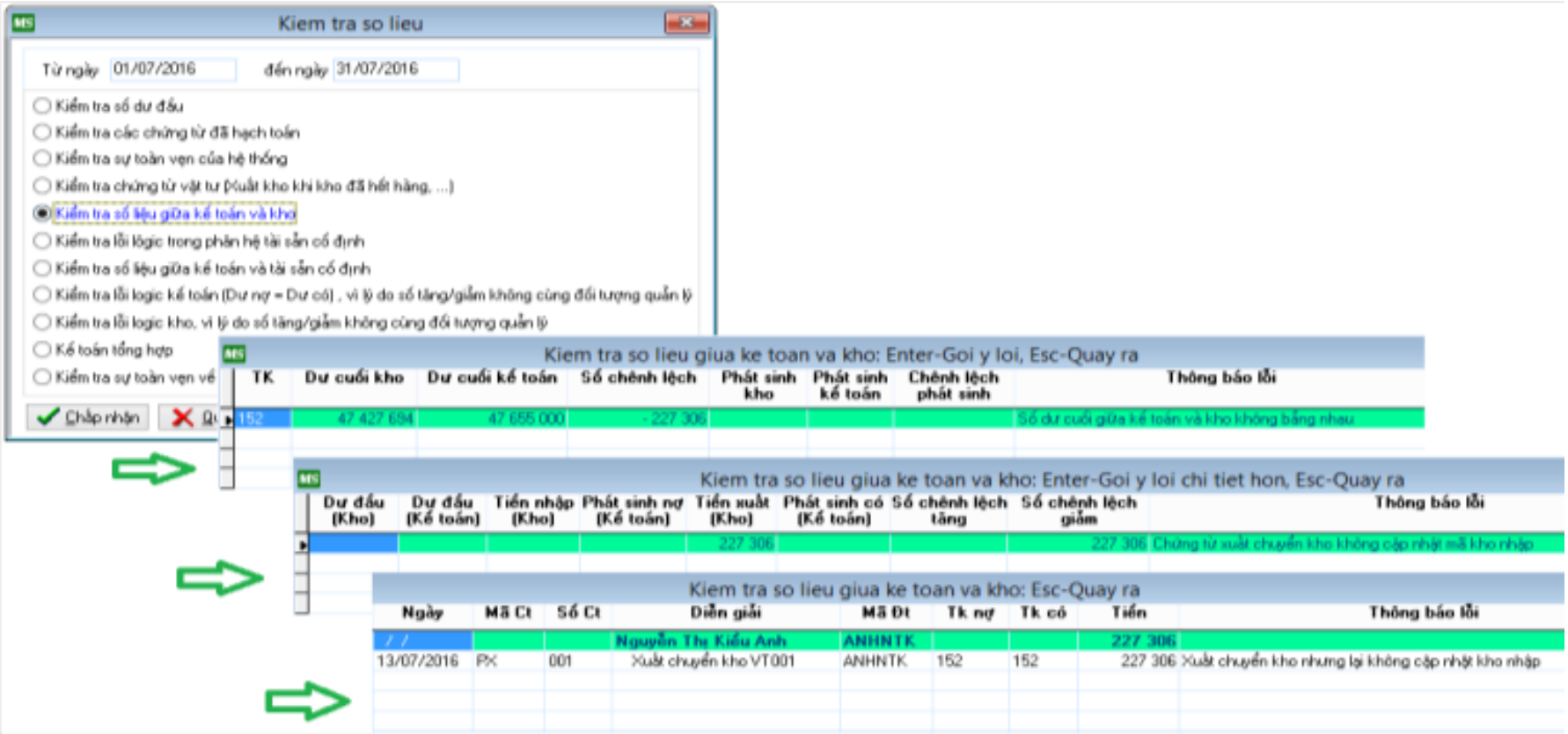

QUY TRÌNH TRIỂN KHAI

Giai đoạn trước khi ký hợp đồng

Giai đoạn sau khi ký hợp đồng

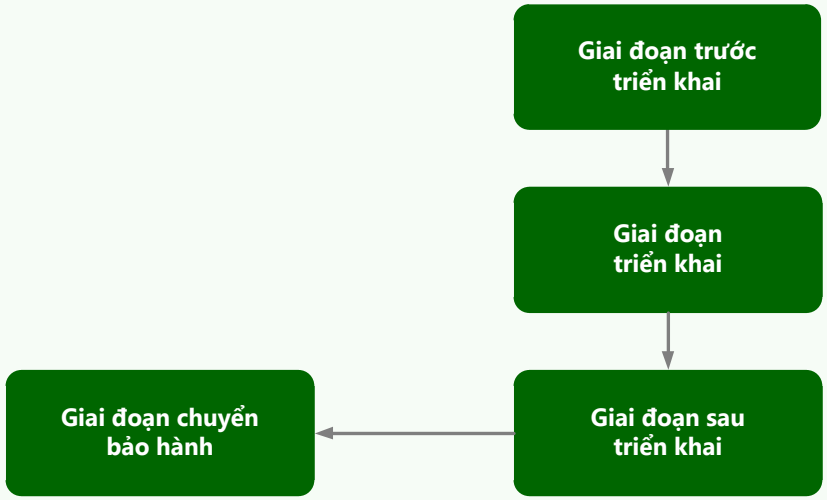

QUY TRÌNH TRIỂN KHAI

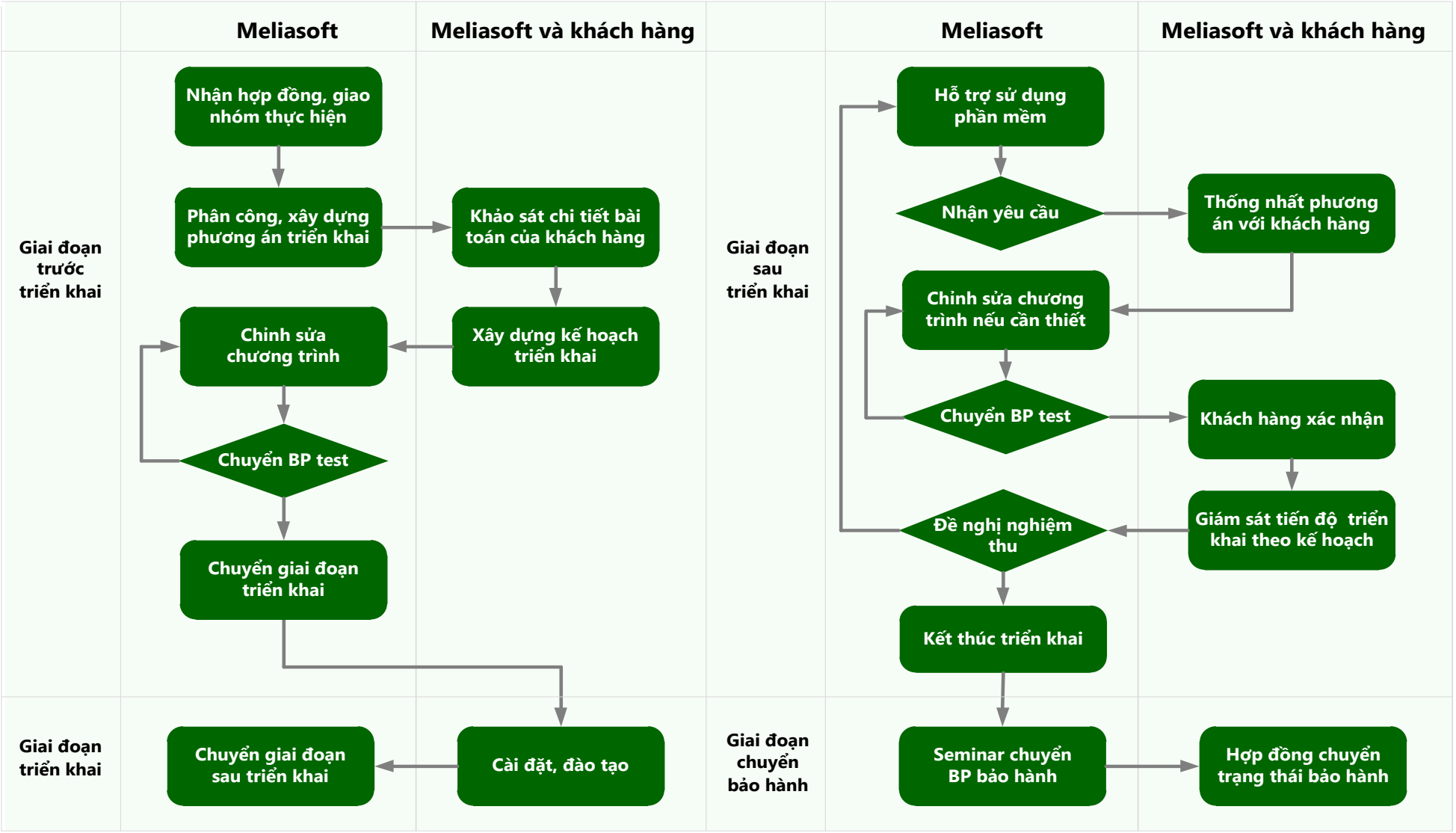

DỊCH VỤ

MELIASOFT với đội ngũ chuyên viên có nghiệp vụ, nhiệt tình, năng động sẵn sàng tư vấn cho khách hàng để việc áp dụng phần mềm có hiệu quả. Với phương châm **"Phong cách chuyên nghiệp, dịch vụ chu đáo"** những khách hàng khi đã mua phần mềm của MELIASOFT sẽ có được cung cấp những dịch vụ như sau:

√ **Tư vấn và đào tạo**: Trong quá trình triển khai, Meliasoft sẽ đi sâu vào quy trình sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, từ đó tư vấn khách hàng giải pháp cho các bài toán quản trị, cũng như hướng dẫn việc áp dụng phần mềm trong công tác hạch toán kế toán và quản lý doanh nghiệp một cách hiệu quả.

√ **Hỗ trợ:** Sau quá trình đào tạo, Meliasoft sẽ tiếp tục hỗ trợ về ứng dụng nghiệp vụ và sử dụng phần mềm cho đến khi nghiệm thu chương trình.

√ **Bảo hành**: Phần mềm được bảo hành trong **12 tháng**. Trong thời gian này khách hàng sẽ được trợ giúp kỹ thuật để vận hành phần mềm một cách hiệu quả.

√ **Bảo trì**: Sau khi kết thúc thời gian bảo hành, nếu khách hàng có nhu cầu hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng bảo trì theo thỏa thuận.

√ **Nâng cấp**: Là việc nâng cấp mở rộng các tính năng, các phân hệ vào phiên bản đang sử dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển quản lý của doanh nghiệp cũng như cập nhật thêm các tính năng, tiện ích và công nghệ của phiên bản Meliasoft mới nhất khi khách hàng có nhu cầu.

√ **Phương thức hỗ trợ**:

SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG LÀ THÀNH CÔNG CỦA CHÚNG TÔI

LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần phần mềm Meliasoft

Địa chỉ:	Tầng 7, Tòa nhà Intracom, ngõ 72, Đường Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel:	(024) 32 636 555
Email:	Home@meliasoft.com
Website:	www.meliasoft.com